

**BÁO CÁO HOÀN THIỆN  
VỀ ƯỚC TÍNH THIẾT HẠI KINH TẾ  
DO BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI  
PHỤ NỮ TẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, Việt Nam 2012



NUI Galway  
OÉ Gaillimh



---

---

# BÁO CÁO HOÀN THIỆN VỀ ƯỚC TÍNH THIẾT HẠI KINH TẾ DO BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TẠI VIỆT NAM

---

---

## Thực hiện cho

Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women)

## Người thực hiện

TS. Nata Duvvury và Patricia Carney, Đại Học Quốc gia Ireland, Galway

TS. Nguyễn Hữu Minh, Viện Gia đình và Giới, Việt Nam

Quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này không nhất thiết phản ánh quan điểm của UN Women và các tổ chức tham gia.

Xuất bản lần đầu năm 2012, bởi UN Women

**Bản quyền:** ©2012, UN Women

**Nguồn:** Việc sao chép ấn phẩm này vì mục đích giáo dục hay phi thương mại được chấp nhận mà không cần sự đồng ý trước bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền và cần trích dẫn nguồn đầy đủ. Việc sao chép ấn phẩm này để bán hoặc vì mục đích thương mại khác hoàn toàn bị cấm nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền.

**Ảnh:** Bức tranh (trang bìa) “Bạn có nhìn thấy nỗi sợ hãi trong đôi mắt họ” do em Lã Ngọc Lam vẽ trong Cuộc thi thiếu nhi vẽ tranh về “Phòng chống bạo lực giới trong học đường” cho Chiến dịch của Tổng thư ký Liên hợp quốc về Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Cơ quan Liên hợp quốc tại Việt Nam tổ chức tháng 3 năm 2012. Em Lam, 15 tuổi, học sinh trường PTCS Phương Mai, Hà Nội, đạt giải nhì trong số 2 triệu bức tranh tham gia dự thi.

## TỪ VIẾT TẮT

<b>BỘ LĐTB&amp;XH</b>	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
<b>CDC</b>	Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh, Hoa Kỳ
<b>Châu Á-TBD</b>	Châu Á-Thái Bình Dương
<b>CSAGA</b>	Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ, và Vị Thành niên
<b>CEDAW</b>	Công ước về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt Đối xử đối với Phụ nữ
<b>DV</b>	Bạo lực gia đình
<b>GDP</b>	Tổng sản phẩm quốc nội
<b>GBV</b>	Bạo lực trên cơ sở giới
<b>GoV</b>	Chính phủ Việt Nam
<b>GN</b>	Tổng thu nhập quốc dân
<b>ICCPR</b>	Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị
<b>IESCR</b>	Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội, và Văn hóa
<b>IFGS</b>	Viện Gia đình và Giới
<b>IPV</b>	Bạo lực do chồng/bạn tình gây ra
<b>ICRW</b>	Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ
<b>ILO</b>	Tổ chức Lao động Quốc tế
<b>LHQ</b>	Liên Hợp Quốc
<b>MOH</b>	Bộ Y tế
<b>MOCST</b>	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>NGO</b>	Tổ chức phi chính phủ
<b>OMCT</b>	Tổ chức Quốc tế Phòng chống tra tấn
<b>SO</b>	Tổ chức xã hội
<b>TCTK</b>	Tổng cục Thống kê
<b>WHO</b>	Tổ chức Y tế Thế giới
<b>UN</b>	Liên Hợp Quốc
<b>UNFP</b>	Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc
<b>UNIFEM</b>	Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên Hợp Quốc
<b>UNODC</b>	Văn phòng Phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên Hợp Quốc
<b>UN Women</b>	Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ
<b>USAID</b>	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
<b>VHLS</b>	Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam
<b>WU</b>	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

## LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn đối với những phụ nữ được lựa chọn tham gia nghiên cứu này tại các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, những người đã dành thời gian hồi tưởng lại những trải nghiệm buồn trong cuộc sống của mình và cung cấp thông tin cụ thể, chi tiết nhất theo khả năng có thể. Nếu không có sự tận tình này, nghiên cứu này chắc chắn không thể hoàn thành được.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn các cán bộ khảo sát tại hiện trường vì sự tận tụy và kiên nhẫn của họ trong quá trình điều tra định lượng, phỏng vấn sâu những nạn nhân đã trải qua bạo lực gia đình và khảo sát các nhà cung cấp dịch vụ. Sự tận tâm của họ đối với quá trình nghiên cứu có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thu thập thông tin phong phú và chi tiết làm cơ sở cho những ước tính về thiệt hại từ bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ trong nghiên cứu này.

Rất nhiều cán bộ chủ chốt đã cung cấp cho nhóm nghiên cứu những thông tin cơ bản để hiểu về sự biến động của vấn đề bạo lực gia đình ở Việt Nam, việc xây dựng khuôn khổ chính sách và pháp luật của Chính phủ, và những khó khăn thách thức trong việc thực thi các luật pháp và chính sách này. Nghiên cứu đã nhận được sự giúp đỡ đặc biệt quan trọng của Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quá trình thiết kế và thực hiện.

Chúng tôi cũng đánh giá cao những thảo luận và góp ý rất hữu ích của các cơ quan Liên Hợp Quốc (LHQ) tại Việt Nam trong suốt quá trình tiến hành nghiên cứu, đặc biệt là Nhóm Công tác về Bạo lực trên cơ sở Giới của LHQ. Những đóng góp của Văn phòng UNiTE khu vực châu Á - Thái Bình Dương và các cơ quan LHQ tại Việt Nam vào dự thảo báo cáo đã góp phần hoàn thiện báo cáo cuối cùng này.

UN Women tại Việt Nam đã đi đầu trong việc khởi xướng và hỗ trợ nghiên cứu này. Bà Suzette Mitchell, Vũ Phương Ly, Nguyễn Hải Đạt, Trần Thị Thúy Anh, Dương Bảo Long, Nguyễn Thị Hiệp, Stephanie O’Keefe, và Estefania Guallar Ariño đã liên tục hỗ trợ và đóng góp ý kiến trong suốt quá trình nghiên cứu. Nhóm tác giả chân thành ghi nhận những hỗ trợ đó.

Chúng tôi cũng hết sức biết ơn Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia AusAID vì đã tài trợ cho nghiên cứu này và có tầm nhìn kiên định trong việc thúc đẩy thảo luận chính sách ở Việt Nam hướng tới việc hình thành chính sách ứng phó toàn diện và nhất quán về bạo lực gia đình và cuối cùng là để giải quyết và phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ.

**Ts. Nata Duvvury**  
**Ts. Nguyễn Hữu Minh**  
**Patricia Carney**

## TÓM TẮT NGHIÊN CỨU

Bạo lực đối với phụ nữ là một vấn đề toàn cầu và Việt Nam không phải là ngoại lệ bởi vì nó xảy ra hàng ngày trong cuộc sống của nhiều trẻ em gái và phụ nữ Việt Nam. Theo quy định trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế và khu vực, bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi bạo lực gia đình là nghĩa vụ và ưu tiên của Chính phủ các quốc gia. Chính phủ Việt Nam đã nhận thức rõ trách nhiệm của mình và ký các công ước quốc tế bao gồm Công ước về Xóa bỏ mọi Hình thức Phân biệt Đối xử đối với Phụ nữ và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa. Ngoài ra, quyền bình đẳng của phụ nữ trong mọi khía cạnh đời sống xã hội và cá nhân cũng được ghi nhận rõ ràng trong Hiến pháp năm 1992. Tuy nhiên, mặc dù hệ thống pháp luật đã chú ý đến vấn đề bạo lực gia đình, trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, khái niệm này vẫn mới chỉ được hiểu chung chung là bạo lực diễn ra trong gia đình.

Những thiệt hại thực tế về mặt con người do bạo lực gây ra là rất lớn; bạo lực hủy hoại cuộc sống, phá vỡ các cộng đồng và cản trở phát triển. Bạo lực do chồng/bạn tình gây ra cũng là một mối quan ngại hàng đầu trong lĩnh vực phụ nữ và phát triển vì hình thức bạo lực này làm suy giảm sự phát triển kinh tế và xã hội của phụ nữ, cũng như khả năng tự quyết định cuộc sống của họ. Hiện nay, do cam kết về nguồn lực cho các hoạt động ứng phó liên ngành toàn diện đối với bạo lực gia đình nhằm cung cấp những hỗ trợ kịp thời, hiệu quả, dễ dàng tiếp cận cho phụ nữ còn rất ít, việc chỉ ra các tổn thất kinh tế ở cấp độ hộ gia đình do bạo lực gia đình gây ra để cho thấy bạo lực đối với phụ nữ đã vắt kiệt kinh tế hộ gia đình nghiêm trọng như thế nào là rất quan trọng. Vì những lý do đó, UN Women đã quyết định tiến hành nghiên cứu này với sự tham gia của Viện Gia đình và Giới thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và Đại học Ireland với sự tham vấn của các cơ quan Chính phủ, phi chính phủ (NGO), các đối tác quốc tế, cũng như sự hỗ trợ chung của Chiến dịch UNiTE Chấm dứt bạo lực với Phụ nữ, và Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia AusAID.

Mục tiêu tổng quát của nghiên cứu này là đưa ra ước tính đáng tin cậy về thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình gây ra ở Việt Nam. Nghiên cứu này sử dụng kết hợp nhiều phương pháp thu thập số liệu và khảo sát tổng số 1053 phụ nữ - trong đó 541 người ở khu vực nông thôn và 512 người ở thành thị - nhằm thu thập thông

tin về trải nghiệm của họ đối với bạo lực gia đình và các chi phí, thiệt hại có liên quan ở cấp độ hộ gia đình. Nghiên cứu này xem xét hai yếu tố thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình gây ra: 1) các chi phí trực tiếp phụ nữ phải chi trả để tiếp cận dịch vụ y tế, hỗ trợ của cảnh sát, hỗ trợ pháp lý, tham vấn, và hỗ trợ tư pháp; và 2) chi phí gián tiếp như lãng phí tiền học phí khi trẻ phải nghỉ học do bạo lực gia đình diễn ra với người mẹ. Một yếu tố thiệt hại kinh tế quan trọng nữa cũng đã được chỉ ra là phần thu nhập bị mất do không thể làm việc, trong đó có cả việc làm được trả lương và việc nhà. Cuộc khảo sát đã thu thập được nhiều thông tin chi tiết về chi phí cụ thể mà phụ nữ phải chịu trong từng vụ việc, số ngày làm việc được trả lương phải nghỉ, số ngày làm việc nhà phải nghỉ, và số ngày phải nghỉ học của con cái.

Các kết luận rút ra từ nghiên cứu này một lần nữa khẳng định kết quả trong các nghiên cứu trước đây về bạo lực ở Việt Nam, như bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái diễn ra với tần suất cao và phổ biến ở tất cả các tầng lớp kinh tế xã hội, trình độ giáo dục, và khu vực địa lý khác nhau. Những ước tính sơ bộ đối với toàn bộ nền kinh tế cho thấy cả chi phí trực tiếp phải bỏ ra và phần thu nhập bị bỏ lỡ chiếm gần 1,41% GDP của Việt Nam với giá trị khoảng 2.536.000 tỷ đồng trong năm 2010. Quan trọng hơn, các kết quả phân tích hồi quy đối với thiệt hại ước tính về năng suất lao động do bạo lực gây ra cho thấy phụ nữ phải chịu bạo lực có được thu nhập ít hơn 35% so với những người không bị bạo lực. Đây là một nguồn thâm hụt lớn nữa đối với nền kinh tế quốc dân. Ước tính tổng thiệt hại về năng suất lao động có giá trị tương đương 1,78% GDP. Mặc dù số liệu về các cơ quan cung cấp dịch vụ hiện còn chưa đầy đủ khiến cho việc ước tính chi phí hàng năm một cách tương đối chính xác là không khả thi, nhưng các ước tính chi phí này vẫn nhấn mạnh một nhu cầu cấp thiết là cần giải quyết toàn diện, triệt để vấn đề bạo lực gia đình. Do đó, những ước tính đưa ra trong nghiên cứu này nhằm góp phần giúp các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo, NGO, các cộng đồng đồng và gia đình có hiểu biết sâu hơn về toàn bộ cái giá phải trả cho việc không hành động để giải quyết bạo lực gia đình.

Các khuyến nghị chính từ nghiên cứu này cùng với những khuyến nghị từ Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình do Tổng cục Thống kê thực hiện, bao gồm:

- Gia tăng cam kết nguồn lực cho một ứng phó quốc gia đa ngành với bạo lực gia đình chống lại phụ nữ
- Tăng cường việc lưu hồ sơ vụ việc của các đơn vị cung cấp dịch vụ ở tất cả các cấp

- Tiến hành nghiên cứu thiệt hại kinh tế định kỳ để tạo ra các cột mốc thông tin phục vụ việc đánh giá nguồn lực cần thiết nhằm ứng phó với bạo lực gia đình
- Xác định chi phí của các gói can thiệp tối thiểu hiệu quả để nhân rộng ra toàn quốc
- Thiết kế và thực hiện các chiến dịch can thiệp truyền thông đại chúng ở cấp quốc gia phục vụ phòng ngừa sớm và làm thay đổi văn hóa chấp nhận các hành vi bạo lực do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ
- Tăng cường năng lực cho các cơ quan cung cấp dịch vụ, bao gồm cảnh sát và nhân viên y tế, cũng như các cơ quan quản lý hành chính như Ủy ban Nhân dân các cấp trong việc ứng phó với bạo lực gia đình đối với phụ nữ
- Hình thành văn hóa chia sẻ thông tin và duy trì hệ thống lưu thông tin đầy đủ
- Tiến hành đánh giá về các biện pháp can thiệp hiện có nhằm xác định các biện pháp hiệu quả để nhân rộng.

### Nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này đưa ra những ước tính về cơ hội và năng suất lao động bị mất trong nền kinh tế quốc dân do bạo lực gia đình gây ra. Để đánh giá toàn diện ảnh hưởng kinh tế của bạo lực từ chồng/bạn tình, cần có những mô hình chính xác hơn để phân tích tác động đối với tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, cần tiến hành một nghiên cứu cụ thể tập trung vào tác động đa thế hệ của bạo lực gia đình đối với phụ nữ do chồng/bạn tình gây ra nhằm xác định đầy đủ thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra đối với tiềm năng tăng trưởng tương lai của nền kinh tế. Một phương hướng quan trọng khác cần khảo sát là tác động của khủng hoảng kinh tế đối với bạo lực gia đình mà phụ nữ phải gánh chịu. Nghiên cứu này sẽ giúp đào sâu kiến thức về mối quan hệ cụ thể giữa bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình và sự biến động của nền kinh tế. Nhiều khả năng là trong các giai đoạn khủng hoảng kinh tế, chúng ta càng cần phải đảm bảo các dịch vụ giúp ứng phó và phòng ngừa bạo lực gia đình được phân bổ ngân sách phù hợp để tránh nguy cơ bạo lực gia đình gây ra ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế bởi vì nó thường xảy ra ở giai đoạn đi xuống của sự phát triển kinh tế. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay và các dịch vụ ứng phó với bạo lực gia đình đang bị cắt giảm trên phạm vi toàn thế giới khi các quốc gia thực hiện chính sách thắt lưng buộc bụng.

# MỤC LỤC

# DANH SÁCH CÁC KHUNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH, VÀ BẢNG

## **Chương 1: Bối cảnh, rà soát tài liệu, và mục tiêu nghiên cứu**

Bối cảnh	1
Thiệt hại của bạo lực gia đình (do chồng/bạn tình) gây ra	3
Bối cảnh Việt Nam	6
Kết quả một số nghiên cứu về Bạo lực gia đình ở Việt Nam	11
Ứng phó với Bạo lực gia đình	14

## **Chương 2: Phương pháp và tổ chức thực hiện**

Phạm vi điều tra	19
Dữ liệu và phương pháp	23
Thực hiện nghiên cứu	32
Các vấn đề đạo đức nghề nghiệp	33
Hạn chế của nghiên cứu	35

## **Chương 3: Tác động của Bạo lực do chồng/bạn tình gây ra: Các phát hiện**

Đặc điểm kinh tế - xã hội của những người tham gia khảo sát	37
Sức khỏe và phúc lợi	46
Các vụ bạo lực gia đình	51
Mô hình bạo lực gia đình - Các yếu tố quyết định bạo lực do chồng/ bạn tình gây ra	59
Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra: Cấp độ hộ gia đình	61
Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra: Chi phí cung cấp dịch vụ	70
Ước tính chi phí ở cấp vĩ mô	76

## **Chương 4: Tóm tắt các phát hiện chính và khuyến nghị**

Các phát hiện chính	81
Khuyến nghị	85

<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>89</b>
---------------------------	-----------

<b>Phụ lục</b>	<b>97</b>
----------------	-----------

Khung 1:	Định nghĩa và các khái niệm chính
Khung 2:	Diễn giải chi phí tòa án trong một vụ xử lý hôn
Khung 3:	Chi phí ly hôn
Biểu đồ 1:	Hành vi tìm kiếm hỗ trợ y tế của phụ nữ trong 4 tuần gần nhất
Biểu đồ 2:	Hành vi tìm kiếm hỗ trợ y tế khi con ốm trong 4 tuần gần nhất
Hình 1:	Trải nghiệm bạo lực gia đình trong hiện tại
Bảng 1.1:	Ước tính thiệt hại do bạo lực chồng/bạn tình gây ra tại các quốc gia
Bảng 2.1:	Ước tính các phần của thiệt hại do bạo lực chồng/bạn tình gây ra
Bảng 2.2:	Phân bố phụ nữ trong nhóm mẫu tham gia khảo sát
Bảng 2.3:	Thông tin về các cơ quan cung cấp dịch vụ tham gia khảo sát tại cấp xã/phường và huyện/tỉnh
Bảng 3.1a:	Đặc điểm kinh tế xã hội/nhân khẩu học của phụ nữ trong nhóm mẫu
Bảng 3.1b:	Đặc điểm kinh tế xã hội/nhân khẩu học của chồng/bạn tình
Bảng 3.2:	Độ tuổi kết hôn
Bảng 3.3:	Khoảng cách giới trong trình độ giáo dục
Bảng 3.4:	Phân bố thu nhập
Bảng 3.5a:	Các vấn đề sức khỏe
Bảng 3.5b:	Sử dụng thuốc trong 4 tuần gần đây
Bảng 3.5c:	Những vấn đề sức khỏe xảy ra trong vòng 4 tuần trước khi khảo sát
Bảng 3.5d:	Tần suất tiếp cận các cơ sở y tế (12 tháng qua)
Bảng 3.6:	Hình thức bạo lực mà phụ nữ phải chịu: trong quá khứ và trong 12 tháng trở lại đây
Bảng 3.7:	Tần suất xảy ra bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng

# CHƯƠNG 1

## BỐI CẢNH, RÀ SOÁT TÀI LIỆU, VÀ MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

### 1.1 Bối cảnh

Bạo lực đối với phụ nữ xảy ra hàng ngày trong cuộc sống của nhiều phụ nữ và trẻ em gái Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Thiệt hại về mặt con người do bạo lực đối với phụ nữ là rất lớn, nó phá hủy cuộc sống, làm rạn nứt cộng đồng và cản trở sự phát triển (Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ, 2009; Buron, Duvvury and Varia, 2000).

Điều 1 trong Tuyên bố của Liên Hợp Quốc đã định nghĩa bạo lực đối với phụ nữ là:” bất kỳ hành động bạo lực nào trên cơ sở giới gây ra hậu quả hoặc có thể gây ra hậu quả, làm tổn hại hoặc gây đau khổ cho phụ nữ về thân thể, tinh dục hay tâm lý, bao gồm những hành động đe dọa, áp bức hay tự ý tước đoạt tự do, dù xảy ra ở nơi công cộng hay trong đời sống riêng tư”. Định nghĩa này được hiểu là bạo lực đối với phụ nữ bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở các hình thức bạo lực thân thể, bạo lực tinh dục, bạo lực tâm lý và bạo lực kinh tế xảy ra trong và ngoài phạm vi gia đình. Trong số các hình thức bạo lực khác nhau trên cơ sở giới, bạo lực do chồng/bạn tình gây ra (bạo lực chồng/bạn tình gây ra, viết tắt là IPV)<sup>1</sup> là hình thức phổ biến nhất đối với phụ nữ – trên thế giới, trung bình cứ 3 phụ nữ thì có 1 người là đối tượng của hành vi bạo lực của chồng/bạn tình trong suốt cuộc đời họ (Heise và cộng sự, 1999).

Các nghị quyết của LHQ, các hiệp ước quốc tế về nhân quyền, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW) và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh nhấn mạnh việc giải quyết vấn đề bạo lực đối với phụ nữ (trong đó có bạo lực chồng/bạn tình gây ra, IPV) là nhiệm vụ cơ bản và ưu tiên hàng đầu của các chính phủ. Báo cáo của Tổng thư ký LHQ về bạo lực đối với phụ nữ năm 2006

<sup>1</sup> Bạo lực do chồng/bạn tình gây ra và Bạo lực gia đình là hai thuật ngữ thường được sử dụng với ý nghĩa như nhau trong các tài liệu về Bạo lực đối với phụ nữ. Bạo lực gia đình là thuật ngữ phổ biến trong khuôn khổ pháp lý và chính sách của Việt Nam. Thuật ngữ này mang nghĩa rộng hơn, bao gồm bạo lực tâm lý, thân thể và/hoặc bạo lực tinh dục gây ra bởi một thành viên trong gia đình. Mặt khác, Bạo lực chồng/bạn tình là hình thức bạo lực gây ra bởi người chồng/bạn tình - hầu hết đối tượng là phụ nữ và thường là những người vợ phải hứng chịu. Trong nghiên cứu này chúng tôi tập trung vào Bạo lực chồng/bạn tình và nạn nhân là phụ nữ, khái niệm này cũng sẽ được gọi bằng một thuật ngữ khác là “bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ”, hoặc viết tắt là IPV.

- Bảng 3.8: Số lần bạo lực gia đình trong 15 tháng gần đây
- Bảng 3.9: Phân bố các vụ bạo lực theo thời gian
- Bảng 3.10: Thương tích gây ra trong các vụ bạo lực gia đình
- Bảng 3.11: Thiệt hại về thu nhập trong mỗi vụ bạo lực gia đình xảy ra trong 15 tháng
- Bảng 3.12: Thiệt hại do thời gian làm việc gia đình bị mất do bạo lực gia đình
- Bảng 3.13: Chi phí trực tiếp tính trung bình
- Bảng 3.14: Tổng thiệt hại gây ra do bạo lực gia đình trong toàn bộ nhóm mẫu
- Bảng 3.15: Chi phí cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực y tế
- Bảng 3.16: Chi phí hoạt động của Công an
- Bảng 3.17: Chi phí nhân sự của Hội Phụ nữ
- Bảng 3.18: Tính toán tổng số vụ bạo lực gia đình
- Bảng 3.19: Ước tính vĩ mô về thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra
- Bảng 3.20: Ước tính thiệt hại năng suất lao động: Hồi quy biến công cụ bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn
- Phụ lục III: Chi tiết các bảng

đã một lần nữa kêu gọi chính phủ các quốc gia phải có những hành động khẩn cấp và toàn diện nhằm xóa bỏ tình trạng này (Tổng Thư ký LHQ, 2006). Gần đây nhất là vào năm 2010, Tổng Thư ký LHQ Ban Ki-moon đã phát động chiến dịch UNiTE Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ nhằm đẩy mạnh các nỗ lực của chính phủ các quốc gia ở Nam bán cầu trong việc ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ.

Việc gia tăng áp lực “đạo đức” đã khiến chính phủ các quốc gia đẩy mạnh xây dựng các văn bản pháp lý về bạo lực đối với phụ nữ trên toàn cầu (và gần đây là ở Nam bán cầu), cùng với việc nâng cao nhận thức và thực hiện các chiến dịch truyền thông làm thay đổi văn hoá chấp nhận bạo lực, đồng thời mở rộng các dịch vụ hỗ trợ phụ nữ là nạn nhân của bạo lực, và đầu tư vào nghiên cứu về bạo lực để thiết lập một hệ thống thu thập dữ liệu cũng như mở rộng kiến thức về các nhân tố tác động đến bạo lực và tìm hiểu các mối quan hệ quyền lực - giới tính tiềm ẩn có thể gây ra bạo lực (Tổng thư ký LHQ, 2010). Tuy nhiên, Tổng thư ký LHQ cũng lưu ý rằng cần có những ứng phó đa ngành toàn diện với đầy đủ nguồn lực để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kịp thời, để tiếp cận và hiệu quả cho phụ nữ đang hứng chịu bạo lực, và cuối cùng là tạo ra những tác động thay đổi nhận thức để ngăn chặn bạo lực. Để khuyến khích các chính phủ cam kết cung cấp nguồn lực lớn và ổn định, điều quan trọng là xác định được những *thiệt hại của việc không hành động*. Đặc biệt, cần phải chỉ ra những ảnh hưởng về kinh tế ở cấp độ hộ gia đình - để chỉ ra bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ làm kiệt quệ kinh tế gia đình như thế nào. Dựa trên những ước tính về hộ gia đình có thể ước tính mức thiệt hại kinh tế ở cấp độ vĩ mô để xác định tác động của bạo lực gia đình đối với Tổng sản phẩm quốc nội GDP.

Mục tiêu tổng thể của nghiên cứu này là *đưa ra những ước tính đáng tin cậy về thiệt hại kinh tế của bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ ở Việt Nam*. Ước tính đưa ra trong nghiên cứu này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo chính trị, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng và gia đình hiểu biết sâu sắc hơn về toàn bộ những *thiệt hại sẽ phải gánh chịu nếu không hành động* để giải quyết vấn đề bạo lực gia đình.

#### **Mục tiêu cụ thể của nghiên cứu là:**

1. Ước tính thiệt hại kinh tế hàng năm ở cấp độ gia đình do bạo lực chồng/bạn tình gây ra bao gồm:

- Ước tính thiệt hại kinh tế trực tiếp hàng năm cho các hộ gia đình do các hành vi bạo lực từ chồng/bạn tình bao gồm chi phí liên quan đến việc tiếp

cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe (thể chất và tinh thần), nhà tạm lánh, hòa giải (các tổ chức phi chính phủ, hoà giải địa phương), giải pháp liên quan đến tư pháp và chi phí thay thế tài sản bị hư hại.

- Ước tính chi phí gián tiếp – thu nhập bị tổn thất do mất thời gian làm việc, giảm năng suất lao động, sức khỏe và kết quả học tập của trẻ em bị ảnh hưởng (bao gồm việc nghỉ học, thi trượt hay điểm kém<sup>2</sup>).

2. Ước tính chi phí cung cấp dịch vụ hàng năm trên các lĩnh vực bao gồm y tế, công an, tư pháp và xã hội (cụ thể là từ Hội Phụ nữ).

3. Tính toán các ước tính vĩ mô:

- a. Ước tính tổng thiệt hại của nền kinh tế quốc gia
- b. Ước tính chi phí cung cấp dịch vụ
- c. Ước tính chi phí do mất năng suất lao động

Mục đích của nghiên cứu này là ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình gây ra ở cấp độ hộ gia đình để bổ sung những thông tin quan trọng còn thiếu trong các nghiên cứu ở Việt Nam. Nghiên cứu này tập trung vào việc đưa ra một ước tính về chi phí cơ hội<sup>3</sup> do bạo lực gia đình gây ra đối với các hộ gia đình trên cơ sở các kết quả của Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình được thực hiện năm 2010. Bằng việc sử dụng hai tiêu chí là tính phổ biến và số trường hợp bạo lực gia đình trong nhóm mẫu khảo sát, nghiên cứu có thể đưa ra ước tính chi phí tổng thể phát sinh trong nền kinh tế quốc gia do bạo lực gia đình gây ra.

## **1.2 Thiệt hại của bạo lực gia đình (do chồng/bạn tình) gây ra**

Dưới góc độ phụ nữ và phát triển, bạo lực từ chồng/bạn tình là một mối quan ngại lớn bởi điều này gây cản trở đối với sự phát triển về kinh tế, xã hội cũng như khả năng tự quyết định của người phụ nữ. Từ góc độ sức khỏe sinh sản, mối liên hệ giữa bạo lực của chồng/bạn tình (IPV) và các vấn đề về sức khỏe tình dục cũng như sức khỏe sinh sản của phụ nữ ngày càng được nhìn nhận rõ ràng – bao gồm

<sup>2</sup> Trong nghiên cứu này, các chi phí phát sinh liên quan đến các thành viên khác trong gia đình (như cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ-chồng, anh, chị, em ruột) sau khi hành vi bạo lực xảy ra không được thu thập trực tiếp. Phụ nữ chỉ được hỏi về những tác động của hành vi bạo lực đối với họ, chồng và con cái.

<sup>3</sup> Chi phí cơ hội để cập đến những tiêu dùng khác có thể có được trong một khoảng thời gian cụ thể hay với một khoản tiền nhất định. Những chi phí trực tiếp do bị bạo lực là khoản ngân sách có thể dành để tiêu dùng cho việc khác nếu không bị bạo lực, và nó thể hiện chi phí cơ hội của bạo lực.

các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, mang thai ngoài ý muốn, biện pháp phòng tránh thai, phá thai, tỷ suất bệnh và tử vong ở mẹ, và những hệ quả ngoài ý muốn khi mang thai (Heise, Pitanguy, và Germain 1994; Heise, Raikes và cộng sự 1994; Tổ chức Y tế Thế giới 1996).

Ngân hàng Thế giới (1993) ước tính các trường hợp cưỡng hiếp và bạo lực gia đình làm giảm 5% tuổi thọ của phụ nữ trong độ tuổi sinh sản tại các nước đang phát triển. Ví dụ tại Trung Quốc, nơi tỷ lệ tử vong ở mẹ và các bệnh do đói nghèo đã được kiểm soát tương đối, số năm sống bị mất do cưỡng hiếp và bạo lực gia đình gây ra chiếm tỷ lệ lớn (16%) trong số các nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Tại các nền kinh tế thị trường đã phát triển, trung bình cứ 5 năm thời gian sống bị mất trong nhóm phụ nữ từ 15 đến 44 tuổi thì 1 năm là do nguyên nhân bạo lực giới gây ra (Heise, 1994). Hiện ở Việt Nam chưa có ước tính cụ thể nào về những tác động của bạo lực tìchồng/bạn tình gây ra làm giảm số năm sống của phụ nữ.

Thêm vào đó, cũng đã có những bằng chứng cho thấy tầm quan trọng của tác động đa thế hệ của bạo lực gia đình. Các nghiên cứu từ Hoa Kỳ (Caesar 1988; Hotaling và Sugarman 1986; Kalmuss 1984; Straus và Gelles 1990) và nhiều quốc gia đang phát triển (Ellsberg và cộng sự. 1999; Jewkes, Levin, và Penn-Kekana 2002; Martin và cộng sự, 2002) cho thấy việc chứng kiến bạo hành gia đình trong thời thơ ấu sẽ làm tăng khả năng trẻ em trong các gia đình bạo lực trở thành thủ phạm hoặc là nạn nhân của nạn bạo hành khi lớn lên. Những nghiên cứu khác đã cho thấy mối quan hệ giữa bạo lực gia đình và một số hành vi nguy cơ cụ thể – trong đó đáng chú ý nhất là hành vi sử dụng rượu hoặc chất gây nghiện (Jewkes và cộng sự 2002; Koenig và cộng sự 2003; Rao 1997; Van der Straten và cộng sự 1998; Watts và cộng sự 1998). Vai trò tiềm ẩn của HIV/AIDS trong việc dẫn đến bạo hành cũng được nhấn mạnh. Một số các nghiên cứu tại châu Phi cho thấy có sự liên hệ chặt chẽ giữa nguy cơ thực tế hoặc giả định về HIV và tỷ lệ bạo lực gia đình cao (Coker và Richter 1998; Koenig và cộng sự. 2003; Dunkle và cộng sự, 2004). Những bằng chứng gần đây từ Ấn Độ cũng khẳng định mối liên hệ giữa bạo lực giới và tình trạng suy dinh dưỡng mãn tính (Ackerson và Subramaniam, 2008).

Về mặt kinh tế, hơn 30 nghiên cứu, phần lớn từ các nước phát triển, đã cố gắng định lượng những thiệt hại kinh tế gây ra do các hình thức bạo hành khác nhau đối với phụ nữ. Những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào các chi phí phải trả của việc sử dụng dịch vụ cũng như mức thiệt hại về kinh tế do giảm sản lượng, giảm năng suất và thu nhập do bạo lực.

**Bảng 1.1: Ước tính thiệt hại của IPV ở các quốc gia**

Tác giả	Quốc gia	Thiệt hại	Ước tính	% GDP
Access Economics (2004)	Úc	Cung cấp dịch vụ và chi phí kinh tế	\$8.1 tỷ/năm	1.2
Walby (2004)	Anh	Cung cấp dịch vụ, Sản lượng kinh tế, và thiệt hại về tinh thần	£23 tỷ	1.91
Orlando và Morrison (1999)	Ni-ca-ra-gu-a	Thiệt hại về năng suất	\$29.5 tỷ	1.6
	Chi lê	Thiệt hại về năng suất	\$1.56 tỷ	2.0
WHO-CDC 2007	Brazil	Thiệt hại về năng suất	12% của ngân sách y tế	1.2
ICRW 2009	U-gan-da	Chi phí trực tiếp từ tiền túi	\$ 5	1.6 <sup>a</sup>
	Ma rốc	Chi phí trực tiếp từ tiền túi	\$ 157	6.5 <sup>a</sup>

*\*Nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW) không sử dụng ngoại suy để ước tính thiệt hại ở cấp vĩ mô mà ước tính trên cơ sở thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI)*

Trong số các nghiên cứu này, nghiên cứu Walby ở Anh là nghiên cứu toàn diện nhất. Nghiên cứu này ước tính tổng thiệt hại do bạo lực chồng/bạn tình gây ra bao gồm chi phí các dịch vụ liên quan, thiệt hại do giảm sút sản lượng kinh tế, và thiệt hại về tinh thần và con người, là gần 1,91% GDP, tương đương 23 tỷ Bảng Anh mỗi năm (34,5 tỷ Đô la Mỹ) (Walby, 2004). Chỉ riêng thiệt hại về sản lượng kinh tế đã lên đến 2,7 tỷ Bảng một năm (bằng 0,22% GDP năm 2004). Một nghiên cứu ước tính thiệt hại tương tự ở Australia đã đưa ra con số chi phí là 8,1 tỷ Đô la Australia một năm, tương đương 1,2% GDP vào năm 2004 (Access Economics 2004). Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh (CDC) Hoa Kỳ ước tính hàng năm có tới 13,5 triệu ngày bao gồm ngày làm việc được trả lương và làm việc nhà đã bị mất do nạn bạo hành gia đình ở Mỹ, với tổng giá trị thiệt hại lên tới 858 triệu USD (CDC 2003).

Ngoài ra còn có một số nghiên cứu khác đã xem xét ảnh hưởng của bạo lực gia đình ở khu vực phía Nam bán cầu, đặc biệt là tại Nam Mỹ, trong đó có hai nghiên cứu quan trọng đã tập trung đặc biệt tới những chi phí mà ngành y tế phải gánh chịu. Một nghiên cứu ở Brazil do WHO và CDC tiến hành năm 2009 đã ước tính những chi phí y tế trực tiếp của Brazil do bạo lực gia đình gây ra chiếm 0,4% tổng ngân sách cho y tế. Một nghiên cứu ở Colombia ước tính vào năm 2003 Chính phủ đã phải dành 0,6% ngân sách quốc gia để ngăn chặn và phát hiện những vụ bạo hành gia đình và cung cấp dịch vụ cho nạn nhân (Sanchez và cộng sự, 2004). Ảnh hưởng về kinh tế cũng được ước tính. Theo Morrison và Orlando (1999), tại Chile và Nicaragua, tổng cộng tất cả các hình thức bạo lực gia đình đã làm giảm thu nhập của phụ nữ ở 2 nước này vào năm 1996 là 1,56 tỷ USD (bằng 2% GDP của Chile) và 29,5 triệu USD (bằng 1,6% GDP của Nicaragua). Ước tính này dựa trên phép hồi quy kinh tế về thu nhập hơn là dựa vào việc tính toán số thời gian làm việc thực tế bị mất do bạo hành. Sanchez và các cộng sự (2004) chỉ ra rằng phụ nữ Colombia là nạn nhân của bạo hành thể chất có thu nhập thấp hơn 14% so với những người phụ nữ không phải chịu bạo hành. Ở Brazil, việc giảm năng suất lao động do những chấn thương liên quan đến bạo hành chiếm tới khoảng 12% tổng ngân sách y tế, tương đương 1,2% GDP (WHO CDC, 2007). Một nghiên cứu đa quốc gia của ICRW đã ước tính rằng chi phí trực tiếp từ tiền túi phải chi trả cho các dịch vụ trợ giúp nạn nhân dao động từ 1,5% GNI đầu người ở Uganda đến 6,98% GNI đầu người Morocco (ICRW, 2009).

## 1.3 Bối cảnh Việt Nam

### 1.3.1 Định kiến giới và bình đẳng giới

Xã hội Việt Nam là một xã hội gia trưởng sâu sắc với quan điểm truyền thống về giới dựa trên đạo Khổng và đạo Phật. Theo đạo Khổng, đàn ông được tôn trọng, họ là trụ cột trong gia đình, có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, là những người đáng tin cậy và trung thành. Phụ nữ được xem như người bảo trợ cho những mối quan hệ trong gia đình với trách nhiệm chính là duy trì sự hòa hợp (Vu Song Ha, 2002 và 2009; Ghuman, 2005; Mia và cộng sự, 2004; Rydstorm, 2006). Nhìn chung phụ nữ bị đánh giá thấp trong khi đàn ông được tôn trọng. Theo như Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình (Tổng cục Thống kê, 2010) phụ nữ thường chấp nhận những định kiến xã hội để “giữ thể diện”, thường nhẫn nhịn chịu đựng, bỏ qua những mong muốn của cá nhân, họ chấp nhận việc đàn ông nổi nóng là tự nhiên vì đàn ông là ‘nóng tính’, và biện hộ rằng bạo lực là để sửa chữa những sai trái trong hành vi của phụ nữ.

Dù những chuẩn mực gia trưởng là những thành kiến cổ hủ bám rễ rất sâu vào xã hội, sự chuyển mình về kinh tế với công cuộc Đổi Mới năm 1986 đã có những ảnh hưởng đáng kể đến phụ nữ nói chung, và ít nhiều làm thay đổi mối quan hệ giữa các giới trong gia đình. Ngày càng nhiều phụ nữ tham gia vào thị trường lao động, và hiện tại con số này đã tăng lên tới gần 46,6% (của tổng lực lượng lao động), mặc dù phụ nữ tham gia chủ yếu vào những công việc không chính thức, thu nhập bằng một nửa nam giới ở khu vực này, và với cơ hội việc làm bấp bênh hơn so với nam giới (UN Women, 2010). Nam giới thường có xu hướng làm việc nhiều hơn so với phụ nữ khi xét trên tất cả các nhóm độ tuổi, trừ ở nhóm độ tuổi từ 20 - 24 phụ nữ có xu hướng đi làm nhiều hơn so với nam giới. Tỷ lệ việc làm cao ở nhóm nữ thanh niên phần lớn là nhờ Đổi Mới với việc mở rộng các khu vực xuất khẩu, cụ thể phụ nữ chiếm tới 70-80% lực lượng lao động trong các nhà máy điện tử, dệt may và da giày (USAID, 2010, trang 2). Không còn nghi ngờ gì về những đóng góp về kinh tế ngày càng tăng của phụ nữ. Tuy nhiên, với những kỳ vọng về vai trò của giới không hề thay đổi, phụ nữ tiếp tục phải gánh vác trách nhiệm chính trong chăm sóc gia đình và làm việc nhà. Trách nhiệm gia đình và xã hội đang đặt lên vai người phụ nữ một gánh nặng kép.

Một khía cạnh đã được cải thiện đáng kể về bình đẳng giới đó là việc tiếp cận giáo dục của trẻ em gái. Ở cấp tiểu học và trung học cơ sở tỷ lệ đến trường của cả hai giới là tương đối ngang nhau, ở cấp trung học phổ thông, nhiều trẻ em nữ hơn trẻ em nam theo học (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2008). Tỷ lệ biết chữ ở phụ nữ cũng ngang bằng với tỷ lệ này ở nam giới (theo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam, 2009). Tuy nhiên, chênh lệch vẫn còn tồn tại trong các nhóm dân số chịu thiệt thòi và dễ bị tổn thương, trẻ em gái trong nhóm 20% hộ dân nghèo nhất và ở các cộng đồng dân tộc thiểu số miền núi phía bắc ít có khả năng được đi học (Lee, 2008). Một báo cáo của Oxfam về giám sát đói nghèo cho thấy có một sự chuyển dịch về chuẩn mực giới ở nhóm cha mẹ được phỏng vấn, bao gồm cả những người từ các hộ nghèo, khi họ cho biết không có sự phân biệt nào giữa việc cho con trai hay con gái đi học (Oxfam và Action Aid, 2011). Học vấn của trẻ em gái tăng lên là cực kỳ quan trọng đối với việc phòng chống bạo hành gia đình, như Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình đã chỉ ra rằng phụ nữ với trình độ giáo dục cao hơn sẽ ít có nguy cơ chịu bạo lực. Đây là một phát hiện cũng được tìm thấy trong các nghiên cứu khác trên thế giới (Duvvury và cộng sự 2000, Garcia-Moreno và cộng sự 2005).

Tiến bộ trong giáo dục đã phản ánh những cam kết của chính phủ với bình đẳng giới. Trên bình diện quốc tế, Chính phủ Việt Nam đã ký kết những công ước quốc tế gồm có Công ước về Xóa bỏ Mọi hình thức Phân biệt Đối xử với Phụ

nữ (CEDAW) và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội, và Văn hóa (ICESCR). Về các văn kiện nhân quyền quốc tế khác, Việt Nam đã gia nhập Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị năm 1982. Vào tháng 3 năm 2000, Ủy ban Nhân quyền đưa ra bản Bình luận chung số 28 về Điều 3 Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) liên quan đến bình đẳng giới, theo đó, các quốc gia có trách nhiệm thông tin về luật pháp và thông lệ quốc gia đối với vấn đề bạo lực gia đình và các hình thức bạo hành khác với phụ nữ, gồm có cưỡng hiếp, thực hiện nạo phá thai an toàn cho phụ nữ mang thai do bị cưỡng hiếp hay những biện pháp ngăn chặn việc ép phụ nữ phá thai hay triệt sản.

Vào năm 1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam đã ban hành một số pháp lệnh về Kết luận và Thực hiện các Công ước quốc tế. Trong báo cáo năm 2000 gửi Ủy ban về Xóa bỏ kỳ thị sắc tộc, Chính phủ Việt Nam nhấn mạnh rằng với những sắc lệnh này, công ước quốc tế được đặt lên trên những điều luật quốc gia và tuyên bố chính phủ Việt Nam coi những văn kiện quốc tế này như “một bộ phận cấu thành của luật pháp Việt Nam”.

Cùng với những cam kết quốc tế, Việt Nam có một cam kết pháp lý và khung chính sách mạnh mẽ về vấn đề bình đẳng giới. Hiến pháp Việt Nam 1992 đã công nhận quyền bình đẳng của phụ nữ ở cả khu vực công và tư trong Điều 63:

*Nam giới và phụ nữ có quyền bình đẳng trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và gia đình. Chính phủ tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển toàn diện khả năng và không ngừng đóng vai trò quan trọng trong xã hội.*

Dựa vào nền tảng hiến pháp này, quyền phụ nữ về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội đã được đưa vào thể chế thành các luật: Luật Dân sự, Bộ Luật Lao động, Luật Bảo vệ Sức khỏe Nhân dân, Luật Doanh nghiệp, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ Luật Hình Sự, Luật Tố tụng Hình sự, Luật Bầu cử Quốc hội, và Luật Bầu cử Hội đồng Nhân dân (Nguanbanchobong, 2010). Một tiến bộ quan trọng thúc đẩy bối cảnh chính trị là việc ban hành Luật Bình đẳng Giới nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực chính trị, đời sống kinh tế và xã hội ở Việt Nam. Luật này được thông qua vào Kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 29-11-2006, và chính thức có hiệu lực từ ngày 1-7-2007. UN Women đã kết hợp với Chính phủ Việt Nam xây dựng một Chiến lược Quốc gia và Chương trình Quốc gia về Bình đẳng giới. Hai cam kết chính sách này đã được chính thức ban hành với Quyết Định 2351/QĐ-TTg về Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới vào tháng 12-2010 (2011-2020) và Quyết Định 1241/QĐ-TTg về Chương trình Quốc gia về Bình đẳng giới vào tháng 7-2011 (2011-2015). Hai văn bản đã cùng nhau đề ra

“lộ trình cho Chính phủ Việt Nam thúc đẩy bình đẳng giới trong thời gian từ 5-10 năm và do vậy đây là những văn bản quan trọng nhất về vấn đề giới ở Việt Nam, cùng với những cam kết quốc gia về ngân sách.” (UN Women Việt Nam, 2012).

### 1.3.2 Tiếp cận với Bảo trợ Xã hội, Y tế và Giáo dục

Về vấn đề cung cấp dịch vụ xã hội, Việt Nam có một hệ thống các chương trình an sinh xã hội toàn diện bao gồm bảo trợ xã hội, bảo hiểm xã hội và một hệ thống bảo hiểm y tế, giáo dục tiểu học và các chương trình mục tiêu quốc gia cho nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương. Chiến lược bảo trợ xã hội và các khung chính sách – bao gồm Luật Bình đẳng Giới, Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Xóa đói giảm nghèo, Nghị quyết 80/NQ-CP về Giảm nghèo bền vững (2011-2020) và một Kế hoạch Tổng thể về Bảo trợ xã hội mới – tất cả được xem là có tiềm năng thúc đẩy các dịch vụ bảo trợ xã hội nhạy cảm giới hơn.

Chương trình bảo trợ xã hội chủ yếu hướng tới những người không có khả năng lao động như trẻ em, người già, người khuyết tật. Chương trình bảo hiểm xã hội cấp lương hưu, bảo hiểm cho người khuyết tật, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bắt buộc đối với tất cả các người lao động theo Luật Lao động. Theo Chương trình Phát triển LHQ (UNDP, 2010), năm 2009 khoảng 18% lực lượng lao động của Việt Nam nằm trong chương trình này. Phụ nữ phần lớn không trong diện có bảo hiểm xã hội do họ tập trung ở khu vực kinh tế không chính thức, nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật Lao động. Một chương trình bảo hiểm tự nguyện mở rộng lợi ích của bảo hiểm xã hội cho người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và khu vực kinh tế không chính thức mới chỉ thu hút được một số lượng nhỏ, với 104.518 người lao động tính đến năm 2011.

Bảo hiểm y tế có độ phủ rộng hơn và với luật bảo hiểm y tế mới bắt đầu có hiệu lực từ tháng 7-2009, việc thực hiện bảo hiểm này ngày càng tăng lên. Theo Báo cáo năm 2010 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH), số người đóng bảo hiểm y tế, cả bắt buộc và tự nguyện, đã tăng mạnh từ 11,3 triệu người năm 2011 lên 53,3 triệu người vào năm 2009, chiếm hơn 60% tổng dân số năm 2010 (Bộ LĐTB&XH, 2010). Mức bao phủ cao thông qua các cơ chế sau:

Chấp nhận tham gia đóng góp đối với những người từng làm trong khu vực chính thức, các cán bộ về hưu của chính phủ;

Chấp nhận và trợ cấp phí bảo hiểm cho một bộ phận dân cư: người nghèo và dễ bị tổn thương, dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, các nhóm cần sự giúp đỡ của xã hội như người tàn tật, người già, người thất nghiệp, v.v.;

Trợ cấp một phần phí bảo hiểm cho những người cận nghèo (với 50% phí bảo hiểm được ngân sách nhà nước hỗ trợ) cũng như học sinh, sinh viên (với 30-50% phí bảo hiểm từ ngân sách nhà nước) (Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2010).

Bảo hiểm y tế xã hội chi trả tới 80-100% chi phí cho dịch vụ như thăm khám và điều trị, chụp chiếu và chẩn đoán ban đầu, phục hồi chức năng, chăm sóc sau sinh, và cung cấp một phần chi phí đi lại. Phần còn lại của chi phí là do bệnh nhân chi trả, và phần chi trả này vẫn còn ở mức cao khi so sánh với khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), dù phần tự chi trả này đã giảm từ 65% vào năm 2005 xuống còn 49,3% vào năm 2009 (Báo cáo chung hàng năm của ngành Y tế, 2011). Những dịch vụ như kiểm tra sức khỏe định kỳ, kế hoạch hóa gia đình và các trường hợp liên quan đến tai nạn nghề nghiệp không được bảo hiểm y tế công chi trả. Quan trọng hơn, các thương tích liên quan đến bạo lực gia đình không được bảo hiểm y tế xã hội chi trả, trên thực tế đã dẫn tới việc người phụ nữ không sẵn sàng thông báo về bạo lực khi họ đến cơ sở y tế. Do ngân sách cho y tế không dồi dào, nguồn lực phục vụ cho hệ thống y tế phải phụ thuộc vào chi trả của người dân với khoảng 60% chi phí y tế quốc gia là dựa vào nguồn chi trả phí khám chữa bệnh của các hộ gia đình. Trong khu vực y tế, cũng ghi lại được những chi phí chi không chính thức cho những người phục vụ (Vasavakul, 2009, Borgstorm, 2010). Tiếp cận chăm sóc y tế đã đặt một gánh nặng tài chính thật sự lên các hộ gia đình, đặc biệt là hộ nghèo (LHQ tại Việt Nam, 2010).

Một điều quan trọng cần nhận thấy trong nghiên cứu về chi phí là phụ nữ và nam giới sử dụng các dịch vụ y tế khác nhau. Điều tra Mức sống Hộ gia đình Việt Nam (VHLS) năm 2006 của Tổng cục Thống kê đã cho thấy tỷ lệ phụ nữ bị ốm, bị thương lớn hơn tỷ lệ này ở nam giới (52,5% so với 45,5%) (Borgstorm, 2010). Các số liệu mới nhất từ VHLS cho thấy tỷ lệ phụ nữ sử dụng dịch vụ chăm sóc y tế lớn hơn tỷ lệ này ở nam giới (45,1 và 36,6%) và chi phí trung bình của phụ nữ thấp hơn của nam giới, đặc biệt là với chăm sóc ngoại trú (739.000 VND so với 766.000 VND) thể hiện rằng phụ nữ cần chăm sóc y tế thường xuyên hơn nhưng ít tốn kém hơn nam giới. Khảo sát tình trạng nghèo đô thị ở Hà Nội và ở Thành phố Hồ Chí Minh đã khẳng định phụ nữ có tỷ lệ bị ốm/bị thương lớn hơn nam giới (68% và 64%) và thường phải tìm tới chăm sóc y tế nhiều hơn (66% và 59%) (UNDP, 2010).

Xét về vấn đề giáo dục, trong khi giáo dục tiểu học về cơ bản là miễn phí, các gia đình phải chịu một mức chi phí bên ngoài lớn do chính sách xã hội hóa. Những chi phí thông thường bao gồm đồng phục, sách giáo khoa, trang thiết bị, đóng góp của phụ huynh, phí xây dựng trường sở, phí di chuyển, tiền ăn trưa, tiền phí chăm sóc cả ngày. Tuy nhiên, giáo dục trung học không miễn phí và chi phí của

các hộ gia đình cho trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học chiếm đến 59% và 62% tổng chi phí của cả chính phủ và hộ gia đình cho giáo dục (Kelly, 2004). Các hộ nghèo có thể nhận một số hỗ trợ qua các chương trình bảo trợ xã hội như miễn giảm học phí. Giáo dục ở cấp tiểu học và trung học cơ sở là những khoản đầu tư lớn đối với nhiều gia đình, và bạo lực có thể làm hao phí khoản đầu tư này và dẫn đến những tổn thất lớn về cơ hội cho các hộ gia đình.

#### 1.4 Kết quả một số nghiên cứu về Bạo lực gia đình ở Việt Nam

Bạo lực gia đình trong bối cảnh văn hóa Việt Nam thường được hiểu là bạo lực trong gia đình, chủ yếu là do chồng hoặc một thành viên trong gia đình bạo hành vợ. Đây đúng là một hình thức bạo hành đối với phụ nữ và bạo lực trên cơ sở giới, song có phạm vi hẹp hơn. Từ hiểu biết văn hóa này, luật pháp quốc gia về Bạo lực gia đình đã định nghĩa bạo lực gia đình là “hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với các thành viên khác trong gia đình” (Chính phủ Việt Nam, 2007). Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình được các cơ quan chính phủ sử dụng rộng rãi trong xây dựng chính sách. Định nghĩa này bao gồm các hành vi bạo lực với phụ nữ, gây ra các tổn hại về thể chất, tinh thần hoặc kinh tế. Những hành vi gây ra thương tật về tâm lý, thể chất, tình dục hay kinh tế này có thể do chồng hoặc bạn tình gây ra đối với phụ nữ.

Một số những nghiên cứu ở phạm vi hẹp trong giai đoạn 1999-2005 đã chỉ ra rằng tỷ lệ phụ nữ cho biết họ bị chồng bạo hành về tinh thần, thể chất hoặc/và tình dục<sup>4</sup> là khá lớn. Ví dụ, một điều tra với sự tham gia của 1090 phụ nữ ở một huyện phía Bắc đã cho thấy 30% phụ nữ đã từng trải qua bạo lực về thể chất và 6% trải qua bạo lực tình dục trong mối quan hệ với bạn đời của mình (Krantz và cộng sự 2005). Viện Gia đình và Giới (IFGS) đã thực hiện phân tích dữ liệu khảo sát của Vũ Mạnh Lợi và cộng sự năm 1999. Phân tích này đã cho thấy từ 40 đến 50% những người tham gia đã cho biết họ bị bạo hành về thể chất trong vòng 12 tháng trước thời điểm khảo sát. Có khoảng từ 5 đến 23% số người cho biết họ bị bạo hành về thể chất và tình dục. Gần 13,2% phụ nữ bị chồng đánh, trong đó 10% là từ các gia đình khá giả, và khoảng 25% là từ các gia đình nghèo (IFGS,

<sup>4</sup> Các nghiên cứu bao gồm: Nghiên cứu của Hội phụ nữ tại 3 tỉnh phía Bắc năm 1997; Trần Quốc Tú, Bạo lực gia đình đối với phụ nữ: tình hình và biện pháp can thiệp, Nghiên cứu chưa được xuất bản trong Tập tài liệu về vấn đề giới của UNDP: Việt Nam, 12/2000; Lê Thị Phương Mai, “Bạo lực và hậu quả đối với sức khỏe sinh sản: trường hợp Việt Nam”, Tài liệu nghiên cứu khu vực Nam và Đông Á số 12, Hà Nội, 1998; Lê Thị Quý, Bạo lực gia đình ở Việt Nam, Diễn đàn về phụ nữ, luật pháp và phát triển khu vực Châu Á TBD Chiangmai, 8/2000.

2008). Các nghiên cứu khác cũng khẳng định rằng phụ nữ, bất kể tình trạng kinh tế xã hội, giáo dục, dân tộc đều có thể hứng chịu bạo hành (Vung, Ostergren and Krantz, 2008a, 2008b; Luke, và cộng sự, 2007).

Báo cáo Chuyên đề về Bạo lực trên cơ sở giới của LHQ tại Việt Nam vào năm 2010 của Gardsbane và các tác giả khác đã khẳng định lại những phát hiện về mức độ bạo lực gia đình với phụ nữ cao và những tập quán, quan niệm bất bình đẳng về giới là nguồn gốc của bạo hành. Gardsbane và các tác giả cho rằng những quan niệm truyền thống về giới, về nam quyền và những mối liên hệ của nó với rượu và bạo lực đã góp phần hình thành quan niệm thông thường rằng bạo lực gia đình là kết quả của đói nghèo và rượu chè và phụ nữ phải là người chịu trách nhiệm cho việc bị ngược đãi chứ không phải người đàn ông đã gây ra hành động đó. Báo cáo Chuyên đề này đã phác thảo ra lộ trình để ứng phó với bạo hành gia đình ở Việt Nam mà nhóm nghiên cứu sẽ thảo luận trong phần sau.

Những số liệu chính thức về bạo hành gia đình, dù hạn chế, song đã cung cấp những bằng chứng về mức độ nghiêm trọng của bạo lực mà người phụ nữ phải trải qua trong cuộc sống gia đình. Một nghiên cứu của OMCT (Tổ chức Quốc tế Phòng chống Tra tấn) vào năm 2001 đã cho biết có từ 17 đến 20% các vụ giết người từ năm 1994-1997 là có liên quan đến bạo lực gia đình (Bourke-Martignoni, 2001). Một nguồn thông tin quan trọng khác cho thấy mức độ nghiêm trọng của các vụ bạo hành gia đình là số vụ ly hôn đem ra xử tại tòa – từ năm 1998 đến 2000, tỷ lệ các vụ ly hôn do bạo hành gia đình trong số các vụ ly hôn đã tăng từ 52% đến 63% (IFGS, 2008). Tuy vậy, quyết định cho ly hôn không phải là dễ dàng, vì Luật Hôn nhân và Gia đình không quy định rõ ràng bạo hành là căn cứ để cho ly hôn, điều này nghĩa là phụ nữ phải trải qua việc bạo hành liên tục, lặp đi lặp lại và nghiêm trọng thì mới được ly hôn. Hơn nữa, họ cũng phải trải qua quy trình hòa giải bắt buộc - thường là một quá trình lâu dài với nhiều cuộc gặp gỡ - trước khi một vụ ly hôn được xử lý. Trong hoàn cảnh như vậy, một số lượng lớn những vụ ly hôn do bạo lực gia đình cho thấy rằng một tỷ lệ đáng kể phụ nữ đang phải đối mặt với bạo hành nghiêm trọng trong hôn nhân.

Nghiên cứu quốc gia đầu tiên về bạo lực gia đình được tiến hành năm 2009 dưới sự bảo trợ của chính phủ Việt Nam đã thiết lập những cơ sở dữ liệu ban đầu về bạo lực gia đình cũng như một số yếu tố nguy cơ của nạn bạo hành (TCTK, 2010). Nghiên cứu này điều tra 4838 mẫu đại diện trên cả nước cho những người phụ nữ trong lứa tuổi từ 18 đến 60. Hơn một nửa (58,3%) những người phụ nữ trong điều tra cho biết đã trải qua ít nhất một hình thức bạo hành như thể chất, tinh thần, hoặc tình dục, với 27% đã trải qua ít nhất một hình thức bạo hành trong vòng 12

tháng trở lại. Nghiên cứu này khẳng định rằng bạo lực gia đình hiện diện ở tất cả các vùng địa lý chính ở Việt Nam, cả khu vực nông thôn/thành thị, trong tất cả các nhóm trình độ học vấn, tình trạng kinh tế, xã hội và dân tộc khác nhau. Những phát hiện chính trong nghiên cứu này bao gồm:

1. 32% phụ nữ từng có chồng cho biết họ từng trải qua bạo hành về thể chất, với 6% trong đó trải qua bạo hành trong vòng 12 tháng trở lại.
2. 10% những người phụ nữ tham gia cho biết họ trải qua bạo lực tình dục, với 4% trong đó cho biết họ chịu bạo lực thể chất trong vòng 12 tháng trở lại.
3. 34% những phụ nữ tham gia cho biết họ từng trải qua bạo lực về thể chất hoặc tình dục, với 9% trong đó đã chịu bạo lực như vậy trong vòng 12 tháng trở lại.
4. 54% những người tham gia cho biết họ bị ngược đãi về tinh thần, với 25,4% trong đó đã chịu đựng ngược đãi tinh thần trong vòng 12 tháng trở lại.
5. Tỷ lệ bạo hành hiện tại và trong suốt cuộc sống vợ chồng của 3 loại bạo lực này cao hơn ở các vùng nông thôn và trong nhóm học vấn thấp hơn.
6. Về phân bố vùng của tình trạng bạo lực, vùng Đông Nam Bộ (42,5%) có tỷ lệ cao ở cả bạo lực thể chất và tình dục, theo sau đó là các vùng Tây Nguyên, đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long. Vùng Tây Nguyên và vùng ven biển Miền Trung là những vùng có mức độ thường xuyên của bạo lực tình dục cao nhất sau vùng Đông Nam Bộ.
7. 26% những người tham gia khảo sát đã từng trải qua bạo lực thể chất hoặc tình dục do chồng gây ra đã có trình báo bị thương tích. Tổng cộng có 60% những phụ nữ tham gia khảo sát đã bị thương tích hơn một lần và 17% đã bị thương tích nhiều lần. Tuy nhiên, phần lớn họ đều không tìm đến các dịch vụ chăm sóc về y tế.
8. Bạo hành có ảnh hưởng đến khả năng làm việc của phụ nữ, có 1/3 số phụ nữ cho biết bạo hành làm gián đoạn công việc của họ, 16% cho biết họ không thể tập trung vào công việc, 6,6% không thể làm việc do đau ốm, 7% mất đi sự tự tin. Phụ nữ mất thời gian để chăm sóc sức khỏe, để che giấu những vết bầm tím trên mặt. Thêm vào đó, phụ nữ cũng cảm thấy bị tổn thương về tinh thần và bị ảnh hưởng trong công việc. Một số

phụ nữ cho biết kiểm soát hành vi cũng dẫn đến việc họ không thể làm việc do người chồng nghi ngờ mối quan hệ của họ với những người đàn ông khác và kiểm soát thời gian của họ.

- Phần lớn phụ nữ không tìm sự giúp đỡ (87,1%) trừ khi trong các trường hợp nghiêm trọng. Với những người tìm sự giúp đỡ, họ tìm đến tổ trưởng dân phố, trưởng thôn, v.v., cảnh sát, các dịch vụ y tế, các tổ chức dịch vụ xã hội. Chỉ 0,3% đã tìm nơi tạm lánh.

### 1.5 Ứng phó với bạo lực gia đình

Bạo lực gia đình trong bối cảnh văn hóa Việt Nam thường được hiểu chung chung là bạo lực xảy ra trong gia đình, chủ yếu là đối với người vợ, có thể do người chồng, hoặc những người khác trong gia đình gây ra. Như đã đề cập ở trên, khái niệm này có phần trùng lặp với khái niệm bạo lực đối với phụ nữ hoặc bạo lực giới, nhưng có phạm vi hẹp hơn. Khôn khổ pháp luật của Việt Nam chỉ tập trung vào bạo lực gia đình và định nghĩa một số hành vi cụ thể cấu thành hành vi bạo lực do một thành viên trong gia đình thực hiện đối với một thành viên khác. Theo Luật Phòng Chống Bạo lực Gia đình năm 2007, các hành vi này bao gồm:

- Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;
- Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;
- Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
- Cưỡng ép quan hệ tình dục;
- Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
- Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;

- Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;

- Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Tuy nhiên điều quan trọng cần phải lưu ý là rõ ràng luật pháp không tập trung một cách rõ ràng vào đối tượng là phụ nữ và cũng không khẳng định rõ ràng phần lớn nạn nhân của bạo lực gia đình là phụ nữ. Điều này cho thấy rằng trong khi thừa nhận rằng phụ nữ đang phải hứng chịu bạo lực, luật pháp không khẳng định một cách rõ ràng rằng bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực do chồng/bạn tình gây ra là một vi phạm về quyền. Việc thiếu các quy định cấm trực tiếp đối với các hành vi bạo lực do chồng/bạn tình gây ra cũng có nghĩa là không thừa nhận sự mất cân bằng về quyền lực trên cơ sở giới tiềm ẩn trong các mối quan hệ hôn nhân/bạn tình.

Quan trọng hơn nữa, Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình không đề cao các chế tài hình sự mà chỉ đưa ra các chế tài dân sự (lệnh cấm, phạt tiền, hòa giải, và cải tạo). Tuy nhiên, việc truy cứu trách nhiệm hình sự được áp dụng dựa theo Điều 104 của Bộ luật Hình sự Việt Nam để truy cứu các hành vi cố ý gây thương tích và tổn hại sức khỏe. Truy cứu trách nhiệm hình sự dựa trên hai điều kiện – mức độ tổn hại sức khỏe tối thiểu và chi phí phụ nữ phải chi trả. Theo luật pháp Việt Nam, để đưa một trường hợp bạo hành ra tố tụng hình sự yêu cầu “mức độ thương tật” tối thiểu của phụ nữ phải từ 11% đến 30%<sup>5</sup>, được xác định bởi nhân viên y tế. Thủ phạm gây ra bạo lực gia đình phải chịu các hình phạt khác nhau tùy thuộc vào mức độ tổn thương, bao gồm cả phạt tù nếu tỷ lệ thương tật lớn hơn 60%. Một bản báo cáo của OMCT năm 2001 đã đưa ra lưu ý rằng cảnh sát thông thường sẽ không “bắt giữ những đối tượng thực hiện hành vi bạo lực đối với vợ nếu họ không nhận được yêu cầu chính thức từ nạn nhân, bất chấp mức độ tổn thương mà phụ nữ phải chịu đựng”. (OMCT, 2001: trang 19). Một báo cáo gần đây do Cơ quan phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC) tiến hành đã ghi nhận một bất cập lớn trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi bạo lực gia đình và chỉ ra rằng cảnh sát chỉ đánh giá mức độ thương tích của 5% các trường hợp xảy ra và cứ 100 trường hợp bạo lực gia đình thì có một trường hợp thủ phạm bị kết án hình sự (UNODC, 2011).

<sup>5</sup> “Mức độ thương tật” được dựa trên Thông tư Chính phủ số 12/TTLB quy định những tổn hại cụ thể đối với sức khỏe của nạn nhân và xác định tỷ lệ thương tật. Mức độ “thương tật” chỉ có thể do các Hội đồng giám định sức khỏe cấp tỉnh và trung ương đánh giá.

Việc công bố những phát hiện của Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình đã gia tăng áp lực giải quyết hành vi bạo lực chống/bạn tình gây ra và việc tăng cường các biện pháp đối phó như cung cấp nơi lưu trú, và các dịch vụ nhằm giảm nhẹ những tác động tiêu cực của các hành vi bạo lực mà phụ nữ phải hứng chịu. Chính phủ đã ban hành những quy định mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ. Họ không cần phải có bảo hiểm y tế để tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; họ cũng không phải trả chi phí pháp lý khi ra tòa; đồng thời họ có thể tận dụng các dịch vụ như đi lại, vận chuyển.<sup>6</sup> Thông qua Hội Phụ nữ, chính phủ cũng hỗ trợ xây dựng một mạng lưới “địa chỉ tin cậy”, nơi phụ nữ có thể lưu trú tạm thời trong cộng đồng của họ. Tăng cường sự hỗ trợ ở những địa điểm lưu trú cho họ trên toàn quốc do Hội Phụ nữ điều hành nhằm cung cấp nhiều dịch vụ cho những phụ nữ muốn lưu trú trong thời gian dài hơn, đồng thời mở rộng việc thành lập các cơ sở lưu trú ở từng khu vực.

Đối với các biện pháp ứng phó với bạo lực gia đình trong từng lĩnh vực cụ thể, các biện pháp này vẫn chưa được thực hiện kịp thời và thiếu tập trung. Ví dụ, công an tiếp tục gợi ý hòa giải thay vì điều tra (UNODC, 2011). Mặc dù Luật Phòng chống Bạo lực gia đình đã ban hành nhưng nhiều cảnh sát vẫn chưa hiểu rõ ràng về những dấu hiệu của bạo lực gia đình, trách nhiệm của họ, cũng như tầm quan trọng của việc phối hợp với các bên có liên quan ở cấp độ xã/phường, quận/huyện. Công an có xu hướng chỉ ghi nhận các hành vi bạo lực gây ra những chấn thương nghiêm trọng và có thể quan sát được hay những hành vi bạo lực gây mất an ninh trật tự. Biện pháp phổ biến được sử dụng trong hầu hết các trường hợp là khuyên phụ nữ nên hòa giải với chồng để xây dựng một “gia đình hạnh phúc”<sup>7</sup>. Bản thân người phụ nữ nhiều khi cũng không muốn theo đuổi các vụ khiếu nại, bởi vì họ thường sẽ lại là người phải nộp tiền phạt hành chính nếu người đàn ông bị bắt (UNODC, 2011).

Xét về khía cạnh y tế, đã có một ứng phó cụ thể liên quan đến việc điều trị các chấn thương. Thực tế, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 16, tháng 9/2009 hướng dẫn thực hiện các biện pháp hỗ trợ y tế đối với bạo lực gia đình, bao gồm việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ điều trị, sàng lọc, và lập hồ sơ báo cáo (Bộ

<sup>6</sup> Thông tư 16 Bộ Y tế, Nghị Định 110 Bộ VHTTDL, Thông tư Số. 07/2011/TT-BTP Bộ Tư pháp.

<sup>7</sup> Ở Việt Nam, nhà nước định hướng xây dựng các gia đình hạnh phúc, coi đây là đơn vị cơ bản của đất nước. Ủy ban nhân dân và tất cả các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, có trách nhiệm đảm bảo rằng xã, phường của họ đạt danh hiệu văn hóa, nghĩa là xã, phường của họ phải đạt tỷ lệ nhất định các gia đình hạnh phúc. Thực tế, các tổ chức đoàn thể giám sát xem những gia đình nào hạnh phúc và những gia đình nào thì không.

Y tế, 2009). Tuy nhiên, vẫn tồn tại lỗ hổng đáng kể khi thực hiện Thông tư ở cấp địa phương do chưa triển khai lưu trữ hồ sơ một cách hệ thống. Hiện tại không có hệ thống lưu trữ nguyên nhân chấn thương, chuyển tuyến đến các dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác, thiếu thông tin về sự phối hợp của các bên liên quan trong việc chủ động tiếp cận thủ phạm hay cộng đồng. Một vài chương trình đặc biệt đã được thực hiện trong lĩnh vực y tế, nhưng phần lớn được hỗ trợ bởi các nhà tài trợ bên ngoài. Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) đã hỗ trợ hai chương trình thí điểm về ứng phó y tế có tính phối hợp tại hai tỉnh Bến Tre và Phú Thọ. Chính phủ đã phối hợp với Quỹ Ford thực hiện một chương trình ứng phó toàn diện tại bệnh viện Đức Giang ở Hà Nội. Ở đây, phụ nữ được sàng lọc ban đầu để phát hiện bạo lực và chuyển tới các khoa khám bệnh thích hợp trong bệnh viện và các đơn vị chuyên khoa cung cấp các dịch vụ tư vấn, cũng như phối hợp với các cơ quan liên quan như cơ quan công an, phúc lợi xã hội, tư pháp ở Ủy ban nhân dân xã/phường, quận/ huyện, và Hội Phụ nữ. Ngoài ra, phụ nữ còn được cung cấp nhà tạm lánh trong thời gian ngắn và được đưa tới Ngôi nhà Bình yên, hay các trung tâm lưu trú quốc gia ở Hà Nội để nhận được sự hỗ trợ trong thời gian dài.

Hiện tại, có 3 mô hình nhà tạm lánh đang hoạt động ở Việt Nam. Mô hình đầu tiên là cơ sở lưu trú cấp quốc gia (Ngôi nhà Bình yên) được điều hành bởi Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Mô hình này cung cấp nơi tạm trú và các dịch vụ phụ trợ bao gồm hỗ trợ pháp lý, chăm sóc sức khỏe, tư vấn, kỹ năng nghề nghiệp và hỗ trợ việc học tập của trẻ em. Mô hình này đã được nhân rộng ở 2 tỉnh Thừa thiên - Huế và Phú Thọ (Gardsbane và cộng sự, 2010). Mô hình thứ hai do Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), một tổ chức phi chính phủ, triển khai. Mô hình này đã thiết lập một đường dây nóng, cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ pháp lý, nơi tạm trú và chuyển tới nhà tạm lánh của chính phủ trong những trường hợp nghiêm trọng. Mô hình thứ ba do tỉnh Thái Bình khởi xướng nhằm duy trì một danh sách các “địa chỉ tin cậy” cho phụ nữ. Mô hình này cũng đang được triển khai tại Phú Thọ và Hải Dương. Mỗi phụ nữ sẽ được cung cấp tiền để chi trả cho giường ngủ, bộ đồ sơ cứu khẩn cấp, thẻ điện thoại và tiền hỗ trợ mỗi đêm khi họ sử dụng những địa chỉ an toàn này. Phụ nữ sử dụng các cơ sở vật chất địa phương này để đối phó với tình huống bạo lực gia đình không có hoặc có ít chấn thương<sup>8</sup>. Các nơi lưu trú ở địa phương sẽ hỗ trợ người phụ nữ để con cái của họ ở nhà nhưng vẫn giữ liên lạc với chúng. Phụ nữ

<sup>8</sup> Phỏng vấn bà Nguyễn Thị Hoài Linh, Phó Ban Quan hệ Quốc tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ và Giám đốc dự án ở Thái Bình

ở cộng đồng địa phương có ít sự lựa chọn và thường nhờ đến gia đình hoặc bạn bè. Do bản chất gia trưởng trong hôn nhân, phụ nữ thường phải sống trong cộng đồng mới và sống xa gia đình mình, do vậy rất khó tiếp cận với các nguồn hỗ trợ hiệu quả và sẵn có này. Điều này có nghĩa là phụ nữ ít có sự lựa chọn, hoặc phải cố gắng chịu đựng sự lạm dụng, hoặc phải từ bỏ mối quan hệ. Phụ nữ thường bị hạn chế trong việc nói ra chuyện bạo lực trong gia đình bởi theo văn hóa, đó là một sự xấu hổ và bổn phận phải giữ cho gia đình hòa thuận thuộc về người phụ nữ.

Ở Việt Nam, có rất ít tài liệu đánh giá những thiệt hại kinh tế của bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra. Thực tế, trong Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình, Tổng cục Thống kê đã kiến nghị phải thực hiện nghiên cứu về thiệt hại kinh tế của bạo lực gia đình. Gần đây, UNFPA đã lập báo cáo đánh giá các chương trình thí điểm thực hiện tại hai tỉnh Bến Tre và Phú Thọ. Báo cáo này bao gồm một số thông tin cơ bản về chi phí của các chương trình can thiệp. Ở bệnh viện Đức Giang, nơi có trung tâm tư vấn dành cho phụ nữ bị bạo hành, một nghiên cứu về những thiệt hại kinh tế đang được hoàn thành nhưng những phát hiện ban đầu vẫn chưa được công bố.<sup>9</sup>

Bạo lực gia đình đối với phụ nữ do chồng/bạn tình gây ra (IPV) là một vấn đề nghiêm trọng và phổ biến ở Việt Nam. Cùng với các kết quả của nghiên cứu về bạo lực gia đình năm 2010 do Tổng cục Thống kê tiến hành, chính phủ Việt Nam đã tăng cường thực hiện các biện pháp ở cấp độ chính sách thông qua các thông tư, nghị định nhằm tăng cường trách nhiệm của các cơ quan chính quyền khác nhau trong việc đối phó và ngăn chặn bạo lực gia đình. Tuy nhiên, hiện tại chưa hề có bằng chứng về những thiệt hại do bạo lực đối với phụ nữ gây ra, đặc biệt là thiệt hại về kinh tế. Những bằng chứng này rất quan trọng trong việc đánh giá cái giá của việc không hành động và tạo căn cứ cho việc xác định mức độ nguồn lực cần thiết cho một chương trình ứng phó hiệu quả. Đây chính là lý do tại sao mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm cung cấp những bằng chứng còn thiếu trong lĩnh vực này.

<sup>9</sup> Phòng vấn Bác sỹ Nguyễn Ngọc Quyết, Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Chăm sóc Sức khỏe Phụ nữ, Bệnh viện Đức Giang, Hà Nội.

## CHƯƠNG 2

### PHƯƠNG PHÁP VÀ THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU

#### 2.1 Phạm vi điều tra

Việc ước tính thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra ở những nước thu nhập thấp là một thách thức vì một số lý do kinh tế và xã hội. Tập quán xã hội chấp nhận bạo lực gia đình tạo nên văn hóa im lặng, dẫn tới ít tiết lộ thông tin, thiếu dịch vụ, ít sử dụng các dịch vụ sẵn có, và các hệ thống thông tin không đầy đủ (Duvvury, Grown và Redner, 2005). Về mặt cơ cấu kinh tế, nền kinh tế phi chính thức đóng vai trò quan trọng. Mặc dù Việt Nam hiện giờ là nước có thu nhập trung bình nhưng hơn 70% lực lượng lao động vẫn tiếp tục dựa vào khu vực việc làm phi chính thức, trong đó có nông nghiệp (Cling, Razafindrakoto, và Roubaud, 2010). Ngoài ra, hộ gia đình là nơi diễn ra cả công việc sản xuất lẫn tái sản xuất. Phụ nữ phải đảm đương một khối lượng lớn lao động trả lương và không được trả lương, bao gồm việc sinh đẻ, đảm bảo sinh kế và công việc của cộng đồng. Sự phổ biến của hoạt động kinh tế phi chính thức và không được trả lương làm cho việc xác định giá trị chính xác của phần năng suất và sản lượng lao động bị giảm sút hoặc mất đi do bạo lực với phụ nữ gây ra trở nên rất khó khăn.

Khung nghiên cứu do Duvvury và cộng sự (2004) xây dựng là công cụ phù hợp nhất đối với việc ước tính tác động về mặt kinh tế do bạo lực gia đình gây ra tại Việt Nam. Về mặt khái niệm, các chi phí này bao gồm giá trị trực tiếp hoặc được gán cho của các hàng hóa và dịch vụ: (1) được sử dụng để ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực do chồng/bạn tình gây ra; và (2) bị mất đi trong các hộ gia đình, các tổ chức ở cộng đồng và các doanh nghiệp như là hậu quả của bạo lực do chồng/bạn tình gây ra. Các tổ chức cộng đồng có thể là tổ chức chính phủ hoặc phi chính phủ. Mặc dù có những chi phí phi tiền tệ như những tác động mang tính hành vi, tác động sức khỏe, hoặc di truyền bạo lực từ thế hệ này sang thế hệ khác nhưng khung này không xem xét các chi phí phi tiền tệ đó, do không thể áp dụng các phương pháp tính toán hiện có ở các nước đang phát triển. Lập luận của nghiên cứu này chỉ tập trung vào những chi phí tiền tệ ở cấp độ hộ gia đình và cộng đồng để khái quát hóa thành kết luận đối với nền kinh tế quốc dân. Các chi phí này bao gồm chi phí cung cấp các dịch vụ ứng phó và phòng ngừa bạo

lực gia đình của các tổ chức cấp cộng đồng và thiệt hại kinh tế đối với các doanh nghiệp<sup>10</sup>, hoặc việc giảm sút năng suất lao động do bạo lực từ chồng/bạn tình đối với phụ nữ gây ra.

Nghiên cứu này tập trung vào việc thu thập dữ liệu từ những phụ nữ tham gia khảo sát về trải nghiệm của họ đối với bạo lực và các thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra. Các chi phí cụ thể trong nghiên cứu này bao gồm chi phí trực tiếp về tiền từ nạn nhân hoặc thành viên gia đình chi cho việc sử dụng dịch vụ; thiệt hại về thu nhập do các thành viên trong gia đình bị gián đoạn công việc và việc nhà; suy giảm năng suất đối với doanh nghiệp hộ gia đình; và những ngày trẻ em phải nghỉ học. Thiệt hại kinh tế của bạo lực ở cấp độ hộ gia đình có thể do bản thân người phụ nữ và thành viên khác trong gia đình/bạn bè, thủ phạm gây bạo lực, và trẻ em trong gia đình phải gánh chịu. Ngoài ra, chi phí cung cấp dịch vụ và phòng ngừa được ước tính dựa trên dữ liệu thu thập được từ các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ ở trong cùng khu vực địa lý nơi tiến hành khảo sát đối với phụ nữ.

### Ước tính thiệt hại do bạo lực chồng/bạn tình gây ra đối với các hộ gia đình

Trong nghiên cứu này, hai loại chi phí được xem xét nhằm ước tính thiệt hại do bạo lực chồng/bạn tình gây ra ở cấp độ hộ gia đình. Đó là các chi phí trực tiếp (từ tiền túi) và chi phí gián tiếp. Bảng 2.1 thể hiện các nhân tố đã xem xét để ước tính thiệt hại do bạo lực chồng/bạn tình gây ra.

**Bảng 2.1:** Các thành phần cấu thành thiệt hại kinh tế do bạo lực chồng bạn tình gây ra

Chi phí	Nhân tố
Chi phí trực tiếp từ tiền túi	Phí chăm sóc sức khỏe, công an (chính thức và không chính thức), chi phí bắt giữ, nơi tạm lánh, nộp đơn khiếu nại, chi phí phát sinh tại tòa án, và chi phí tìm kiếm sự trợ giúp từ phía các cơ quan khác ở địa phương như Hội Phụ nữ
Chi phí gián tiếp	Số ngày làm việc được trả công bị mất của các thành viên trong gia đình; số ngày làm việc gia đình bị mất, số ngày trẻ em phải nghỉ học.

Các công thức dùng để tính các loại chi phí khác nhau này được thể hiện dưới đây:

<sup>10</sup> Chi phí do vắng mặt tại nơi làm việc và giảm năng suất lao động

$$THOPC = \sum_i \sum_s \sum_t C_{ist} (S_s)$$

### 1) Chi phí trực tiếp từ tiền túi

THOPC – tổng chi phí trực tiếp từ tiền túi mà hộ gia đình phải trả

i – số hộ gia đình bị ảnh hưởng

s – loại dịch vụ

t – số lượng các vụ việc được báo cáo trong cuộc khảo sát

C<sub>ist</sub> – chi phí đối với i hộ gia đình cho s dịch vụ tại thời điểm t

S<sub>s</sub> - dịch vụ s

### 2) Chi phí gián tiếp

$$COWDL = \sum_i \sum_j \left\{ W_{ij} \left[ \sum_t L_{ijt} \right] + W_{ij}^* \left[ \sum_t L_{ijt}^* \right] \right\}$$

- j- phụ nữ tham gia khảo sát, i=vụ việc
- COWDL: Thiệt hại do ngày làm việc bị mất
- W<sub>ij</sub>: mức trả công trên thị trường của thành viên j trong hộ gia đình i
- L<sub>ijt</sub>: số ngày làm việc được trả lương bị mất sau vụ việc t
- W<sub>ij</sub>\*: mức thù lao quy đổi trả cho thành viên j trong hộ gia đình i cho những công việc không được trả lương
- L<sub>ijt</sub>\*: số ngày làm việc không được trả lương bị mất sau vụ việc t

Việc tính toán thiệt hại do vắng mặt tại nơi làm việc được thực hiện dựa trên thông tin về mức thù lao trung bình do những phụ nữ cho biết đã phải nghỉ việc cung cấp. Mức trả công này cũng được sử dụng để ước tính GIÁ TRỊ của những ngày làm việc nhà (tái sản xuất) bị mất.

### 3) Số ngày nghỉ học

$$CODL = \sum_i \sum_j \left\{ C_i \left[ \sum_t LS_{it} \right] \right\}$$

- CODL: Thiệt hại ứng với số ngày phải nghỉ học
- Cij: Tổng chi phí của một ngày đi học đối với đứa trẻ j trong hộ gia đình i
- LSijt: số ngày nghỉ học của đứa trẻ j trong hộ gia đình i sau vụ, việc t

Chi phí mỗi ngày sẽ được tính bằng cách chia tổng chi phí giáo dục của tất cả trẻ em cho 260 ngày tương đương 5 ngày/tuần trong 52 tuần.

### Ước tính chi phí dịch vụ ở cấp cộng đồng

Để ước tính chi phí cung cấp dịch vụ cho nạn nhân của bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, các chi phí bao gồm tổng các khoản tiền lương, chi phí đào tạo và chi phí hoạt động như tiền thuê nhà, điện, văn phòng phẩm, tài liệu truyền thông để cung cấp các dịch vụ trong các lĩnh vực khác nhau (y tế, cảnh sát, tòa án và các dịch vụ xã hội không chính thức khác). Ước tính chi phí trực tiếp ở cấp cộng đồng đòi hỏi phải có dữ liệu về mức độ phổ biến và việc sử dụng các dịch vụ do hậu quả của bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra.

Một số phương pháp đã được xây dựng để ước tính chi phí cung cấp dịch vụ ở cấp cộng đồng, bao gồm chi phí trung bình tính theo mỗi đơn vị (ví dụ, mỗi vụ việc) và tỷ lệ phân bổ ngân sách hoạt động. Chi phí trung bình theo từng đơn vị phân tích chi tiết các chi phí thành các hạng mục cụ thể và cộng dồn tổng chi phí của mỗi hạng mục (Laurence và Spalter-Roth 1996). Bản chất của phương pháp tính theo tỷ lệ là tính toán trong tổng số người sử dụng dịch vụ, tỷ lệ sử dụng dịch vụ do bị bạo lực gia đình là bao nhiêu, và tương ứng chiếm bao nhiêu trong tổng ngân sách của dịch vụ đó. Ví dụ, nếu ngân sách hoạt động của một trạm y tế là 100 triệu đồng và 3% các trường hợp được điều trị là phụ nữ bị bạo lực gia đình thì chi phí cung cấp dịch vụ cho nạn nhân bạo lực gia đình là 3 triệu đồng. Mặc dù phương pháp tính theo tỷ lệ là một cách ước tính chi phí rất sơ đẳng, nhưng nó thường là phương pháp khả thi duy nhất trong bối cảnh mà việc lưu trữ hồ sơ về bạo lực gia đình bởi các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ còn ở mức tối thiểu.

## KHUNG1: ĐỊNH NGHĨA CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH

**Bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ:** Bạo lực về tâm lý, thể chất và/hoặc tình dục mà người phụ nữ trải qua trong mối quan hệ với chồng/bạn tình (xem Heise và cộng sự (2002), Heise và Ellsberg (2001) và Koenig và các cộng sự (2003).

**Tỷ lệ phổ biến:** Tỷ lệ số phụ nữ tham gia khảo sát (hiện vẫn đang kết hôn hoặc mới ly hôn gần đây tuổi từ 18-49) đã trải qua bạo lực gia đình trong đời (phổ biến trong đời) hoặc trong 12 tháng trước khi khảo sát (trong vòng 12 tháng vừa qua – phổ biến trong hiện tại) (CDC, 2003).

**Vụ việc:** Số lần bạo lực gia đình xảy ra ở phụ nữ độ tuổi từ 18-49 trong vòng 12 tháng trước cuộc khảo sát. Số vụ thường cao hơn tỷ lệ phổ biến vì bạo lực gia đình thường lặp đi lặp lại (CDC, 2003).

**Tỷ lệ vụ việc:** Số lần bạo lực gia đình xảy ra đối với 100 phụ nữ trong 12 tháng vừa qua (CDC, 2003).

## 2.2 Dữ liệu và Phương pháp

### Định nghĩa về bạo lực

Nghiên cứu này tập trung vào tình trạng bạo lực mà phụ nữ phải gánh chịu do người chồng/bạn tình thực hiện trong bối cảnh gia đình, hay còn gọi là bạo lực gia đình đối với phụ nữ do chồng/bạn tình gây ra. Định nghĩa về bạo lực gia đình đối với phụ nữ do chồng/bạn tình gây ra bao gồm bạo hành tâm lý, thể chất và/hoặc tình dục mà người phụ nữ trải qua trong phạm vi mối quan hệ tình cảm thân mật (xem Heise và các cộng sự (2002), Heise và Ellsberg (2001) và Koenig và các cộng sự (2003). Các hành vi cụ thể đối với mỗi hình thức bạo lực sẽ dựa theo định nghĩa của WHO về từng loại bạo lực được đề cập trong Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực gia đình trình bày tại Phụ lục I.

### Chiến lược thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này đã kết hợp sử dụng các phương pháp khác nhau để thu thập dữ liệu, bao gồm:

1. Phỏng vấn sâu định tính với những phụ nữ bị bạo lực gia đình – đã tiến hành phỏng vấn cá nhân 10 phụ nữ, những người đã trải qua bạo lực gia đình và đã tiếp

cận các dịch vụ, bao gồm cả việc lưu trú tại nhà tạm lánh cấp quốc gia. Nghiên cứu sâu về từng trường hợp cụ thể này giúp cung cấp thông tin về hành vi tìm kiếm sự hỗ trợ của phụ nữ tại Việt Nam, vì những phụ nữ này có khả năng đã tiếp cận nhiều loại dịch vụ khác nhau. Các chi phí mà những phụ nữ này phải bỏ ra cung cấp một bức tranh minh họa xác thực về chi phí tối đa do bạo lực gây ra vì tất cả những phụ nữ này đều đã phải bỏ nhà ra đi và đang trong quá trình phục hồi và tái hoà nhập. Hướng dẫn về phỏng vấn sâu được trình bày tại Phụ lục IV.

2. Điều tra hộ gia đình – Một điều tra được tiến hành trên số lượng mẫu 1053 phụ nữ trong độ tuổi từ 18 đến 49, thực hiện tại 4 tỉnh và 3 thành phố trực thuộc Trung ương<sup>11</sup>. Độ tuổi này đã được chọn phù hợp với các nghiên cứu quốc tế khác về bạo lực do chồng/bạn tình gây ra và đều tập trung vào phụ nữ trong độ tuổi sinh sản từ 15 đến 49. Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với Phụ nữ ở Việt Nam đã chọn cách tiếp cận khác khi tiến hành khảo sát phụ nữ trong độ tuổi từ 18-60; điều này có lẽ là do nghiên cứu này có quan tâm tới tình trạng xâm hại người cao tuổi – cũng là một loại bạo lực gia đình khi hiểu khái niệm này theo nghĩa rộng hơn. Các tỉnh, thành phố được lựa chọn đại diện cho 7 khu vực đã được khảo sát trong Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với Phụ nữ. Số lượng mẫu lựa chọn ở nông thôn và thành thị tương đương nhau.

3. Khảo sát cơ quan cung cấp dịch vụ – Ở Việt Nam, việc cung cấp dịch vụ cho phụ nữ bị bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra chủ yếu do các cơ quan chính phủ thực hiện, còn các tổ chức phi chính phủ (NGOs) không phải là những người đi đầu trong việc cung cấp các dịch vụ ở Việt Nam nói chung. Chính phủ, thông qua Bộ Y tế, và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT&DL), đã đóng vai trò chính trong công tác ứng phó với bạo lực gia đình, trong đó có bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, thông qua các ban, ngành chính phủ và các tổ chức xã hội như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, và Đoàn Thanh niên. Các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ trong hệ thống của nhà nước bao gồm trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, cơ quan công an, phòng tư pháp, nhà tạm lánh ở địa phương, hội Phụ nữ, và tòa án địa phương đã được khảo sát tại những phường/xã được chọn để thu thập dữ liệu về việc sử dụng dịch vụ và chi phí cung cấp dịch vụ. Nghiên cứu cũng thu thập thông tin bổ sung từ các bệnh viện tuyến huyện và tỉnh/thành phố, cơ quan công an, tòa án, và hội Phụ nữ ở các cấp này để xác minh các chi phí cấp địa phương. Ngoài ra, nghiên cứu cũng phỏng vấn cơ sở nhà tạm lánh ở

<sup>11</sup> Các phường/xã được chọn trong khảo sát này không trùng với các phường/xã trong cuộc Điều tra quốc gia về Bạo lực gia đình do Tổng cục Thống kê tiến hành năm 2010.

cấp quốc gia “Ngôi nhà Bình yên” (do Trung tâm Phụ nữ và Phát triển và Hội Phụ nữ quản lý) và CSAGA – một tổ chức phi chính phủ địa phương. Tổng cộng có 79 cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ đã được phỏng vấn trong nghiên cứu này. Chi tiết được trình bày trong Bảng 2.2.

### Mẫu và chiến lược chọn mẫu

Dựa trên tỷ lệ phổ biến là 10,9% từ Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực gia đình bạo lực đối với bạo lực thể chất và/hoặc tình dục trong hiện tại (trong 12 tháng qua) đối với các phụ nữ tuổi từ 18-49<sup>12</sup>, nghiên cứu đã lựa chọn 1050 phụ nữ vào nhóm mẫu (mức độ tin cậy 95% với khoảng tin cậy là 3). Nhóm mẫu được chia đều giữa phụ nữ thành thị và nông thôn trải rộng khắp bốn tỉnh và ba thành phố trực thuộc Trung ương. Con số thực tế được phỏng vấn là 1053<sup>13</sup> do có bổ sung 1 phụ nữ phỏng vấn tại Hà Nội và 2 phụ nữ phỏng vấn tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương này, các quận, huyện đã được lựa chọn có tham khảo ý kiến của Hội Phụ nữ và dựa trên đánh giá tính đại diện về mức độ phát triển kinh tế - xã hội. Các quận, huyện được lựa chọn là đại diện trung bình về mức độ phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là về thu nhập và phát triển cơ sở hạ tầng. Các phường, xã đã được lựa chọn trên cơ sở phát triển kinh tế-xã hội và được chia nhóm theo mức độ giàu, trung bình và nghèo. Trên cơ sở tham khảo ý kiến Hội Phụ nữ cấp xã/phường, nghiên cứu đã xác lập hai danh sách mẫu các hộ gia đình có phụ nữ trưởng thành đã kết hôn trong độ tuổi 18-49 để lựa chọn ngẫu nhiên những phụ nữ tham gia khảo sát. Một danh sách đại diện cho các hộ gia đình được xem là ‘tương đối hòa thuận’ và các hộ gia đình khác thì được phân ánh là có xung đột<sup>14</sup>. Trong mỗi danh sách, nghiên cứu chọn ra 15 phụ nữ bằng phương pháp chọn ngẫu nhiên hệ thống. Bảng 2.2 dưới đây trình bày chi tiết sự phân bố về mặt địa lý của mẫu được lựa chọn.

<sup>12</sup> Độ tuổi này được lựa chọn phù hợp với nghiên cứu quốc tế về bạo lực gia đình/bạo lực do chồng/bạn tình gây ra vì phụ nữ ở tuổi sinh đẻ thường có khả năng bị bạo lực trong mối quan hệ chung sống nhiều hơn.

<sup>13</sup> Tổng cộng 30 phụ nữ đã được phỏng vấn ở 35 phường và xã trên khắp 7 tỉnh. Nghiên cứu Quốc gia do Tổng cục Thống kê (GSO) thực hiện đã lấy mẫu của 4300 trên 400 khu vực khảo sát hay khoảng 10 phụ nữ trong một khu vực. Nghiên cứu Quốc gia mang tính đại diện trên toàn quốc căn cứ vào độ bao phủ của việc chọn mẫu. Nghiên cứu hiện tại này không mang tính đại diện toàn quốc do quy mô bao phủ hẹp hơn về mặt địa lý của mẫu.

<sup>14</sup> Các gia đình không có xung đột hoặc nguy cơ bạo lực cao được coi là gia đình tương đối hòa thuận.

**Bảng 2.2:** Phân bố các phụ nữ tham gia khảo sát

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	Quận/huyện	Xã	Phường	Phụ nữ tham gia khảo sát
Hà Nội	Đống Đa (Thành thị), Chương Mỹ (Nông thôn)	Hoàng Văn Thụ, Trung Hòa	Nam Đồng, Quốc Tử Giám, Khương Thượng	151
Lạng Sơn	TP. Lạng Sơn, Văn Quan	Văn An, Vân Mộng, Khánh Khê	Hoàng Văn Thụ, Đông Kinh	150
Đắk Lắk	TP. Buôn Ma Thuột, Krong Ana	Băng Drenh, Ea Bong, Ea Na	Tự An, Thành Nhất	150
Đà Nẵng	Hải Châu, Hòa Vang	Hòa Phong, Hòa Khương	Thạch Thang, Hòa Cường Nam, Hòa Thuận Tây	150
Bình Định	TP. Quy Nhơn, Hoài Ân	Ân Mỹ, Ân Thạnh, Ân Hữu	Ngô Mây, Lê Lợi	150
TP. HCM	Bình Thạnh, Hóc Môn	Thới Tam Thôn, Xuân Thới Sơn	Phường 7, Phường 11, Phường 4	152
Bến Tre	TP. Bến Tre, Giồng Trôm	Tân Lợi Thành, Hưng Lễ, Thuận Điền	Phường 3, Phường 8	150

Khái niệm hộ gia đình được định nghĩa là một đơn vị bao gồm những người chia sẻ cùng một căn bếp, không phụ thuộc vào số người lớn và trẻ em sống trong hộ gia đình đó. Hơn nữa, một người phụ nữ đủ điều kiện ở mỗi hộ gia đình được phỏng vấn để thu thập thông tin chi tiết về trải nghiệm của họ về bạo lực do chồng/bạn

tình gây ra và những thiệt hại, chi phí phát sinh do bạo lực trong 12 tháng trước thời điểm khảo sát. Các tiêu chí lựa chọn bao gồm tuổi, 18-49 tuổi, cũng như tình trạng hôn nhân/bạn tình. Chỉ những phụ nữ đang còn trong quan hệ hôn nhân ở thời điểm khảo sát hoặc những người đã chấm dứt hôn nhân do chồng mất hoặc ly hôn trong 15 tháng qua mới đủ điều kiện đưa vào khảo sát. Số liệu được thu thập trong giai đoạn 15 tháng để đảm bảo đủ mốc dữ liệu phục vụ việc ước tính thiệt hại trung bình do mỗi vụ bạo lực gây ra. Để đảm bảo sự an toàn và tính bảo mật của các cuộc phỏng vấn, nghiên cứu chỉ lựa chọn một phụ nữ từ mỗi hộ gia đình. Trong những hộ gia đình mà có nhiều hơn một người phụ nữ đủ điều kiện thì cán bộ phỏng vấn sẽ lựa chọn ngẫu nhiên một phụ nữ để tham gia nghiên cứu. Tất cả phụ nữ được mời đến trụ sở Ủy Ban Nhân Dân để đảm bảo sự riêng tư của người phụ nữ đó và duy trì tính bảo mật.

Thông tin đã được thu thập trên một số khía cạnh chính sau (xem Bảng hỏi dùng cho phụ nữ tham gia khảo sát cung cấp tại Phụ lục II):

*i. Các đặc điểm kinh tế xã hội của người phụ nữ trong nhóm mẫu:*

- a. Tuổi người phụ nữ
- b. Trình độ giáo dục của phụ nữ/chồng
- c. Đất đai sở hữu
- d. Thu nhập hộ gia đình hàng tháng
- e. Thời gian duy trì hôn nhân
- f. Số con (con trai/con gái)

*ii. Trải nghiệm bạo lực gia đình của phụ nữ:*

- a. Trải nghiệm bạo lực về thể chất, tinh dục và tâm lý trong quá khứ và hiện nay. Bạo lực kinh tế không được xem xét tới nhằm đảm bảo tính tương thích với các nghiên cứu ước tính thiệt hại khác được tiến hành ở các nước đang phát triển. Những nghiên cứu này đều tập trung vào bạo lực thể chất, tinh dục và tâm lý.
- b. Số vụ việc trong vòng 12 tháng qua

*iii. Các chi phí trực tiếp của bạo lực:*

Các chi phí trực tiếp do người được hỏi bỏ ra liên quan tới việc tiếp cận các dịch vụ (y tế, công an, tòa án và các tổ chức khác như Hội Phụ nữ)

*iv. Các chi phí bạo lực gián tiếp:*

- a. Giảm năng suất làm việc nhà
- b. Tăng thời gian vắng mặt tại nơi làm việc

Ngoài ra, thông tin đã được thu thập về tác động của bạo lực đối với khả năng học tập của trẻ em:

- Tỷ lệ đi học
- Hoàn thành/bỏ học

Ở cấp cộng đồng, các thiệt hại bao gồm những chi phí phát sinh từ phía cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ cho phụ nữ bị bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra.

Đối với chi phí cấp cộng đồng, các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ địa phương bao gồm đại diện của Hội Phụ nữ, công an, tư pháp và trung tâm y tế đã được phỏng vấn tại các phường, xã được lựa chọn có mức độ phát triển kinh tế-xã hội thấp, trung bình và cao. Ở cấp huyện, đại diện của Hội Phụ nữ, công an, tòa án và bệnh viện đã được phỏng vấn và ở cấp tỉnh, đại diện của Hội Phụ nữ tỉnh, bệnh viện và Tòa án cấp tỉnh đã được phỏng vấn. Tổng cộng, có 11 cuộc phỏng vấn được thực hiện ở mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. Ngoài ra, 2 cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ cấp quốc gia là Ngôi nhà Bình yên và CSAGA đã được phỏng vấn. Danh sách chi tiết được thể hiện trong Bảng 2.3

**Bảng 2.3:** Thông tin về các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ đã được khảo sát ở các cấp xã/phường và huyện/tỉnh

Địa điểm	Tỉnh	Quận/huyện	Xã/phường	Tổng
Lạng Sơn	3 (Hội Phụ nữ, Bệnh viện, tòa án)	Văn Quan: 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Tòa án, Bệnh viện)	Văn An (xã có mức phát triển trung bình): 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Cán bộ tư pháp, Trung tâm Y tế)	11
Hà Nội	3 (Hội Phụ nữ, Bệnh viện, tòa án)	Đống Đa: 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Tòa án, Bệnh viện)	Nam Đồng (phường có mức phát triển cao): 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Cán bộ tư pháp, Trung tâm Y tế)	11
Đà Nẵng	3 (Hội Phụ nữ, Y tế, Tòa án)	Hải Châu: 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Tòa án, Bệnh viện)	Hòa Thuận Tây (phường có mức phát triển thấp): 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Cán bộ tư pháp, Trung tâm Y tế)	11

Bình Định	3 (Hội Phụ nữ, Bệnh viện, Tòa án)	Hoài Ân: 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Tòa án, Bệnh viện)	Ân Mỹ (xã có mức phát triển trung bình): 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Cán bộ tư pháp, Trung tâm Y tế)	11
Đắk Lắk	3 (Hội Phụ nữ, Bệnh viện, Tòa án)	TP. Buôn Ma Thuột: 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Tòa án, Bệnh viện)	Thành Nhất (phường có mức phát triển thấp): 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Cán bộ tư pháp, Trung tâm Y tế)	11
TP. Hồ Chí Minh	3 (Hội Phụ nữ, Bệnh viện, Tòa án)	Bình Thạnh: 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Tòa án, Bệnh viện)	Phường 7 (phường có mức phát triển trung bình): 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Cán bộ tư pháp, Trung tâm Y tế)	11
Bến Tre	3 (Hội Phụ nữ, Bệnh viện, Tòa án)	Giồng Trôm: 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Tòa án, Bệnh viện)	Tân Lợi Thành (xã có mức phát triển thấp): 4 (Hội Phụ nữ, Công an, Cán bộ tư pháp, Trung tâm Y tế)	11
Cấp Quốc gia				2 (tại Hà Nội: Ngôi nhà Bình yên và Trung tâm CSAGA)
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>79</b>

Bảng hỏi cho cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ (xem bảng hỏi tại Phụ lục III) thu thập thông tin về:

- Tổng số (tất cả các) trường hợp đã được mỗi cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ giải quyết trong vòng 12 tháng qua
- Tổng số vụ bạo lực gia đình đã được mỗi cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ giải quyết trong vòng 12 tháng qua

- Ngân sách hoạt động (và các hạng mục cụ thể) đối với mỗi cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ trong vòng 12 tháng qua
- Tỷ lệ phần trăm các cung cấp dịch vụ liên quan tới bạo lực gia đình
- Thông tin về các loại chi phí phát sinh do việc giải quyết vụ việc liên quan tới bạo lực gia đình bao gồm thời gian của cán bộ/nhân viên, thực hiện các quy trình sàng lọc, chi phí tập huấn và chi phí tài liệu.
- Thông tin về tất cả các loại dịch vụ được cung cấp bao gồm đường dây nóng, nhà tạm lánh, trợ giúp pháp lý, các dịch vụ sức khỏe tâm thần, đào tạo nghề, thực phẩm và các hình thức hỗ trợ thu nhập khác cũng như chi phí chuyển gửi tới các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ khác. Xem Phụ lục III về bảng hỏi cung cấp dịch vụ cho các cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ y tế để nắm bắt tổng quan về các dịch vụ cụ thể được hỏi và từng cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ.

Nếu không có sẵn dữ liệu về đơn giá dịch vụ, thì giả định rằng các chi phí bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong ngân sách của cơ sở cung cấp dịch vụ tương ứng với tỷ lệ phần trăm các vụ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong tổng số trường hợp do cơ sở đó giải quyết.

### Các chỉ số được tính toán trong nghiên cứu

#### Xây dựng chỉ số về tài sản

Nhóm nghiên cứu đã xác lập chỉ số về tài sản dựa trên mức thu nhập cũng như tình trạng tiếp cận nước sạch và vệ sinh, số phòng ở trong nhà, vật liệu xây dựng làm mái nhà và tường, nguyên liệu dùng trong nấu nướng và sự sở hữu các hàng tiêu dùng lâu bền (đài phát thanh, ti vi, điện thoại di động, tủ lạnh, đồng hồ, xe đạp, xe máy, v.v.). Phương pháp Phân tích Thành tố Chính (PCA) đã được áp dụng trong nghiên cứu để xây dựng những chỉ số này và được giải thích trong Phụ lục IV.

#### Tính thu nhập hàng ngày

Thu nhập hàng ngày là một biến số quan trọng để định giá những ngày lao động được trả lương bị bỏ lỡ (chính thức hay không chính thức) và thời gian làm công việc gia đình bị mất đi như đã cụ thể hoá trong Phương trình 2 ở trên. Phụ nữ tham gia khảo sát được hỏi thông tin về thu nhập của họ như sau :số tháng làm việc, tổng số tiền công mà họ nhận được và tần suất của việc thanh toán này (theo giờ, theo ngày, theo tuần, hai tuần một lần, hàng tháng hoặc hàng năm). Các phụ nữ tham gia khảo sát đã cho biết số tháng đã làm việc của năm trước và số tiền kiếm

được trong khoảng thời gian làm việc đó. Thu nhập của những người phụ nữ được tính bằng cách lấy thu nhập đã báo cáo chia cho số tháng làm việc, và nhân với 12 để có được con số thu nhập hàng năm nếu người phụ nữ tham gia khảo sát đã làm việc trong cả năm. Kết quả thu nhập hàng năm sau đó được chia cho 260 để tính toán thu nhập hàng ngày như dưới đây:

$$\text{Thu nhập hàng ngày} = \sum_{j=1}^n \frac{ER}{MW} \times \frac{12}{260}$$

j- phụ nữ tham gia khảo sát

ER = thu nhập theo báo cáo

MW= số tháng đã làm việc

Căn cứ vào việc mẫu này là sự kết hợp của người lao động làm công ăn lương và người lao động tự do, có khả năng là con số 260 ngày làm việc phản ánh đúng công việc hưởng lương chính thức, nhưng lại là một giả định thấp đối với những người lao động tự do. Vì vậy, có khả năng thu nhập theo ngày tính được bị sai lệch theo hướng cao hơn thực tế. Tuy nhiên, nếu không có dữ liệu cụ thể về khuôn mẫu làm việc khác nhau giữa các nhóm thì giả định 260 ngày là phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

#### Tính toán các con số ước tính vĩ mô

Để ước tính tổng chi phí cơ hội của bạo lực gia đình đối với phụ nữ do chồng/bạn tình gây ra, phương trình sau đây đã được sử dụng:

$$TOPPC = (\sum_{s=1}^n) [TFP * PV * IR * AVGOPC] + (\sum [TFP * PV * IR * COWDL] + (\sum [TFP * PV * IR * ] CODL))$$

TOPPC – Tổng chi phí cơ hội

TFP – Tổng dân số là nữ giới trong độ tuổi 18 - 49

PV – Tỷ lệ phổ biến bạo lực do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ từ 18-49 trong hiện tại

IR – Tỷ lệ vụ việc hoặc số lượng các vụ việc trên 100 phụ nữ

AVOPC – Chi phí trung bình trực tiếp từ tiền túi cho mỗi loại dịch vụ sử dụng trong mỗi vụ bạo lực

s – Các loại dịch vụ (y tế, Công an, Tư pháp, Tòa án, cơ quan, tổ chức địa phương, nhà tạm lánh)

COWDL – thiệt hại do giảm số ngày lao động (cả công việc được trả lương, không được trả lương và tái sản xuất) trong mỗi vụ việc

CODL – thiệt hại do con cái bỏ học trong mỗi vụ việc

**Thiệt hại về năng suất** được ước tính bằng cách sử dụng phương pháp hồi quy bình phương tối thiểu thông thường 2 giai đoạn (OLS) dựa trên thu nhập, một kỹ thuật kinh tế lượng tiêu chuẩn. Đầu tiên, phương pháp này xác định một biến công cụ cho bạo lực. Nói cách khác, biến công cụ này là biến số có liên quan đến bạo lực nhưng không có mối tương quan với thu nhập. Để thực hiện điều này, nghiên cứu đã áp dụng phương pháp hồi quy logistic để xác định các biến số tiềm năng có mối liên hệ chặt chẽ với bạo lực. Các biến tiêu chuẩn thường được xác định trong các tài liệu hiện có là trình độ học vấn của người phụ nữ và bạn tình, tài sản hay tình trạng kinh tế - xã hội, tuổi tác, đã từng chứng kiến bạo lực hoặc bị bạo lực trong thời thơ ấu, có chồng/bạn tình uống rượu/cờ bạc, thái độ về giới và tần suất của những cuộc cãi vã trong quan hệ với chồng/bạn tình. Các biến số có quan hệ chặt chẽ với bạo lực được thử với thu nhập để tìm ra một biến công cụ phù hợp nhất về bạo lực. Dựa trên biến công cụ này, phương trình hồi quy OLS tiêu chuẩn về thu nhập bao gồm cả địa bàn sinh sống (nông thôn/thành thị), tài sản, của cải, giáo dục, độ tuổi, và biến công cụ được sử dụng.

## 2.3 Thực hiện nghiên cứu

### Nhóm nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu nòng cốt bao gồm một Chuyên gia tư vấn Quốc tế tới từ Trường Đại học Quốc gia Ai-len (NUIG), một Chuyên gia chính trong nước và các cán bộ nghiên cứu của Viện Gia đình và Giới (IFGS) đã thực hiện nghiên cứu này. IFGS chịu trách nhiệm chính về công tác thực địa và nhập dữ liệu trong khi NUIG chịu trách nhiệm quản lý và phân tích dữ liệu. Thông tin liên lạc thường xuyên được duy trì giữa các chuyên gia tư vấn quốc tế và trong nước để rà soát tiến độ và kiểm soát chất lượng.

### Cán bộ thu thập dữ liệu trên hiện trường

Có 6 nhóm, mỗi nhóm gồm một giám sát viên và 5 đến 6 điều tra viên thực địa, làm việc tại 7 tỉnh. Nhóm nghiên cứu tham gia vào dự án và Chuyên gia quốc tế đã tổ chức hội thảo tập huấn 5 ngày cho các giám sát viên/khảo sát viên để đảm bảo họ hiểu về nghiên cứu bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, làm quen với các bảng hỏi và lĩnh hội đầy đủ các hướng dẫn về đạo đức và an toàn. Vấn đề này được thảo luận thêm ở dưới đây.

### Các công cụ thu thập dữ liệu

Nhóm nghiên cứu nòng cốt đã xây dựng dự thảo Bảng hỏi cho Phụ nữ đầu tiên bằng tiếng Việt dựa trên bản dự thảo tiếng Anh do Chuyên gia Quốc tế cung cấp. Bảng hỏi đã được chuyển thể từ bảng hỏi của Nghiên cứu Quốc gia 2010 về Bạo lực gia đình và Nghiên cứu năm 2009 của Trung tâm Nghiên cứu quốc tế về Phụ nữ (ICRW) về chi phí của Bạo lực Gia đình. Dự thảo bảng hỏi đã được điều tra thử và điều chỉnh theo kết quả thử nghiệm. Bảng hỏi dành cho cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ cũng được xây dựng riêng cho từng lĩnh vực cung cấp dịch vụ. Những bảng hỏi này cũng được chuyển thể từ các bảng hỏi đã được sử dụng trong nghiên cứu năm 2009 của ICRW.

### Nghiên cứu thực địa

Nghiên cứu thực địa bao gồm khảo sát đối với các phụ nữ tham gia, phỏng vấn sâu các nạn nhân nữ bị bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra, và phỏng vấn cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ. Nghiên cứu thực địa đã diễn ra từ 17/4 đến 21/6/2012. Đầu tiên, nhóm nghiên cứu đã làm việc với những người dân ở thành phố Hà Nội để tích lũy thêm kinh nghiệm trước khi đi đến các tỉnh, thành phố khác. Các kế hoạch thu thập dữ liệu đã được gửi đến các tỉnh từ 2-3 tuần trước đó. Nghiên cứu thực địa tại Hà Nội kéo dài khoảng 15 ngày và đã cho rất nhiều kinh nghiệm quý báu. Đối với các tỉnh/thành phố khác, đầu tiên nhóm đã làm việc với cấp tỉnh, sau đó họ được giới thiệu đến tuyến huyện và xã. Các cuộc phỏng vấn thực địa đã được giám sát chặt chẽ để đảm bảo thu thập được dữ liệu chất lượng cao. Các thành viên của nhóm nghiên cứu nòng cốt thường xuyên có mặt ở địa bàn để giám sát công tác thực địa. Ngoài việc kiểm tra giám sát, nhóm nghiên cứu cũng đã đưa ra giải pháp tại chỗ cho các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực địa ví dụ như khi những phụ nữ được mời tới phỏng vấn đã không đến hoặc khi phải nhanh chóng kết thúc cuộc phỏng vấn.

## 2.4 Các vấn đề đạo đức nghề nghiệp

Để phục vụ cho nghiên cứu này, một tài liệu hướng dẫn dành cho các cán bộ thực địa đã được xây dựng dựa trên hướng dẫn về đạo đức của WHO dành cho nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ. Một số quan ngại về đạo đức đã được đặc biệt chú ý khi tiến hành nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ ở cấp độ hộ gia đình. Đầu tiên, để duy trì tính bảo mật, cuộc khảo sát đã được giới thiệu ở cấp địa phương và hộ gia đình như là một cuộc khảo sát về sức khỏe và kinh nghiệm sống của phụ nữ. Thứ hai, các cuộc phỏng vấn được tiến hành một cách riêng tư và không

phán xét. Thứ ba, những phụ nữ cho biết từng bị chồng sử dụng bạo lực được cung cấp thông tin về dịch vụ tư vấn mà họ có thể sử dụng.

Nhóm thực địa tiến hành khảo sát đã có 5 ngày tập huấn về các khía cạnh khác nhau của mục tiêu nghiên cứu, phương pháp điều tra, kỹ thuật phỏng vấn và các vấn đề có liên quan khác của công tác khảo sát thực địa. Các cán bộ thực địa đã được tập huấn đầy đủ về các vấn đề giới; xử lý các tình huống khó khăn phát sinh từ việc thảo luận về các vấn đề liên quan đến bạo lực; giới thiệu những người phụ nữ có yêu cầu hoặc cần sự hỗ trợ tới các dịch vụ và các nguồn hỗ trợ sẵn có của địa phương.

1. Tất cả các phụ nữ tham gia khảo sát đã được phỏng vấn riêng với mọi nỗ lực để đảm bảo sự riêng tư và bảo mật của các thông tin thu được. Các phụ nữ tham gia khảo sát đều được đảm bảo rằng thông tin mà họ cung cấp sẽ chỉ được sử dụng cho các mục đích nghiên cứu và danh tính của họ sẽ không được tiết lộ dưới bất kỳ hình thức nào.
2. Các phụ nữ tham gia khảo sát được thông báo rằng việc tham gia vào cuộc khảo sát là hoàn toàn tự nguyện. Các điều tra viên đã được hướng dẫn rằng nếu có bất kỳ phụ nữ tham gia khảo sát không muốn trả lời bất kỳ câu hỏi nào thì họ sẽ tiến tới câu hỏi tiếp theo. Thứ hai, phụ nữ tham gia khảo sát có thể rút khỏi cuộc phỏng vấn tại bất kỳ thời điểm nào nếu chị không muốn tiếp tục. Trước khi bắt đầu cuộc phỏng vấn, cần phải được sự đồng ý từ phía phụ nữ tham gia khảo sát. Sự đồng ý tham gia cuộc khảo sát nói chung được chị em phụ nữ thể hiện bằng lời nói và cán bộ phỏng vấn ký để xác nhận rằng đã tuân thủ các thủ tục để có được sự đồng ý này.

Ngoài ra, trước khi bắt đầu vào những phần đặc biệt nhạy cảm của buổi phỏng vấn, cán bộ phỏng vấn lại hỏi xem liệu các chị em có muốn tiếp tục hay không, và nhắc nhở họ rằng họ có thể tự do dừng cuộc phỏng vấn hoặc bỏ qua bất kỳ câu hỏi nào. Nếu cuộc phỏng vấn bị ngắt quãng, cán bộ phỏng vấn đã được hướng dẫn ngừng hỏi về bạo lực để chuyển sang một chủ đề khác ít nhạy cảm hơn cho đến khi sự riêng tư được đảm bảo.

3. Các biện pháp đã được thực hiện đầy đủ để duy trì tính bảo mật của thông tin do chị em phụ nữ cung cấp và để đảm bảo an toàn và an ninh của những chị em tham gia vào nghiên cứu này. Ngay cả ở giai đoạn cuối, tính bảo mật nghiêm ngặt vẫn đang được duy trì đối với các thông tin do các phụ nữ tham gia khảo sát cung cấp, các tập tin dữ liệu được lưu trữ và đều có mật khẩu bảo vệ và chỉ có Chuyên gia chính mới biết được mật khẩu

này. Không ai ngoài các nhà nghiên cứu tham gia vào việc thu thập dữ liệu của nghiên cứu này có thể truy cập những thông tin này.

## 2.5 Hạn chế của nghiên cứu

Do nghiên cứu quốc gia về bạo lực đã được tiến hành, đồng thời có một số hạn chế về mặt thời gian và ngân sách trong việc thực hiện một nghiên cứu lớn cấp quốc gia cho nên nghiên cứu này đã được quyết định sẽ dựa trên cơ sở nghiên cứu quốc gia năm 2010 của Tổng cục Thống kê. Nghiên cứu có hạn chế do các tỉnh và huyện được lựa chọn một cách có chủ đích với sự tham khảo ý kiến của Hội Phụ nữ và do đó không mang tính đại diện cho toàn quốc. Tuy nhiên, 3 thành phố trực thuộc Trung ương trong cuộc khảo sát đại diện cho các thành phố trực thuộc Trung ương quan trọng nhất của cả nước. Ngoài ra, mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo rằng các mức độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau đều được phản ánh khi lựa chọn các phường, xã cụ thể thuộc các quận/huyện được nghiên cứu. Thêm vào đó, một điểm cụ thể khác của cuộc khảo sát này đã giới hạn tính đại diện của nó là số lượng mẫu khảo sát của phụ nữ thành thị và nông thôn là bằng nhau chứ không dựa trên tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn trên toàn quốc.<sup>15</sup> Điều này là nhằm đảm bảo trong số mẫu thành thị có đủ số người là nạn nhân của bạo lực gia đình. Một hạn chế quan trọng về tính đại diện của nghiên cứu này là các chị em được lựa chọn bằng cách sử dụng hai danh sách mẫu là 'tương đối hòa thuận' và 'không có xung đột' thay vì ngẫu nhiên rút ra từ một khung chọn mẫu chung của số lượng phụ nữ đủ điều kiện tại phường/xã cụ thể. Quyết định này được đưa ra nhằm đảm bảo có đủ số lượng các trường hợp để cung cấp thông tin chi tiết về các vụ việc và các chi phí liên quan có thể được thu thập, vì mục đích của nghiên cứu này là ước tính thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra.

Một hạn chế quan trọng nữa của nghiên cứu này là tất cả các chi phí, thiệt hại đều dựa trên thông tin tự báo cáo của các phụ nữ tham gia khảo sát cung cấp và vì bản thân các thông tin này rất dễ mang tính định kiến, mặc dù khó có thể nói một cách chắc chắn là sẽ định kiến theo hướng nào, vì một số người có thể phóng đại quá mức trong khi những người khác có thể nói giảm đi tác động thực sự của một vụ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra. Sự sai lệch tương tự cũng có thể

<sup>15</sup> Sự phân chia giữa thành thị và nông thôn trên thực tế còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi vì có sự luân chuyển đáng kể giữa nông thôn và thành thị, đặc biệt là trong và xung quanh các thành phố lớn như Hà Nội và Tp. HCM. (xem Jensen, 2003)

xảy ra với việc báo cáo số lượng các vụ bạo lực trong vòng 15 tháng trước cuộc phỏng vấn. Căn cứ vào tính ngẫu nhiên của việc lựa chọn phụ nữ tham gia khảo sát trong phạm vi hai khung mẫu, hy vọng rằng mức độ sai lệch sẽ được giữ ở mức tối thiểu.

Hơn nữa, việc tính toán thu nhập hàng ngày, là một biến quan trọng trong nghiên cứu này, lại được dựa trên thu nhập do phụ nữ tham gia khảo sát tự báo cáo. Dữ liệu tự báo cáo thường bị coi là sai sự thật và thực tế dường như đã có sự bất thường trong một số các khoản thu nhập do phụ nữ báo cáo. Mức thu nhập báo cáo rất khác nhau này có thể phản ánh sự khác biệt trong mức độ giàu có giữa các huyện với nhau, nhưng chúng tôi đã không thể xác định một mô hình rõ ràng. Chúng tôi cũng quan tâm tới việc kiểm tra chéo các thông tin về thu nhập thông qua nghề nghiệp để đảm bảo không có những yếu tố bên ngoài đáng kể nào được đưa vào việc tính toán thu nhập hàng ngày. Hơn nữa, việc tính toán thu nhập hàng ngày giả định số ngày làm việc là 260, như vậy có thể gây ra sai lệch theo hướng tăng lên trong thu nhập hàng ngày của phụ nữ vì phụ nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc nghề tự do phi nông nghiệp có số ngày làm việc lớn hơn nhiều so với con số giả định này. Hơn nữa, do tất cả các ước tính đều dựa trên các số liệu thu nhập tự báo cáo nên những ước tính này cần được xem cẩn thận. Cuối cùng, các ước tính vĩ mô đưa ra trong báo cáo này cần được nhìn nhận như là chi phí tiềm năng đối với nền kinh tế hơn là chi phí thực tế.

Một hạn chế nữa của nghiên cứu là các phụ nữ là người báo cáo thông tin về nam giới - về nghề nghiệp, thu nhập, rượu bia, cờ bạc và những trải nghiệm về bạo lực ở thời thơ ấu của họ. Thu nhập hàng tháng và những trải nghiệm thời thơ ấu của nam giới là những thông tin đặc biệt hạn chế về độ tin cậy vì phụ nữ có thể không biết đầy đủ về thu nhập của nam giới cũng như những trải nghiệm trong quá khứ của họ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc thu thập thông tin từ phụ nữ về trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu của chồng/bạn tình vẫn là phương pháp tiêu chuẩn trong các nghiên cứu quốc tế về bạo lực do chồng/bạn tình gây ra (Duvvury và các cộng sự 2000).

## CHƯƠNG 3

### TÁC ĐỘNG CỦA BẠO LỰC DO CHỒNG/BẠN TÌNH GÂY RA: CÁC PHÁT HIỆN

Nghiên cứu này đã khảo sát tổng cộng 1053 phụ nữ - 541 người sống ở khu vực nông thôn và 512 người ở khu vực đô thị - nhằm thu thập thông tin về trải nghiệm bạo lực gia đình của họ và những thiệt hại có liên quan ở cấp độ hộ gia đình. Ngoài ra còn có 10 cuộc phỏng vấn sâu với các phụ nữ đã đến tìm kiếm sự hỗ trợ của Ngôi nhà Bình yên (nhà tạm lánh cấp quốc gia của Hội Liên hiệp Phụ nữ), CSAGA (tổ chức phi chính phủ trong nước cung cấp dịch vụ tham vấn và các hỗ trợ khác), và Trung tâm tư vấn chăm sóc sức khỏe phụ nữ tại Bệnh viện Đức Giang (Hà Nội). Chương này sẽ trình bày những phát hiện cơ bản từ hoạt động khảo sát định lượng và các cuộc phỏng vấn định tính đó.

#### 3.1 Đặc điểm kinh tế - xã hội của những người tham gia khảo sát

Những phụ nữ tham gia khảo sát được chọn từ 7 khu vực địa lý của Việt Nam, tại 7 địa bàn cấp huyện ở nông thôn và 7 địa bàn ở đô thị. Các huyện nông thôn bao gồm Chương Mỹ (thành phố Hà Nội), Văn Quan (tỉnh Lạng Sơn), Krong Ana (tỉnh Đắk Lắk), Hòa Vang (Thành phố Đà Nẵng), Hoài Ân (tỉnh Bình Định), Hóc Môn (thành phố Hồ Chí Minh) và Giồng Trôm (tỉnh Bến Tre). Các địa bàn đô thị đã khảo sát bao gồm quận Đống Đa (thành phố Hà Nội), thành phố Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn), thành phố Buôn Mê Thuột (tỉnh Đắk Lắk), quận Hải Châu (thành phố Đà Nẵng), thành phố Quy Nhơn (tỉnh Bình Định), quận Bình Thạnh (thành phố Hồ Chí Minh), và thành phố Bến Tre (tỉnh Bến Tre).

Phần lớn trong số phụ nữ tham gia khảo sát là người hiện có chồng (92,5%), 6% đang trong tình trạng ly thân hoặc ly hôn với chồng, và 1% góa chồng. Việc lựa chọn những người tham gia khảo sát đều là phụ nữ đang hoặc đã từng có người hôn phối là phù hợp với tập quán văn hóa quốc gia. Quy mô gia đình trung bình của các phụ nữ tham gia khảo sát là 4,38 người/gia đình. Tỷ lệ này có tính đại diện cho xu thế chung trên toàn quốc, dù nếu xét riêng từng gia đình thì quy mô dao động từ 1 đến 15 người/hộ.

Độ tuổi trung bình của phụ nữ tham gia khảo sát là 39 tuổi và độ tuổi trung bình của chồng/bạn tình của họ là 42 (xem thêm bảng 3.1a và 3.1b). Độ tuổi trung bình khi lập gia đình là 22 tuổi, trong đó, phụ nữ ở nông thôn có xu hướng kết hôn sớm hơn ở đô thị.



**Bảng 3.1a\*:** Đặc điểm kinh tế xã hội/nhân khẩu học của nhóm mẫu

Chỉ số	Nông thôn	Đô thị	Tổng (không gia trọng)
Tất cả phụ nữ	541	512	1053
<b>Nhóm tuổi (tuổi)</b>			
20-24	3,5	2,5	3
25-29	7,9	12,7	10,3
30-34	16,8	14,1	15,5
35-39	25,7	19,3	22,6
40-44	22,7	24,4	23,6
45+	23,3	27	25,1
<b>Độ tuổi trung bình</b>	<b>38,5</b>	<b>38,7</b>	<b>38,6</b>
<b>Tuổi kết hôn (trung bình)</b>	20,1	23,3	22
<b>Thời gian kết hôn (năm)</b>			
<3	2,6	9	5,7
3-5	5,4	11,3	8,3
6-10	13,9	15,4	14,6
11-15	19,8	19,1	19,5
16-24	42	35,5	38,8
25+	17	11,7	14,4
<b>Thời gian kết hôn trung bình</b>	<b>17,2</b>	<b>14,9</b>	<b>16,1</b>
<b>Số khẩu trong gia đình (trung bình)</b>	4,1	4,6	4,4
<b>Tình trạng hôn nhân</b>			
Hiện đang có chồng	94,1	90,8	92,5
Ly thân/ly dị	5,3	6,6	6
Góa chồng	0,4	2	1
<b>Trình độ học vấn của phụ nữ</b>			
Chưa hoàn thành tiểu học	9,2	5,5	7,4

Đã hoàn thành tiểu học	33,1	13,5	23,6
Trung học cơ sở	34,6	26,8	30,8
Trung học phổ thông	14,4	27,3	20,7
Sơ cấp/trung cấp nghề	4,4	13,1	8,6
Cao đẳng	0	3,1	1,5
Đại học	1,5	9,4	5,3
<b>Biết chữ (có thể đọc, viết)</b>	97,2	98,2	97,7
<b>Việc làm chính của phụ nữ</b>			
Trả lương theo tháng	7,98	33,12	19,74
Trả lương theo ngày	4,94	4,76	4,86
Nghề tự do/phi nông nghiệp	27,19	56,06	40,69
Làm việc gia đình không được trả lương (phi nông nghiệp)	0,00	2,16	1,01
Tự do/nông nghiệp	54,75	2,38	30,26
Làm việc gia đình không được trả lương (nông nghiệp)	3,80	0,43	2,23
Khác	1,33	1,08	1,21
<b>Dân tộc</b>			
Kinh	76,3	92,6	84,2
Tày	6,3	2,9	4,7
Mường	0,4	0	0,2
Hoa	0,2	0,8	0,5
Nùng	10	3,3	6,7
Khác	6,8	0,4	3,7
<b>Tỷ lệ có sở hữu nhà ở</b>	42,5	22,9	33

\* Tất cả các bảng trình bày trong Báo cáo này đều dựa trên tính toán số liệu khảo sát do nhóm nghiên cứu thực hiện, trừ khi có lưu ý cụ thể khác.

**Bảng 3.1b: Đặc điểm kinh tế xã hội/nhân khẩu học của chồng/bạn tình**

	Nông thôn	Đô thị	Tổng
<b>Độ tuổi (trung bình)</b>	41,5	42,4	42
<b>Thời gian kết hôn</b>	17,2	14,9	16,1
<b>Trình độ học vấn</b>			
Chưa hoàn thành tiểu học	8,9	3,9	6,5
Đã hoàn thành tiểu học	29,6	13,3	22,1
Trung học cơ sở	30,5	27	28,8
Trung học phổ thông	17,6	21,1	19,3
Sơ cấp/trung cấp nghề	3,7	10,7	7,1
Cao đẳng	1,8	4,9	3,3
Đại học	2,4	14,1	8,1
Tiến sĩ	0	1	0,5
Vợ/người phụ nữ không nắm được	3,3	2,1	
<b>Việc làm</b>			
Trả lương theo tháng	19,8	49	34
Trả lương theo ngày	13,5	8,4	11
Tự do - phi nông nghiệp	20,7	27,9	24,2
Tự do - nông nghiệp	34,6	1,8	18,6
Làm việc gia đình không được trả lương	1,5	0,2	1,5
Khác	0,9	0,4	0,7
<b>Chồng/bạn tình biết đọc biết viết</b>	98,2	98,4	98,3

### 3.1.1 Độ tuổi kết hôn

Độ tuổi kết hôn hợp pháp ở Việt Nam theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là 18 tuổi đối với nữ và 20 tuổi đối với nam. Tuy nhiên ở những vùng nông thôn, miền núi phía Bắc, thanh niên có xu hướng kết hôn sớm hơn độ tuổi quy định, trong đó những trường hợp phụ nữ lấy chồng từ 13 tuổi không phải là hiếm (Hong, 2003). Có thể thấy trong bảng sau, 24% phụ nữ trong nhóm mẫu của nghiên cứu này là người kết hôn trước 18 tuổi.

**Bảng 3.2: Độ tuổi kết hôn**

Tuổi kết hôn	Nam giới		Phụ nữ	
	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị
12-18	5,7	0,8	24	8,6
19-22	35,9	16,2	53	36,3
23-27	41	40,6	19,8	41,8
28-30	9,4	19,9	1,7	8,2
30-45	7,9	22,5	1,5	5,1
<b>Tuổi kết hôn trung bình</b>	<b>24</b>	<b>27</b>	<b>21</b>	<b>23</b>

Như trình bày tại Bảng 3.2 ở trên, phụ nữ trong nhóm tham gia khảo sát có xu hướng kết hôn sớm hơn so với nam giới và phụ nữ nông thôn kết hôn sớm hơn phụ nữ đô thị (21 tuổi so với 23 tuổi).

Kết hôn sớm là vấn đề được ghi nhận trong các tài liệu hiện có. Kết hôn sớm là một vấn đề quan ngại vì hệ lụy của nó gây ra đối với sự phát triển thể chất, tinh thần, và tình cảm. Như trình bày ở trên, 24% phụ nữ nông thôn kết hôn trước khi đủ 18 tuổi. Ở khu vực thành thị, con số được báo cáo là 8,6%. Phụ nữ kết hôn sớm thường có trình độ học vấn thấp hơn, sinh con sớm hơn, và có ít quyền quyết định hơn trong gia đình. Trên toàn thế giới, phụ nữ lấy chồng trước 20 tuổi có khả năng phải chịu bạo lực gia đình cao hơn những người kết hôn sau độ tuổi hơn 20 hoặc lớn hơn (Bachman và cộng sự, 2002). Trong một số trường hợp, chênh lệch về độ tuổi kết hôn trung bình giữa nam và nữ được xác nhận là có ý nghĩa quan trọng đối với tình trạng bạo lực gia đình (Abramsky và cộng sự, 2011). Trong nhóm phụ nữ nông thôn tham gia khảo sát, mức chênh lệch về tuổi tại thời điểm kết hôn giữa nam và nữ là 3,3 tuổi. Mức chênh lệch trong từng trường hợp cụ thể dao động từ vợ hơn chồng 5 tuổi đến vợ kém chồng 29 tuổi. Ở các địa bàn đô thị, mức chênh lệch tuổi kết hôn giữa nam và nữ trung bình là 4 tuổi trong đó nam lớn tuổi hơn vợ/bạn tình nữ của họ. Mức chênh lệch tuổi trong nhóm mẫu ở đô thị khi cưới hoặc bắt đầu chung sống dao động từ chồng kém vợ 8 tuổi đến chồng hơn vợ 26 tuổi. Mặc dù chênh lệch trong một số trường hợp cụ thể như vừa nêu là khá lớn, nhưng kết quả trung bình cho thấy khoảng cách về tuổi kết hôn giữa nam và nữ là tương đối thấp.

### 3.1.2 Giáo dục

Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc đảm bảo giáo dục cho nữ giới, thể hiện qua việc đại bộ phận những người tham gia khảo sát đã được đi

học, ít nhất là ở bậc tiểu học. Chỉ một phần rất nhỏ phụ nữ được phỏng vấn cho biết họ không được tham gia hệ thống giáo dục chính quy. Trong khi khoảng 20% phụ nữ hoàn thành bậc trung học, thì chỉ có một số ít (5%) có trình độ đại học. Giữa khu vực nông thôn và đô thị cũng có những khác biệt đáng kể khi gần 80% phụ nữ nông thôn không hoàn thành bậc trung học phổ thông, trong khi ở thành thị, hơn ¼ số phụ nữ có bằng cấp cao hơn trung học phổ thông. Nhìn chung, nam giới có bằng cấp cao hơn nữ và cũng có sự phân biệt về bằng cấp giữa khu vực nông thôn/thành thị tương tự như ở nữ (Bảng 3.1b). Trên bình diện tổng quan, vẫn còn có khoảng cách giới lớn trong giáo dục giữa nam và nữ trong gia đình, trong đó phụ nữ trung bình được đi học 9,61 năm và nam giới 14,7 năm học, dù chỉ 36,2% phụ nữ được hỏi cho biết người hôn phối của mình có trình độ giáo dục cao hơn (xem Bảng 3.3).

**Bảng 3.3: Khoảng cách giới trong trình độ giáo dục**

	Số lượng	%
Nam cao hơn	358	36,2
Ngang nhau	389	39,4
Nữ cao hơn	241	24,4

### 3.1.3 Việc làm

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao (93,8%) trong đó hầu hết những người được hỏi đều tham gia một loại hình việc làm nào đó (chỉ có 65 người được hỏi không trả lời câu hỏi về việc làm, cho biết họ dành 100% thời gian làm việc nhà). Kết quả này khác với số liệu cấp quốc gia về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ trong nhóm tuổi từ 15 đến 64. Theo số liệu quốc gia, tỷ lệ này là 73% (TCTK 2012). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động trong số liệu quốc gia thấp hơn là phản ánh tỷ lệ nữ thanh niên tham gia trong hệ thống giáo dục cao hơn và việc chấm dứt lao động của phụ nữ trên 55 tuổi do nghỉ hưu.

Về cấu trúc nghề nghiệp, phần lớn người được hỏi tham gia trong những việc làm không chính thức – khoảng 71% tham gia lao động tự do và 3% làm việc nhà không được trả lương. Số người có việc làm được trả lương theo tháng chỉ chiếm 19,74% nhưng lại tập trung chủ yếu ở các khu vực đô thị (33% ở đô thị và 8% ở nông thôn). Trong khi đó, nam giới cũng có tỷ lệ làm việc trong các công việc chính thức cao hơn, với tỷ lệ việc làm trả lương theo tháng chiếm 34% và gần 50% nếu chỉ tính riêng khu vực đô thị. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc làm không chính thức vẫn chiếm phần lớn trong các loại hình việc làm của cả nữ và nam.

Phát hiện này thống nhất với cấu trúc việc làm trên toàn quốc theo số liệu về lực lượng lao động trên toàn quốc.

### 3.1.4 Thu nhập

Xét về phân bố thu nhập, phần lớn phụ nữ và nam giới được hỏi đều cho biết mức thu nhập của họ đạt dưới 2,6 triệu đồng/tháng, trong đó 38% kiếm được từ 1 triệu (mức lương tháng tối thiểu đối với những người làm việc trong các tổ chức) đến 2,6 triệu. Nhóm mẫu cũng bao gồm cả những người có mức thu nhập khá cao, dao động từ 7 triệu đồng đến 50 triệu đồng, chiếm 5,2% phụ nữ và 10% chồng/bạn tình của họ. Nhìn chung, thu nhập hằng tháng của phụ nữ khá sát với mức thu nhập bình quân theo kết quả cuộc Khảo sát lực lượng lao động năm 2011 (TCTK 2012). Hơn nữa, mức thu nhập trung bình của phụ nữ chỉ bằng 78% thu nhập của nam giới phản ánh thực trạng thị trường lao động vẫn tiếp tục có sự phân biệt đối xử khi đã có gần 94% phụ nữ cho biết họ có tham gia làm một loại hình công việc nào đó. Tuy nhiên, khoảng cách về thu nhập đã được thu hẹp lại so với mức 68% của năm 2005 (Wells, 2005).

**Bảng 3.4: Phân bố thu nhập (%)**

Thu nhập hằng tháng (đơn vị: nghìn đồng)	Phụ nữ N = 988	Chồng/bạn tình N=945
0*	4,50	3,10
Dưới 1000	16,40	13,40
Từ 1000 đến 2.600	37,60	23,80
Từ 2.600 đến 4.000	21,00	25,50
Từ 4.000 đến 7.000	15,30	24,20
Từ 7.000 đến 50.000	5,20	10,00
Thu nhập trung bình hằng tháng (nghìn đồng)	2.853	3.675

\* Đại diện cho những người không cho biết thông tin về thu nhập.

Trên bình diện tổng thể, số liệu về giáo dục, việc làm, và thu nhập cho thấy những bước tiến đạt được trong việc thúc đẩy bình đẳng giới ở cấp độ chính sách đang bắt đầu có tác động cụ thể đến đời sống của từng phụ nữ. Số liệu thực tế cho thấy khoảng cách về giới giữa nam và nữ trong gia đình đang thay đổi và còn có thể thu hẹp hơn nữa trong một số khía cạnh. Tuy nhiên, các số liệu này không thể hiện được toàn diện các nhân tố vận động phức tạp bên trong các mối quan hệ

cá nhân. Theo đó, trình độ giáo dục và mức độ tham gia lực lượng lao động gia tăng không nhất thiết đồng nghĩa với việc “tăng quyền” cho phụ nữ trong bối cảnh tư tưởng gia trưởng, trong đó hôn nhân được đề cao và trách nhiệm của phụ nữ trong việc duy trì sự hòa thuận trong gia đình là không có gì phải bàn cãi. Ví dụ, trong cuộc phỏng vấn sâu, một phụ nữ cho biết:

*Trước khi lấy tôi, anh ta không có tiền, tôi phải cho anh ta tiền, anh ta không có xe, tôi phải mua xe máy cho, điện thoại của tôi trị giá 4 chỉ vàng mười trong khi điện thoại của anh ta trị giá chỉ 100 ngàn, nhưng tôi đã đổi cho. Tôi đã phải chiều anh ta hết mức có thể. Tôi mua cho anh ta quần áo, giày dép, điện thoại, thẻ điện thoại, cho tiền mua xăng... nói chung là tôi chiều theo mọi thứ anh ta muốn. (NTL, lập gia đình năm 34 tuổi, hiện đang ly thân).*

Một số phụ nữ khác khi được phỏng vấn sâu cũng chỉ ra những đóng góp về tài chính của họ để tiếp tục duy trì mối quan hệ, giúp đỡ chồng hoặc người yêu trong việc làm ăn, và đáp ứng các nhu cầu của gia đình.

*Tôi làm nghề không chính thức. Có lúc thì đi bán dạo trên phố bán hoa quả hoặc mua đồng nát, có lúc thì đi làm giúp việc nhà cho người ta. Chủ yếu thời gian của tôi là làm việc nhà. Thu nhập trung bình hằng tháng được khoảng 3 triệu (đồng).*

*Chồng trước của tôi là công nhân xây dựng. Anh ta thường đi làm 15 đến 20 ngày rồi về. Khi đã tiêu hết số tiền kiếm được, anh ta mới lại đi làm tiếp. Tôi thường phải vay tiền để tiêu trước rồi trả lại khi chồng mang tiền về. Sau khi trả nợ, chúng tôi chẳng còn tí tiền nào nữa. (PTH, 27 tuổi, đã ly hôn).*

Một phụ nữ khác, có trình độ học vấn, lại quyết định sang Angola làm việc để giúp đỡ gia đình, kiếm tiền mua nhà, mua ô tô:

*Tôi tốt nghiệp Đại học Tài chính sau đó làm cho một công ty trang sức. Chồng tôi sinh năm 1980 tại P.T. Anh ta tốt nghiệp hai trường đại học. Năm 2006, chúng tôi cưới nhau và sống chung với gia đình nhà chồng ở V.P. Năm 2007, tôi sinh đứa con đầu tiên. Năm 2008, để trả viện phí cho bố chồng và cải thiện kinh tế gia đình, tôi quyết định đi Angola. Giữa năm 2011, khi chúng tôi đã có đủ tiền xây nhà ba tầng, mua thêm một mảnh đất khoảng 400 đến 450 triệu, và mua ô tô, thì tôi về nước. Tôi tiếp tục về làm ở công ty trang sức. Lúc đó chồng tôi làm quản lý nhân sự cho một công ty ô tô ở Việt Nam. Cuộc sống và công việc của chúng tôi khá ổn định. (LTL, 31 tuổi, đang chờ ly hôn, chồng trong trại giam).*

Nhưng thường thì bạo lực được sử dụng làm phương thức để tước đoạt những khoản tiền mà phụ nữ kiếm được, như một trong số những người được phỏng vấn kể lại:

Anh ta bòn rút đến những đồng cuối cùng tôi kiếm được. “Hôm nay kiếm được bao nhiêu? Đưa hết đây không tao đánh chết”. Chẳng hạn như tôi kiếm được 500 ngàn, tôi sẽ nói dối là “Tôi chỉ kiếm được 300 ngàn thôi. Tôi sẽ đưa hết cho anh. Anh phải đi mua gạo cho con và không được đánh chúng. Nếu anh đánh con, tôi sẽ không đưa tiền cho anh nữa” (DTN, 44 tuổi, có gia đình).

### 3.2 Sức khỏe và phúc lợi

Sức khỏe phụ nữ là một phần quan trọng của khảo sát này để hiểu những tác động mà bạo lực gia đình gây ra. Với tầm quan trọng của bảo hiểm y tế trong hệ thống chăm sóc sức khỏe của Việt Nam như hiện nay, những phụ nữ tham gia khảo sát được hỏi họ có được bảo hiểm y tế hay không. Theo những số liệu quốc gia đã trích dẫn ở trên, 60% nhóm mẫu cho biết họ có bảo hiểm y tế. Về tình trạng sức khỏe tổng thể, 3,4% số người được hỏi cho biết sức khỏe của họ rất tốt. 34,6% cho biết sức khỏe của họ tốt và phần lớn (52,3%) cho biết sức khỏe ở mức trung bình. Phần còn lại, 9,2% tự đánh giá sức khỏe yếu hoặc rất yếu. Ngoài ra, kết quả câu hỏi về vấn đề sức khỏe gặp phải trong 4 tuần gần nhất cũng cho biết thêm nhiều thông tin.

**Bảng 3.5a:** Các vấn đề sức khỏe (%)

Hãy cho biết trong 4 tuần vừa qua N=1053	Không có vấn đề gì	Có rất ít vấn đề	Có một vài vấn đề	Gặp nhiều vấn đề	Không thể thực hiện các hoạt động thông thường
Khả năng đi lại của bạn	76,4	9,6	10,8	3,1	0
Khả năng thực hiện những công việc bình thường, như làm việc, học tập, việc nhà, các hoạt động trong gia đình, xã hội	64,7	16,2	15	4,1	0
Bạn có bị đau hay khó chịu không	36,4	32,8	19,4	8,8	2,7
Bạn có gặp vấn đề về trí nhớ hoặc khả năng tập trung không	56	22,5	19,5	2	0

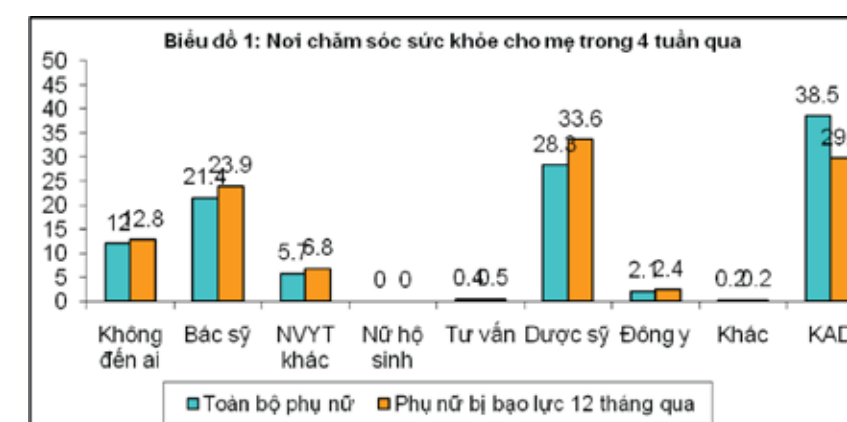
Theo Bảng 3.5a, hơn 1/3 số phụ nữ được hỏi cho biết có gặp vấn đề trong hoạt động thường ngày, 15% cho biết có gặp một số vấn đề và 4,1% cho biết gặp nhiều vấn đề trong việc thực hiện các công việc bình thường hằng ngày của mình. Một tỷ lệ lớn phụ nữ cho biết có bị đau hoặc khó chịu với gần 30% cho biết gặp một số hoặc nhiều vấn đề, hoặc không có khả năng thực hiện các hoạt động thông thường. Ngoài ra, khoảng 22% cho biết có gặp một số hoặc nhiều vấn đề liên quan tới khả năng ghi nhớ hoặc tập trung. Những thông tin này cũng được phản ánh trong báo cáo về tình trạng sử dụng thuốc trong 4 tuần gần nhất.

**Bảng 3.5b:** Sử dụng thuốc trong 4 tuần gần đây (%)

	Không	1 hoặc 2 lần	Vài lần	Nhiều lần
Thuốc ngủ	93,6	3,2	1,2	1,9
Thuốc giảm đau	69	17,3	7,9	5,8
Thuốc chống buồn bã, trầm cảm	99,1	0,7	0	0,2

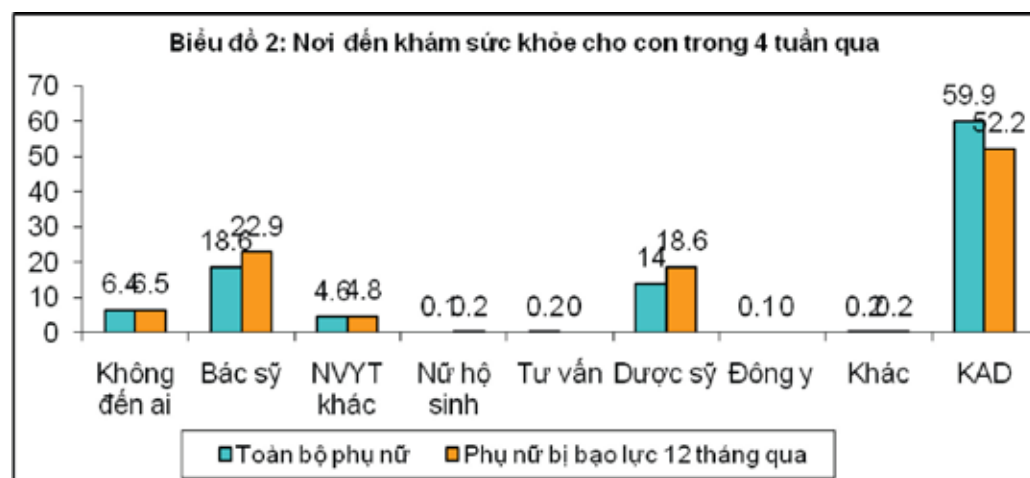
Trong những phụ nữ có uống thuốc, phần lớn là dùng thuốc giảm đau hoặc giảm cảm giác khó chịu. 0,2% số người tham gia khảo sát thường xuyên sử dụng thuốc chống trầm cảm, buồn bã.

Việc phân tích hành vi tìm kiếm sự trợ giúp y tế có vai trò quan trọng trong việc phác họa những tác động có thể có của bạo lực đối với hệ thống y tế. Biểu đồ dưới đây thể hiện thông tin về việc sử dụng dịch vụ y tế của phụ nữ trong thời gian 4 tuần trước khi khảo sát.



Biểu đồ 1 ở trên cho thấy tỷ lệ sử dụng một số dịch vụ y tế là cao hơn trong nhóm phụ nữ phải chịu bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong 12 tháng vừa qua. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ y tế của họ cao hơn trong tất cả các hạng mục. Trong toàn

bộ nhóm mẫu khảo sát, 38,5% phụ nữ không bị đau ốm hoặc cần chăm sóc sức khỏe trong thời gian 4 tuần trước khi khảo sát, trong khi đó, tỷ lệ này giảm xuống 29,7% ở nhóm phụ nữ phải chịu bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng vừa qua. Thông tin tương tự về các trường hợp trẻ em trong gia đình bị ốm cũng được thu thập và tổng hợp tại Biểu đồ 3.5d dưới đây. Khi bị ốm, 28,3% phụ nữ tìm đến nhà thuốc và 21,4% đi gặp bác sĩ.



Tương tự như trong Biểu đồ trước, tỷ lệ sử dụng dịch vụ y tế là cao hơn trong nhóm các gia đình có báo cáo xảy ra tình trạng bạo lực ở chồng/bạn tình trong vòng 12 tháng vừa qua. Trong số các gia đình báo cáo có xảy ra ít nhất 1 vụ bạo lực gia đình, chỉ có 52,2% trẻ em không phải nhờ đến chăm sóc y tế trong 4 tuần vừa qua, trong khi tỷ lệ này ở toàn bộ nhóm mẫu là 60%. Khi cần tìm dịch vụ chăm sóc y tế cho con, 18,6% phụ nữ lựa chọn đi gặp bác sĩ. Thứ hai là tỷ lệ lựa chọn đi tới các hiệu thuốc. Gặp cán bộ y tế khác không phải là lựa chọn phổ biến trong tháng vừa qua khi trẻ em trong gia đình bị ốm.

Những kết quả này có thể cho thấy những vấn đề sức khỏe liên quan đến bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong gia đình có tác động lớn và ảnh hưởng lên cả trẻ em trong các gia đình đó, cũng như có thể gây ra những vấn đề về kinh tế đối với các nguồn lực của cộng đồng. Số liệu thống kê cho thấy có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ sử dụng dịch vụ y tế trung bình giữa nhóm mẫu phải trải qua bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng vừa qua với nhóm mẫu tổng thể. Những người bị bạo lực trong 12 tháng trước cuộc khảo sát có xu hướng tìm kiếm các dịch vụ y tế trong 4 tuần trước cuộc phỏng vấn cao hơn một cách đáng kể so với những người không bị bạo lực. Loại hình dịch vụ y tế mà họ thường sử dụng là thăm khám với bác sĩ/trạm y tế, gặp các nhân viên y tế, hoặc tìm sự trợ giúp từ các dược sĩ.

Con cái của những phụ nữ phải chịu bạo lực gia đình trong vòng 12 tháng trước đó thường phải cần tới các dịch vụ y tế nhiều hơn con cái của những người không phải chịu bạo lực gia đình. Theo số liệu thu thập được, các loại hình dịch vụ mà họ phải sử dụng bao gồm bác sĩ/trạm y tế, cán bộ tư vấn sức khỏe, và dược sĩ.

Khảo sát cũng thu thập thông tin chi tiết về các vấn đề sức khỏe gặp phải của phụ nữ (bao gồm cả những vấn đề tâm lý) trong 4 tuần trước cuộc khảo sát. Kết quả thu thập những thông tin này được tổng hợp trong Bảng 3.5c.

**Bảng 3.5.c:** Những vấn đề sức khỏe xảy ra trong vòng 4 tuần trước khi khảo sát (%)

Mô tả vấn đề	Có gặp phải (nhóm đối chứng)	Có gặp phải (những người bị bạo hành gia đình trong vòng 12 tháng)
Đau đầu	51,4	63,5
Kém ăn	33	46,9
Mất ngủ	37,4	48,3
Hay hoảng sợ	17	27,5
Run tay	16,4	22,7
Cảm thấy hồi hoàng hoặc lo lắng	23,8	36,5
Tiêu hóa kém	21,1	23,4
Suy nghĩ không tập trung	40,5	54,1
Cảm giác không hạnh phúc	26,3	48,3
Khóc nhiều hơn bình thường	15,5	30,4
Không hứng thú với các hoạt động thường ngày	24,1	40,8
Gặp khó khăn trong việc ra quyết định	24,9	38,6
Thấy công việc hằng ngày như một gánh nặng	31,1	47,6
Khả năng thể hiện vai trò của mình trước mọi người giảm đi	17,9	29,5
Không hứng thú với những điều trước kia rất thích	21,4	36,5
Cảm thấy mình vô dụng	12,7	19,3
Có ý nghĩ muốn kết thúc cuộc sống	8,5	15,2
Lúc nào cũng thấy mệt mỏi	39,8	58
Cảm thấy bồn chồn, không yên	20	31,2
Dễ bị mệt mỏi	42,8	58,5

Trong số phụ nữ bị bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong 12 tháng vừa qua, tỷ lệ gặp phải những vấn đề sức khỏe phổ biến liệt kê trong bảng trên đều cao hơn so với nhóm đối chứng. Tỷ lệ này nhiều khi cao gấp đôi ở một số vấn đề, như cảm giác không hạnh phúc, khóc nhiều hơn bình thường, không thể hiện được vai trò của mình trước mọi người trong cuộc sống, nghĩ đến việc chấm dứt cuộc sống, và lúc nào cũng cảm thấy mệt mỏi. Kết quả này cho thấy có thể có sự liên hệ giữa việc phải trải qua bạo lực và các vấn đề về sức khỏe được liệt kê ở trên. Mối liên hệ này lại là một dấu hiệu cho những tác động phụ sâu xa của bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, ngoài những thương tích trực tiếp và các chi phí do phải nghỉ việc, chi phí khám chữa bệnh, vv.

Ảnh hưởng mạnh mẽ của bạo lực đối với sức khỏe tâm thần của phụ nữ cũng được tái khẳng định trong các cuộc phỏng vấn sâu để thu thập thông tin định tính. Ví dụ, một phụ nữ tham gia phỏng vấn cho biết có thời điểm chị không thể ra khỏi giường do bị trầm cảm nặng sau khi bị chồng đánh:

*Đêm đó tôi nằm trên giường và suy nghĩ rất nhiều đến mức không thể nào ngủ được. Và tôi cứ yếu dần đi. Có những ngày tôi không còn sức để giặt quần áo mà phải chờ con về giặt hộ.*

**Hỏi:** Tình trạng đó diễn ra khoảng bao lâu?

**Trả lời:** Khoảng 25 ngày. 10 ngày đầu tôi chỉ dậy được để thay quần áo. Tôi nhờ con chồng giặt giũ hộ. Các con cũng nấu cháo bón cho tôi ăn. Từ ngày thứ 11 trở đi, tôi cố gắng làm việc nhà trở lại dần dần vì tôi sợ rằng nếu cứ tiếp tục nằm trên giường suốt ngày như vậy thì tôi sẽ còn ốm hơn. Thế nên tôi cố dậy nấu nướng và giặt quần áo.

**Hỏi:** Thế chị có bị thương không?

**Trả lời:** Không, tôi không bị thương gì bên trong, chỉ bị một vài vết thương bên ngoài thôi.

(NHH, 34, đã ly hôn).

Trong nhóm mẫu, 20,6% phụ nữ vào một thời điểm nào đó đã từng nghĩ đến chuyện kết liễu cuộc sống của mình, 8,5% trong vòng 4 tuần trước khi phỏng vấn, trong đó 4,2% phụ nữ từng nghĩ đến việc kết thúc cuộc sống của mình đã từng cố gắng làm việc đó. Trong số những người có trải qua bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng, 36,7% ít nhất một lần nghĩ đến tự tử, và 8,2% trong số này từng ít nhất một lần thực hiện ý định đó.

Trong 12 tháng trước khi khảo sát, 5% tổng số mẫu đã trải qua một ca phẫu thuật không phải là mổ đẻ, và 52% có đến bệnh viện hoặc trạm y tế vì những lý do không liên quan đến sinh con. Những số liệu này trong nhóm phụ nữ phải hứng chịu bạo lực gia đình thì cao hơn, với 57,5% phải đến bệnh viện hoặc trạm y tế và 6,5% trải qua một cuộc phẫu thuật không phải là mổ đẻ. Về số đêm lưu viện, 8% phụ nữ trong toàn bộ nhóm mẫu phải ở lại bệnh viện ít nhất 1 đêm trong vòng 12 tháng vì những lý do không liên quan đến sinh con. Trong khi đó trong nhóm phụ nữ chịu bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng, 10,4% phải lưu viện qua đêm ít nhất 1 đêm. Tình hình sử dụng các dịch vụ y tế nói chung cao hơn trong nhóm phụ nữ chịu bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra cũng được thể hiện thông qua tần suất tiếp cận các cơ sở y tế được trình bày trong Bảng dưới đây:

**Bảng 3.5d:** Tần suất tiếp cận các cơ sở y tế (trong 12 tháng trở lại đây) (%)

Tần suất phải đến bệnh viện hoặc trạm y tế	Trong toàn bộ nhóm mẫu	Trong nhóm bị bạo lực do chồng/bạn tình gây ra
0 lần	47,9	42,5
1-3 lần	39,2	41,7
4-7 lần	7,7	9,9
8-12 lần	7,1	13,5
13-20 lần	1,9	1,5
21-50 lần	0,6	0,6
Số lần trung bình (không gia trọng)	2 lần	2,02 lần

Một điểm quan trọng cần lưu ý là những phụ nữ phải trải qua bạo lực do chồng/bạn tình gây ra có tần suất tìm đến các cơ sở y tế cao hơn so với toàn bộ nhóm mẫu. Ví dụ, tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực phải tìm đến cơ sở y tế từ 8 đến 12 lần trong 12 tháng cao gấp đôi tỷ lệ tương ứng trong toàn bộ nhóm mẫu. Kết quả này cho thấy bạo lực thực sự có gây ra những tác động lâu dài đến sức khỏe như đã được ghi nhận rộng rãi trong nhiều nghiên cứu trên thế giới về bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra (Garcia-Moreno, và cộng sự, 2005).

### 3.3 Các vụ bạo lực gia đình

Để thu thập số liệu cần thiết cho việc ước tính thiệt hại gây ra do bạo lực gia đình, nghiên cứu này tập trung thu thập những thông tin chi tiết dựa trên những vụ bạo lực gia đình được phụ nữ báo cáo trong 15 tháng trở lại đây. Mỗi phụ nữ được hỏi

đã trải qua bao nhiêu vụ bạo lực trong 15 tháng. Sau đó, họ được hỏi về các chi tiết liên quan đến sự kiện bạo lực xảy ra gần đây nhất, bao gồm chuyện gì đã xảy ra, họ có bị thương không, họ đã tìm kiếm sự giúp đỡ gì, những chi phí nảy sinh khi họ tìm kiếm sự giúp đỡ, ảnh hưởng của bạo lực đối với công việc được trả lương của họ và của chồng/bạn tình, ảnh hưởng đối với các công việc gia đình, và ảnh hưởng đối với con cái (xem Bảng câu hỏi chi tiết ở phần Phụ lục II). Những câu hỏi tương tự cũng được đặt ra đối với những vụ việc bạo lực khác mà họ nhớ lại được. Mỗi người có thể cung cấp thông tin đến tối đa là 4 vụ. Khi khảo sát tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ, chúng tôi đã xem xét 3 hình thức bạo lực chính, phổ biến trong quan hệ tình cảm, mà phụ nữ phải chịu trong vòng 12 tháng trở lại đây (bạo lực trong hiện tại), và trong cuộc sống của họ từ trước tới nay (viết tắt là “từ trước tới nay”). Ba hình thức bạo lực này bao gồm: bạo hành tâm lý (xâm hại bằng lời nói, hạ nhục, dọa dẫm, hoặc đe dọa sử dụng bạo lực), thể chất (tát, đánh đập, đá, vv.) và tình dục (cuồng bức hoặc các hình thức ép buộc tình dục khác khi người phụ nữ không muốn quan hệ tình dục hoặc không thích hành vi quan hệ được thực hiện)

Trong số 1.053 phụ nữ được khảo sát, 671 người cho biết đã phải hứng chịu ít nhất một hành vi bạo hành tâm lý, thể chất, hoặc tình dục trong cuộc đời mình. Trong số này, 414 người đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 12 tháng trở lại đây.

Bảng 3.6 dưới đây một lần nữa khẳng định tính chất phổ biến của vấn nạn bạo lực gia đình tại Việt Nam. Khoảng 48% số phụ nữ được khảo sát ở nông thôn và 38% ở thành thị cho biết họ đã từng trải qua bạo lực thể chất; hơn 1/5 phụ nữ nông thôn và khoảng 14% ở thành thị cho biết phải chịu đựng hình thức bạo lực này trong vòng 12 tháng trở lại đây. Cũng theo kết quả khảo sát, tát là hành vi phổ biến nhất. Tuy nhiên, xô đẩy và đánh bằng tay cũng là những hành vi diễn ra với tần suất cao ở các khu vực nông thôn.

**Bảng 3.6:** Hình thức bạo lực mà phụ nữ phải chịu: “từ trước tới nay” và trong 12 tháng trở lại đây (%)

Hành vi	Từ trước tới nay		Trong 12 tháng trở lại đây	
	Nông thôn	Đô thị	Nông thôn	Đô thị
Sỉ nhục, lăng mạ hoặc làm cho người phụ nữ cảm thấy rất tồi tệ	46,4	35,9	30,9	20,5
Coi thường hoặc làm người phụ nữ bẽ mặt trước người khác	27,4	22,3	18,7	13,9
Đe dọa hoặc dọa nạt (la hét, ném, đập phá đồ vật)	42,7	29,9	25,5	17,4
Đe dọa đánh đập người phụ nữ hoặc những người mà họ yêu quý	25,7	15,4	16,8	10,4
<b>Bất kỳ hành vi bạo hành tâm lý nào</b>	<b>59,1</b>	<b>47,5</b>	<b>38,1</b>	<b>27,1</b>
Tát	43,4	32,8	17,7	11,1
Ném đồ vật có thể gây thương tích	17,9	13,3	9,8	6,4
Xô hoặc đẩy	20,1	15	10,7	7,4
Đánh bằng tay hoặc vật khác có thể gây thương tích	21,1	13,7	10,7	5,7
Đá, kéo lê, hoặc đánh đập phụ nữ	13,5	7,6	7,9	3,9
Bóp cổ hoặc đốt có chủ ý	6,5	4,1	3,5	2,1
Đe dọa hoặc thực sự sử dụng súng, dao, hoặc vũ khí khác	8,7	4,9	4,6	2,3
<b>Bất kỳ hành vi bạo hành thể chất nào</b>	<b>48,2</b>	<b>37,9</b>	<b>22,2</b>	<b>14,3</b>
Quan hệ tình dục khi phụ nữ không muốn	26,6	27,7	16,8	14,8

Cưỡng ép phụ nữ thực hiện hành vi kích dục mang tính làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm	3,7	3,3	1,7	1,4
Phải quan hệ tình dục mặc dù không muốn vì sợ	6,1	4,5	3,9	2,1
Dùng bạo lực để cưỡng ép quan hệ tình dục	4,3	4,3	3,3	1,8
<b>Bất kỳ hành vi bạo hành tình dục nào</b>	<b>27,7</b>	<b>28,5</b>	<b>17,6</b>	<b>15,2</b>

Tỷ lệ bạo hành tình dục cũng cao tương đương với hơn ¼ số phụ nữ cả ở nông thôn và thành thị từng trải qua bạo hành tình dục trong đời. Tỷ lệ phụ nữ cho biết có bị bạo hành tình dục trong 12 tháng trở lại đây tuy thấp hơn tỷ lệ bạo hành thể chất nhưng vẫn xấp xỉ 1/5 trong toàn bộ nhóm mẫu (17,6% ở nông thôn và 15,2% ở đô thị). Hành vi phổ biến nhất là quan hệ tình dục khi phụ nữ không muốn. Thực tế này phản ánh văn hóa nam trị trong đó nam giới nắm quyền kiểm soát về tình dục trong hôn nhân. Một vấn đề khác không kém phần nghiêm trọng là tình dục cưỡng ép (do sợ hãi mà phải quan hệ, bị ép buộc thực hiện hành vi kích dục mang tính làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm, và dùng bạo lực cưỡng bức quan hệ) với tỷ lệ 8,6% số phụ nữ được hỏi ít nhất một lần trong đời phải chịu và 4,7% phải chịu trong 12 tháng trở lại đây.

Bạo hành tâm lý thường khiến phụ nữ cảm thấy mệt mỏi nhất cũng là loại bạo lực xảy ra phổ biến hơn bạo hành thể chất và tình dục. Gần 60% phụ nữ nông thôn và 48% phụ nữ đô thị cho biết đã phải trải qua ít nhất một hành vi bạo hành tâm lý trong đời. Tỷ lệ bạo hành tâm lý xảy ra trong 12 tháng trước thời điểm khảo sát cũng ở mức cao - 38% ở nông thôn và 27% ở thành thị. Kết quả khảo sát cho thấy xúc phạm và dọa nạt người phụ nữ là những hành vi bạo hành tâm lý phổ biến nhất.

Nghiên cứu này cũng tái khẳng định một phát hiện mang tính phổ quát trong nhiều nghiên cứu trên thế giới là hành vi bạo lực mà người phụ nữ phải chịu thường lặp lại. Như thông tin trình bày tại Bảng 3.7, phần lớn phụ nữ phải chịu bạo lực trong 12 tháng vừa qua cho biết họ đã phải trải qua tình trạng bạo lực như vậy từ một vài lần đến rất nhiều lần. Ví dụ, 86% số phụ nữ được khảo sát bị xúc phạm trong vòng 12 tháng qua cho biết đã bị xúc phạm từ một vài lần đến nhiều lần (45% cho biết họ bị xúc phạm nhiều lần). Một điểm đáng lo ngại khác liên quan tới bạo lực đối với phụ nữ là các hành vi bạo hành nghiêm trọng lại cũng chính là những hành

vi được nhiều người cho biết là xảy ra nhiều lần. Ví dụ, 76% cho biết họ bị đe dọa nhiều lần, 79% cho biết họ bị đá, kéo lê, hoặc đánh đập nhiều lần, và 75% cho biết họ nhiều lần bị chồng dùng bạo lực để ép buộc quan hệ tình dục.

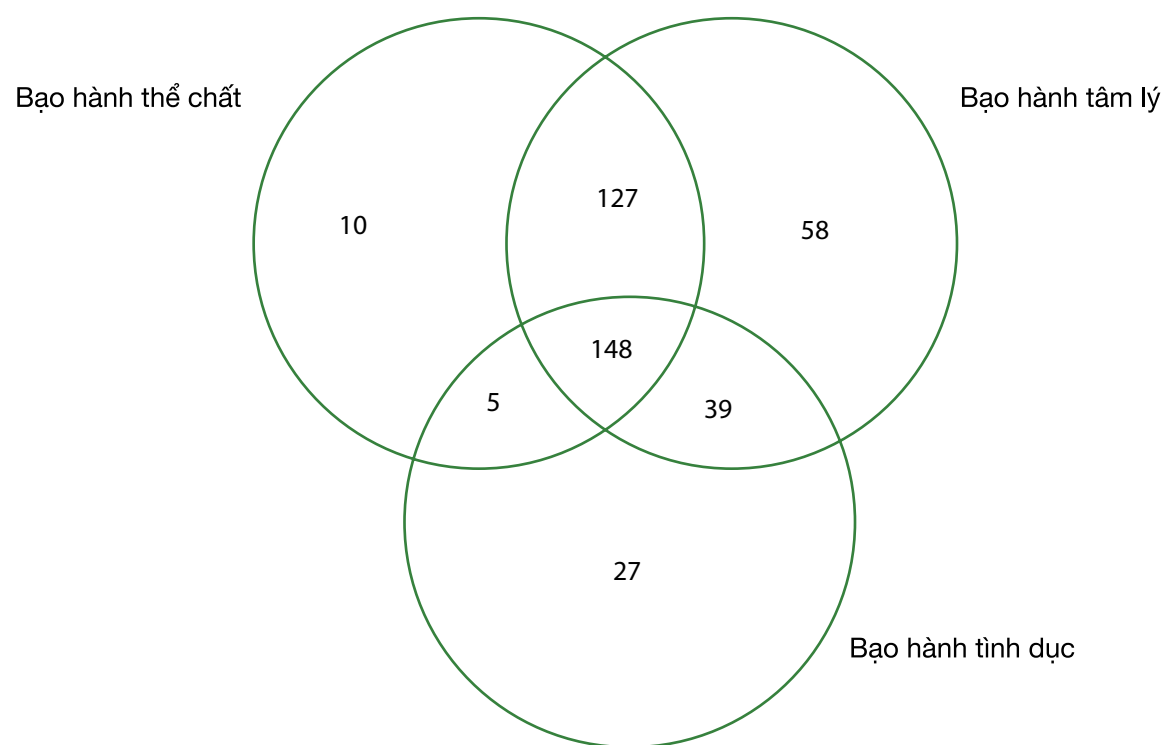
**Bảng 3.7:** Tần suất xảy ra bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong vòng 12 tháng

	Một lần		Vài lần		Nhiều lần		Tổng
	NT	ĐT	NT	ĐT	NT	ĐT	
<b>BẠO HÀNH TÂM LÝ</b>							
Sỉ nhục, lăng mạ hoặc làm cho người phụ nữ cảm thấy rất tồi tệ	24	13	67	45	76	47	272
Coi thường hoặc làm người phụ nữ bẽ mặt trước người khác	12	11	47	27	42	33	172
Đe dọa, dọa nạt (la hét, ném, đập phá đồ vật)	38	17	55	40	45	32	227
Đe dọa đánh đập người phụ nữ hoặc những người mà người phụ nữ yêu quý	27	12	28	17	36	24	144
<b>BẠO HÀNH THỂ CHẤT</b>							
Tát	33	17	37	26	26	14	153
Ném đồ vật có thể gây thương tích	18	4	18	21	17	8	86
Xô hoặc đẩy	14	8	20	21	24	9	96
Đánh bằng tay hoặc vật khác có thể gây thương tích	12	6	22	13	24	10	87
Đá, kéo lê, hoặc đánh đập người phụ nữ	9	1	15	11	19	8	63
Bóp cổ hoặc đốt có chủ ý	8	7	4	2	7	2	30
Đe dọa hoặc thực sự sử dụng súng, dao, hoặc vũ khí khác	7	3	12	6	6	3	37
<b>BẠO HÀNH TÌNH DỤC</b>							
Quan hệ tình dục khi phụ nữ không muốn	19	14	48	39	23	23	166
Cưỡng ép phụ nữ thực hiện hành vi kích dục mang tính làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm	5	4	4	3	9	7	32
Phải quan hệ tình dục mặc dù không muốn vì sợ	3	2	11	5	7	4	32
Dùng bạo lực để cưỡng ép quan hệ tình dục	4	5	6	4	8	9	36

Bản chất của bạo lực là lặp lại, với hầu hết phụ nữ phải chịu nhiều hình thức bạo lực khác nhau và lặp đi lặp lại nhiều lần. Nói cách khác, bạo lực là một khuôn mẫu hành vi chứ không phải là một hành động đơn lẻ. Điều này được chứng minh ngay trong những thông tin về bạo lực từ những phụ nữ trong mẫu nghiên cứu này. Khi phân tích thông tin về các hành vi bạo lực khác nhau theo tiêu chí bao nhiêu người cho biết họ bị bạo hành nhiều lần đã cho thấy phần lớn phụ nữ bị bạo lực thường phải hứng chịu nhiều hình thức bạo lực khác nhau. Những số liệu thể hiện dưới đây cho thấy trong tổng cộng 414 phụ nữ cho biết bị bạo lực trong vòng 12 tháng, có 148 người hay 35,7% báo cáo họ đã phải chịu cả 3 loại bạo hành. Trong khi đó, 171 người khác (chiếm 41,3%) cho biết họ là nạn nhân của 2 loại bạo hành – hoặc là bạo hành thể chất kết hợp với tâm lý (chiếm phần lớn), hoặc là tâm lý và tình dục, hoặc tình dục và thể chất (chiếm tỉ lệ nhỏ).

### HÌNH 1:

Trải nghiệm bạo lực gần đây (trong vòng 12 tháng)



\* Tổng số phụ nữ được khảo sát là 1.053 người, trong đó 414 người cho biết họ phải hứng chịu bạo lực gia đình trong thời gian 12 tháng trước thời điểm khảo sát

Mức độ nghiêm trọng của bạo lực mà phụ nữ phải chịu được thể hiện rõ trong những cuộc phỏng vấn sâu với họ. Trong các cuộc phỏng vấn này, phụ nữ cho biết họ phải chịu nhiều hành vi bạo lực nghiêm trọng diễn ra thường xuyên:

*Lần đầu tiên là vào khoảng cuối năm 2006, vào tháng 11 năm 2006, khi nhà tôi đang xây dở. Hôm đó tôi bị đau bụng và đang nằm ở tầng một. Anh ta bảo tôi “Cô là đồ lừa. Cô giả vờ đau bụng để gửi con sang ông bà rồi cô nằm ườn ra đó chứ gì.” Sau đó anh ta kéo tôi từ tầng một lên tầng ba. Anh ta cầm xẻng xúc cát và vôi của thợ xây để đánh tôi. Anh ta đánh vào mặt tôi làm mặt tôi sưng húp lên. Rồi anh ta nói “Tôi sẽ giết cô để cho bớt gánh nặng” và đẩy tôi qua cửa sổ. May là tôi bị mắc vào bụi tre nên tôi không bị ngã xuống... Không phải ngày nào anh ta cũng đánh hay xúc phạm tôi nhưng cứ hai ba ngày một lần, anh ta đánh tôi giữa bữa ăn mà chẳng có lý do gì cả. Hoặc khi đi ngủ, tôi rất mệt không thể đáp ứng nhu cầu của anh ta thì cũng bị anh ta đánh. (NHH, 34 tuổi, ly thân)*

*Mỗi ngày anh ta đánh tôi hai, ba lần. Anh ta đã đánh tôi gần 100 lần từ khi cưới là 5 năm về trước. Trời ơi, anh ta đấm tôi mạnh đến nỗi tôi suýt nữa đánh rơi con. Anh ta đánh như vậy rất nhiều lần. Anh ta mắng chửi tôi vì cởi quần con ra trong trời lạnh và đấm tôi rất mạnh. Tôi đau quá nên tôi nói “Tôi có làm cái đ\*\* gì sai đâu mà anh đấm tôi như thế.” Anh ta đấm vào đầu tôi rất mạnh, anh ta đánh tôi gần 100 lần rồi mà mỗi lần anh ta đều đấm vào mặt vào đầu tôi, vào bất cứ chỗ nào anh ta có thể với tới. (NTL, 41, đã ly hôn)*

*Lần dã man nhất là khi tôi sinh con gái thứ hai. Anh ta nói rằng tôi chỉ biết đẻ ra toàn vệt trời. Khi tôi vừa đi làm đồng về, anh ta đòi tôi đưa tiền cho anh ta đi uống rượu. Tôi trả lời là tôi không có đủ tiền cho anh ta đi uống rượu. Anh ta bèn túm tóc tôi và dùng cái búa đánh tôi. Xương sống tôi bị rạn và tôi không thể chạy được. Tôi không thở được. Tôi cứ nghĩ mình sẽ chết. Tôi cố ngẩng đầu lên nhưng không được. Tôi gục xuống. Anh ta tiếp tục dùng gậy đánh tôi và ném một viên gạch vào tôi. Máu chảy ra xối xả từ đầu tôi và tôi ngất đi (DTX, 46 tuổi, có gia đình)*

*Khoảng 8 hoặc 9 giờ tối ngày 20 tháng 10, tôi đang ở trong phòng thì anh ta về và lao vào phòng. Anh ta vụt tôi ba gậy. Áo tôi thấm đầy máu. Anh ta nói rằng vì tôi cắt tóc của cô A làm anh ta bẽ mặt. Vì tôi mà A bị trừ lương, cô ta không được vào Đảng, cô ta và chồng cãi nhau, và bị bố mẹ chồng chửi rủa. Anh ta nói nếu 2 ngày mà anh ta không được quan hệ tình dục với A thì anh ta cảm thấy không yên. Anh ta bắt ép tôi phải xem đoạn video anh ta và A quan hệ tình dục trên điện thoại. (LTL, 31 tuổi, đang chờ ly hôn, chồng trong trại giam)*

### Những vụ việc xảy ra trong vòng 15 tháng trở lại đây

Tần suất lặp lại của bạo lực đã được khẳng định trong Nghiên cứu của Tổng cục Thống kê (TCTK) (2010, tr.55), trong đó cho rằng: “Với những hành vi bạo lực hiện tại [trong 12 tháng qua], người trả lời phỏng vấn được hỏi về số lần mà các sự

kiện đó xảy ra: một lần, 2-5 lần hoặc nhiều hơn 5 lần. Hầu hết các hành vi, nếu xảy ra trong phần lớn các trường hợp, xảy ra nhiều hơn một lần (thường là 2-5 lần).” Nghiên cứu này một lần nữa xác thực kết quả đó. Theo Bảng 3.8 dưới đây, 436 phụ nữ đã cho biết họ phải chịu tổng cộng 9.815 vụ bạo lực gia đình trong khoảng thời gian 15 tháng. 20% trong số phụ nữ này cho biết họ chỉ bị bạo lực 1 lần, trong khi 32,8% cho biết họ phải chịu từ 2 đến 3 lần. Ngược lại, 7% phụ nữ phải hứng chịu bạo lực với tần suất 100 lần hoặc hơn trong vòng 15 tháng đã phản ánh thông tin mang tính định tính mà các phụ nữ đã đưa ra trong nghiên cứu này và nghiên cứu của TCTK. Báo cáo nghiên cứu của TCTK trích dẫn lời một phụ nữ: “Nó diễn ra quá nhiều lần đến mức tôi không thể đếm xuể được nữa”. Thông tin thu thập được từ những phụ nữ một lần nữa nhấn mạnh thực tế rằng bạo lực hiện diện thường trực trong cuộc sống của họ - 24% cho biết họ phải chịu bạo lực 15 lần hoặc nhiều hơn, đồng nghĩa với mỗi tháng một lần, trong vòng 15 tháng gần đây nhất.

**Bảng 3.8:** Số lần bạo lực gia đình trong 15 tháng gần đây

Số vụ	Số phụ nữ	Tỷ lệ %	Tổng số vụ
1	90	20,6	90
2-3	143	32,8	330
4-9	70	16,1	357
10 - 15	43	9,9	520
16 - 30	31	7,1	734
31 – 80	28	6,4	1581
100 vụ hoặc hơn	31	7,1	6203
<b>Tổng cộng</b>	<b>436</b>	<b>100,0</b>	<b>9815</b>

Bảng 3.9 thể hiện số người đã cung cấp thông tin về những vụ bạo lực gia đình cụ thể mà họ phải trải qua. 439 phụ nữ này đã cung cấp chi tiết về những thiệt hại kinh tế liên quan đến những vụ bạo lực mà họ phải trải qua trong vòng 15 tháng vừa qua. 344 người cung cấp thông tin về 2 vụ việc, 240 người về vụ thứ 3, và 18 người thông tin chi tiết về vụ thứ 4 trong vòng 15 tháng. Tổng cộng, có 222 người hay 50% số phụ nữ bị bạo lực đã cung cấp thông tin về 3 vụ bạo lực, 104 người (hay 24%) thông tin về 2 vụ, và số ít còn lại (18 người) cung cấp thông tin về 4 vụ việc.

**Bảng 3.9:** Phân bố các vụ bạo lực theo thời gian (số vụ)

	Vụ thứ 1	Vụ thứ 2	Vụ thứ 3	Vụ thứ 4	Tổng số vụ
Trong 3 tháng gần đây	281	116	49	5	451
Trong 6 tháng gần đây	85	122	70	4	281
Trong 12 tháng gần đây	45	74	77	6	202
Trong 15 tháng gần đây	26	29	43	3	101
Không biết	2	3	1	0	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>439</b>	<b>344</b>	<b>240</b>	<b>18</b>	<b>1041</b>

Trong tổng số 1041 vụ bạo lực do 439 phụ nữ báo cáo, gần 80% trong số này đã cung cấp thông tin chi tiết về nhiều hơn một vụ việc. Nhìn chung, việc ước tính thiệt hại kinh tế trong nghiên cứu này được thực hiện trên nền tảng số liệu vững chắc về chi tiết những vụ bạo lực lặp lại nhiều lần do những phụ nữ này cung cấp.

### 3.4 Mô hình bạo lực gia đình – Các yếu tố quyết định bạo lực

Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy logistic để phân tích nguy cơ bị bạo lực gia đình. Trong mô hình này, về bản chất biến phụ thuộc là biến nhị phân. Dựa trên việc những phụ nữ được phỏng vấn cho biết họ đã phải trải qua các vụ bạo lực gia đình (thể chất, tình dục, hoặc tâm lý) và chưa bao giờ phải chịu bạo lực gia đình, nhóm phụ nữ kết hôn được chia thành 2 nhóm nhỏ tách biệt.

Nghiên cứu này giả định bạo lực gia đình bị ảnh hưởng bởi tính cách của người vợ và chồng, đặc điểm của cuộc hôn nhân, tình trạng kinh tế gia đình, và các đặc điểm gia đình khác. Mô hình hồi quy logistic được sử dụng để tính toán khả năng người phụ nữ bị bạo lực gia đình ứng với từng đặc điểm trên. Kết quả của phân tích này được trình bày chi tiết tại Bảng 4 trong phần Phụ lục III. (Lưu ý: kết quả >1 có nghĩa là có nguy cơ bạo lực cao, kết quả <1 biểu hiện nguy cơ giảm đi hoặc thấp hơn so với nhóm đối chứng; các giá trị xấp xỉ =1 nghĩa là không có tác động).

Kết quả quan trọng nhất của phân tích hồi quy logistic trong nghiên cứu này là các biến thường được coi là tiêu chuẩn trong những nghiên cứu tương tự như tài

sản, trình độ giáo dục của phụ nữ, độ tuổi của phụ nữ, khác biệt tuổi kết hôn của phụ nữ và chồng, sự hỗ trợ của gia đình trên phương diện liên lạc thường xuyên với gia đình, và sự tham gia vào các tổ chức xã hội, lại không có vai trò quan trọng trong nhóm mẫu này. Kết quả dựa trên các biến số như tài sản và trình độ giáo dục đặc biệt đáng chú ý ở những nền văn hóa thường coi bạo lực gia đình là vấn đề gắn liền với nghèo đói và thiếu giáo dục.

Người phụ nữ phải chứng kiến hoặc trải qua xâm hại trong thời thơ ấu là một nhân tố đã được các nghiên cứu khẳng định nhiều lần trong những bối cảnh văn hoá khác nhau, cũng có vai trò quan trọng trong nhóm mẫu này. Một phụ nữ bị bạo lực khi còn nhỏ thì có khả năng bị bạo lực cao gấp 3,11 lần trong 12 tháng gần đây, và khả năng bị bạo lực gia đình trong cả cuộc đời cao hơn 2,78 lần. Nếu người phụ nữ chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ, khả năng người đó phải bị bạo lực trong cả cuộc đời cao hơn 1,89 lần. Kết quả đối với nam giới cũng cho thấy nguy cơ sử dụng bạo lực cao nếu người đó từng chứng kiến hoặc trải qua bạo lực gia đình trong thời thơ ấu. Tuy nhiên, sự khác biệt này không lớn. Nhìn chung, những kết quả này đều củng cố thông điệp là bạo lực là hành vi do học theo, và việc lan truyền bạo lực xuyên thế hệ là một thiệt hại lớn cho xã hội và nền kinh tế. Các kết quả phân tích cũng khẳng định một phát hiện phổ biến trước đây về việc người đàn ông uống rượu và đánh bạc là những yếu tố nguy cơ có vai trò quan trọng đối với bạo lực trong hiện tại và trong quá khứ. Nếu một người chồng ngày nào cũng uống rượu thì nguy cơ bị bạo lực trong hiện tại cao hơn gần 3 lần và trong cả cuộc sống vợ chồng cho tới nay cao hơn 2,6 lần.

Các biến quan trọng khác có tác động tới bạo lực là độ tuổi của chồng và tuổi kết hôn của chồng. Khi tuổi của chồng càng lớn thì khả năng bị bạo lực gia đình của phụ nữ càng tăng cao (1,18 lần). Ngược lại, tuổi kết hôn của chồng lại là một yếu tố có tính hạn chế (nghĩa là tuổi kết hôn của chồng càng cao thì khả năng phụ nữ bị bạo lực càng ít đi), mặc dù sự khác biệt này không lớn. Kết quả này cho thấy cần tập trung vào độ tuổi kết hôn của cả nam và nữ và các can thiệp đến nam thanh niên trên thực tế sẽ có tác động về lâu dài khi họ trưởng thành. Các yếu tố khác không kém phần quan trọng bao gồm các quy tắc về giới và số lần cãi vã trong quan hệ vợ chồng, trong đó các vụ cãi vã rất dễ dẫn đến bạo lực trong hiện tại (4,8 lần). Những kết quả này cho thấy cần phải thay đổi quan niệm về giới của chính phụ nữ, nhưng đồng thời cũng cần khuyến khích việc tìm ra những giải pháp thay thế. Một vấn đề khác được xuất hiện trong các cuộc phỏng vấn sâu là bạo lực gia đình là một mô hình của việc xâm hại và cách phản ứng lại của phụ nữ và các thành viên trong gia đình (cả gia đình người phụ nữ và gia đình bên chồng) đối với vụ bạo lực đầu tiên là một yếu tố hết sức quan trọng quyết định liệu hành

vi bạo lực có tiếp diễn. Ví dụ, một phụ nữ thường xuyên bị bạo lực cho biết là lần đầu tiên khi việc đó xảy ra, bản thân cô đã chấp nhận tình huống đó dù gia đình khuyên nên ly dị:

**Hỏi:** *Chị có kể cho gia đình mình về việc bị đánh khi việc đó diễn ra lần đầu tiên không?*

**Trả lời:** *Có, tôi có kể. Khi tôi kể cho gia đình, mọi người khuyên tôi ly dị anh ta đi. Nhưng tôi nghĩ vợ chồng nào đôi khi cũng có vấn đề và tôi nên bỏ qua cho anh ta. Lúc đó tôi còn chưa có con nên nếu ly hôn cũng để, giờ có con rồi rất khó để ly dị. Nhưng lúc đó thì tôi chưa nghĩ được như vậy. (NTL, 41 tuổi, đã ly hôn).*

Một phụ nữ khác giải thích cô đã giữ im lặng vì cảm thấy xấu hổ:

*Nhưng anh ta đánh và xúc phạm tôi. Tôi thật sự bị sốc. Tôi cảm thấy rất nhục nhã. Tôi đã phải chịu đựng. Cả tuần sau khi bị đánh, tôi cảm thấy cứ như là mình đã làm gì đó sai. Tôi tự trách bản thân như vậy và tôi không hiểu tại sao.*

**Hỏi:** *Thế chị có kể cho ai về việc bị đánh không?*

**Trả lời:** *Không, vì lúc đó gia đình tôi đang có chuyện làm ăn. Nhà tôi có cửa hàng và tôi không biết phải chia sẻ với ai, mà người ta có hiểu cho mình không. Xung quanh tôi nhiều phụ nữ cũng phải chịu vấn đề tương tự. Họ thường kể cho mọi người nhưng tôi thấy sau khi họ kể, mọi chuyện chỉ xấu đi thôi. Người ta thường là sẽ có định kiến đối với họ. Bản thân tôi ít khi ra ngoài và nói chuyện với mọi người nên tôi không hiểu tôi có nên kể cho ai hay không vì mọi người trong gia đình vốn cũng đã xung đột với nhau rồi. (NHH, 34 tuổi, đã ly hôn).*

### 3.5 Thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình gây ra: Ở cấp độ gia đình

Thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình gây ra bao gồm hai phần chính. Phần thứ nhất là những chi phí trực tiếp mà phụ nữ phải chi trả để được điều trị y tế, trợ giúp của công an, trợ giúp pháp lý, tư vấn, và hỗ trợ về tư pháp. Một khoản chi phí trực tiếp khác là tiền học bị lãng phí do trẻ em phải nghỉ học vì bạo lực gia đình xảy ra đối với người mẹ. Phần thiệt hại kinh tế chính nữa là thu nhập bị mất đi do phải nghỉ làm, bao gồm cả công việc được trả lương và việc gia đình. Nghiên cứu này đã thu thập những thông tin chi tiết đối với từng vụ bạo lực gia đình diễn ra về những chi phí cụ thể mà phụ nữ phải trả cũng như số ngày làm việc bị bỏ lỡ của họ và chồng họ, số giờ làm việc nhà bị ảnh hưởng vì bạo lực, và số ngày con cái phải nghỉ học.

Trong 15 tháng trước cuộc khảo sát, trung bình mỗi phụ nữ trong toàn bộ nhóm mẫu phải trải qua 9 vụ bạo lực<sup>16</sup>. 58,2% hay 614 phụ nữ cho biết họ không trải qua vụ bạo hành nào trong vòng 15 tháng vừa qua. Còn lại, như trình bày tại Bảng 3.8, tổng số 436 phụ nữ báo cáo tổng cộng 9,815 vụ bạo lực trong vòng 15 tháng. Trong khi 21% trong số này cho biết có một vụ việc, thì gần 49% báo cáo từ 2 đến 9 vụ việc. Tính nghiêm trọng của bạo lực được nhấn mạnh trong các phỏng vấn sâu một lần nữa được minh chứng trong khảo sát với 31 phụ nữ cho biết họ phải đối mặt với bạo lực gia đình thường xuyên mỗi tháng một hoặc hai lần trong 15 tháng vừa qua (khoảng 15 đến 30 vụ việc), trong khi 59 người khác cho biết họ phải hứng chịu bạo lực hằng ngày hoặc vài lần mỗi tuần. Nếu chỉ tính trong nhóm phụ nữ bị bạo lực, thì trung bình là 22 vụ trong 15 tháng, và **18 vụ trong 12 tháng vừa qua**.

Trong tổng số 414 phụ nữ bị bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra trong 12 tháng vừa qua, 411 người đã cung cấp thông tin về 1 vụ việc, 312 người cho biết về 2 vụ, 196 người kể về 3 vụ, và 15 người đã kể về 4 vụ. Các vụ bạo hành được nói đến bao gồm cả bạo hành tâm lý, thể chất, và tình dục. Ví dụ, trong 439 phụ nữ cho biết đã chịu một lần bạo lực gia đình, 37% cho biết bị bạo hành thể chất, 30% bị bạo hành cả thể chất và tâm lý, 2% phải chịu bạo hành tâm lý và tình dục, và 2% khác bị bạo hành cả thể chất và tình dục. Trong những thông tin về 4 lần bị bạo hành, hình thức bạo hành cũng đa dạng phản ánh khuôn mẫu chung về bạo hành như đã trình bày trong Hình 1.

Không chỉ phải gánh chịu nhiều loại hình bạo hành khác nhau, các phụ nữ được khảo sát cũng cho biết họ phải chịu nhiều thương tích khác nhau sau mỗi lần bị bạo hành. Tỷ lệ phụ nữ cho biết họ bị thương tích trong mỗi lần bị bạo hành dao động từ 19% trong lần bạo hành đầu tiên, 23% trong lần thứ hai, 21% trong lần thứ ba, và 61% trong lần thứ tư. Những số liệu này cũng khớp với tỷ lệ được báo cáo trong khuôn khổ nghiên cứu toàn quốc về bạo lực gia đình là 26% (TCTK, 2010).

Phần lớn phụ nữ cho biết họ bị xây sát, trầy da, bầm tím (xem Bảng 3.10 bên dưới). Một bộ phận nhỏ cho biết bị nhiều thương tích trong đó có cả những thương tích nghiêm trọng như thủng màng nhĩ, bị thương ở mắt, và gãy xương.

<sup>16</sup> Khảo sát xem xét khoảng thời gian 15 tháng để đảm bảo việc theo dõi và tính toán thiệt hại trung bình của từng vụ việc. Tỷ lệ vụ việc trung bình sử dụng để khái quát hoá thành ước tính thiệt hại ở cấp vĩ mô được tính toán trên khoảng thời gian 12 tháng bằng cách chia tổng số vụ cho 15 tháng để được mức trung bình hằng tháng rồi nhân với 12.

**Bảng 3.10: Thương tích gây ra trong các vụ bạo lực gia đình (%)**

	Vụ thứ 1 (n= 84)	Vụ thứ 2 (n= 80)	Vụ thứ 3 (n= 50)	Vụ thứ 4 (n= 11)
Vết đứt, rách da, cắn	6	8,8	14	100
Xây sát, trầy da, bầm tím	93	91,3	94	100
Bong gân, trật khớp	7,1	10	2	18,2
Vết thương sâu, vết cắt sâu, vết rạch dài	4,8	5	8	0
Thủng màng nhĩ, bị thương ở mắt	6	8,8	2	9
Rạn xương, gãy xương	0	1,3	2	0
Gãy răng	0	0	4	0
Khác	14,3	11,3	10	0

### Thiệt hại về lao động

Bạo lực gia đình ảnh hưởng đến toàn bộ gia đình, gây ra những xáo trộn trong cuộc sống hằng ngày của phụ nữ, nam giới, và trẻ em. Hầu hết các nghiên cứu ước tính thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra đều chưa xem xét tổng thể các ảnh hưởng lên cả gia đình mà chỉ tập trung vào ảnh hưởng đối với phụ nữ. Nghiên cứu này xem xét ảnh hưởng của bạo lực gia đình lên cả hai vợ chồng. Do đó, nghiên cứu đặt ra những câu hỏi chi tiết về ảnh hưởng của bạo hành đối với việc làm có thu nhập của cả vợ và chồng, cũng như công việc gia đình của người phụ nữ.

#### 3.5.1 Thu nhập bị mất

##### Số ngày phải nghỉ việc

Trong tổng số vụ bạo hành được báo cáo, 14% số vụ (tương đương 148 vụ) khiến người phụ nữ phải nghỉ việc. Trong đó 23 trường hợp phụ nữ phải nghỉ làm 1 ngày. Số ngày nghỉ nhiều nhất sau một vụ bạo hành là 30 ngày xảy ra đối với 4 trường hợp. Tính chung trong tất cả các vụ bạo lực gia đình ghi nhận được, số ngày phải nghỉ việc trung bình đối với mỗi vụ là 5,5 ngày (xem Bảng 3.11). *Thu nhập trung bình theo ngày đối với mỗi phụ nữ phải nghỉ việc do bạo lực gia đình được tính toán trên cơ sở những thông tin về thu nhập thực tế mà họ cung cấp. Mức thu nhập trung bình hằng ngày này được sử dụng để tính toán thiệt hại về thu nhập do phải nghỉ việc vì bạo lực gia đình. Cách này cũng được sử dụng để tính thiệt hại của số giờ làm việc gia đình mất đi do bạo lực gia đình.*

**Bảng 3.11: Thiệt hại về thu nhập trong mỗi vụ bạo lực gia đình xảy ra trong 15 tháng**

	Số ngày trung bình phải nghỉ việc	Thiệt hại về thu nhập (VND)
Vụ thứ 1	8	550.309
Vụ thứ 2	5	427.002
Vụ thứ 3	5	321.667
Vụ thứ 4	4	229.941
<b>Trung bình</b>	<b>5,5</b>	<b>382.234</b>

Tính từ toàn bộ các thiệt hại liên quan đến thu nhập do phụ nữ không đủ sức khỏe để đi làm do bị bạo lực gia đình trong nhóm mẫu này thiệt hại trung bình trên mỗi vụ việc là 382.234 đồng. Tổng thiệt hại đối với phụ nữ trong 148 vụ bạo lực khiến họ phải nghỉ làm là 56.570.632 đồng.

Nếu tính toán theo cách khác – lấy thu nhập trung bình theo ngày của toàn bộ số phụ nữ trong nhóm mẫu là 131.746 đồng nhân với trung bình số ngày không thể làm việc được do bạo lực gia đình gây ra, thì thiệt hại về thu nhập trên từng vụ việc sẽ cao hơn nhiều, trung bình thiệt hại 658.495 đồng một vụ. Như vậy, tổng thiệt hại của 148 vụ sẽ là 97.457.260 đồng. Con số này được tính toán bằng cách lấy thu nhập trung bình theo ngày của toàn bộ phụ nữ trong nhóm mẫu nhân với số ngày trung bình phải nghỉ việc của những phụ nữ cho biết họ từng phải nghỉ việc vì bạo lực gia đình. Con số này cũng tính đến những thiệt hại gián tiếp do bạo lực gia đình gây ra, như là phụ nữ bị bạo lực thường kiếm được ít tiền hơn so với mặt bằng chung do những nguy cơ về trầm cảm và các hệ lụy khác do bạo lực gia đình gây ra như đã trình bày trong Bảng 3.4e. Trên thực tế, giá trị thiệt hại khi tính trên lương của phụ nữ bị bạo lực chỉ bằng 58% giá trị thiệt hại khi tính theo thu nhập trung bình của toàn nhóm mẫu. Kết quả này cho thấy thiệt hại về năng suất lao động (người bị bạo lực có thu nhập trung bình thấp hơn) do bạo lực gia đình gây ra là rất lớn và có khả năng làm suy yếu kinh tế gia đình.

### Số ngày không thể làm việc nhà – Phụ nữ

Trong tổng số các vụ bạo lực, 9% số vụ (94 vụ) dẫn đến tình trạng phụ nữ không thể làm việc nhà. Trung bình, sau lần bị bạo lực đầu tiên, mỗi phụ nữ bị mất 34,5 giờ thời gian làm việc nhà do họ không thể thực hiện được trách nhiệm thông thường của mình trong gia đình. Số người cho biết họ không thể làm việc nhà sau vụ bạo lực lần đầu là 42 người, và số giờ làm việc bị mất dao động từ 22 đến 45 giờ.

Đối với các vụ bạo hành thứ hai, trung bình mỗi vụ làm thiệt hại 33 giờ làm việc nhà do phụ nữ không đủ sức khỏe để thực hiện những công việc gia đình thường ngày sau khi bị bạo hành. Trong tổng số 30 vụ, số giờ làm việc nhà bị thiệt hại trong từng trường hợp cụ thể dao động từ 25 giờ đến 40 giờ mỗi vụ.

Trong các vụ bạo hành thứ ba trong vòng 15 tháng, trong 18 vụ phụ nữ cho biết trung bình họ đã bỏ lỡ 33 giờ làm việc nhà. Số giờ bị bỏ lỡ trong từng vụ việc dao động từ 27 đến 37 giờ.

Đối với các vụ bạo hành thứ tư, 4 trường hợp khiến phụ nữ không thể làm việc nhà trung bình 34,5 giờ sau mỗi lần bị bạo lực. Số giờ làm việc nhà bị bỏ lỡ dao động từ 33 đến 36 giờ cho mỗi vụ việc

Tổng số giờ làm việc nhà bị thiệt hại do hậu quả của bạo lực gia đình đối với tất cả phụ nữ thuộc nhóm này cộng lại là 1.449 giờ đối với các vụ bạo lực đầu tiên, 990 giờ đối với các vụ bạo lực thứ hai, 594 giờ đối với các vụ thứ ba, và 138 giờ đối với các vụ thứ tư xảy ra trong vòng 15 tháng (xem Bảng 3.12). Tổng cộng, 3.173 giờ cho tất cả phụ nữ trong tất cả các vụ bạo lực. Bảng dưới đây thể hiện mức độ thiệt hại trung bình trên mỗi vụ việc và tổng thiệt hại của mỗi vụ bạo lực. Mức độ thiệt hại được tính toán trên cơ sở mức lương theo giờ căn cứ vào thu nhập trung bình hằng ngày của những phụ nữ phải nghỉ việc vì bạo lực. Thiệt hại kinh tế trung bình do thời gian làm việc nhà bị mất tính chung cho tất cả các vụ bạo lực là 501.525 đồng/vụ và tổng thiệt hại là 27.076.480 đồng.

**Bảng 3.12: Thiệt hại do thời gian làm việc gia đình bị mất do bạo lực gia đình**

	Thiệt hại trung bình theo từng vụ	Tổng thiệt hại toàn nhóm theo từng vụ
Vụ thứ 1	(14.860 <sup>a</sup> VND*34,5) 512.670 VND	(14.860*1.446) 1.487.560 VND
Vụ thứ 2	(14.860 VND*33) 490.380 VND	(14.860*990) 14.711.400 VND
Vụ thứ 3	(14.860 VND*33) 490.380 VND	(14.860*594) 8.826.840 VND
Vụ thứ 4	(14.860 VND*34,5) 512.670 VND	(14.860*138) 2.050.680 VND
<b>Trung bình</b>	<b>501.525VND</b>	<b>27.076.480 VND</b>

\* Lưu ý<sup>a</sup>: 14.860 đồng là số thu nhập trung bình tính theo giờ, lấy 131.746 đồng chia cho 9 giờ làm việc mỗi ngày thì ra mức thu nhập theo giờ.

### Số ngày phải nghỉ việc – Chồng/bạn tình

Thời gian nam giới phải nghỉ việc liên quan tới bạo lực gia đình cũng rất lớn. Những phụ nữ cho biết có 74 trường hợp trong đó nam giới phải nghỉ việc sau khi bạo hành xảy ra. Số ngày nam giới phải nghỉ việc trung bình trong các trường hợp này là 6,5 ngày. Thiệt hại trung bình do nam giới phải nghỉ việc sau vụ bạo lực đầu tiên là 780.309 đồng, sau vụ thứ hai là 102.869 đồng, sau vụ thứ ba là 260.763 đồng, và sau vụ thứ tư là 80.000 đồng. Thiệt hại trung bình cho tất cả các lần là 350.985 đồng/vụ. Trong tổng số 74 vụ mà nam giới phải nghỉ làm, tổng thiệt hại là 22.642.908 đồng.

Thu nhập trung bình tính theo ngày của nam giới trong các gia đình thuộc nhóm mẫu là 175.236 đồng. Nếu áp dụng mức thu nhập này, thiệt hại trung bình mỗi vụ sẽ là 856.037 đồng và tổng thiệt hại của tất cả các vụ cộng lại là 63.346.738 đồng.

### Số ngày trẻ em phải nghỉ học do bạo lực giữa bố mẹ

Nhìn chung số phụ nữ cho biết con cái họ phải nghỉ học do bạo lực gia đình tương đối thấp. Trong vụ bạo lực đầu tiên, 7 trường hợp dẫn đến việc trẻ em phải nghỉ học – trong đó 4 người cho biết con mình phải nghỉ học 1 ngày, 1 trường hợp nghỉ 2 ngày, và 1 trường hợp phải nghỉ 8 ngày. Một phụ nữ cho biết con chị phải nghỉ 221 ngày do vụ bạo lực giữa cha mẹ gây ra. Người phụ nữ này cũng cho biết con chị phải nghỉ 221 ngày trong lần thứ hai và lần thứ ba bạo lực gia đình diễn ra. Tuy nhiên, người phụ nữ này không cho biết chị phải đi khỏi nhà lần nào sau các vụ bạo hành.

Trong các vụ bạo lực xảy ra lần thứ hai, 7 trường hợp dẫn đến trẻ em phải nghỉ học – trong đó 2 phụ nữ cho biết con họ phải nghỉ 1 ngày, 1 người cho biết con họ phải nghỉ 2 ngày và 1 phụ nữ cho biết con họ phải nghỉ 3 ngày do ảnh hưởng của vụ bạo hành. Một phụ nữ cho biết con chị phải nghỉ 90 ngày trong vụ bạo lực thứ hai, và một người khác trả lời trong bảng hỏi là con chị phải nghỉ 221 ngày như đã đề cập ở trên.

Đối với các vụ bạo lực lần thứ ba, 1 phụ nữ cho biết con chị phải nghỉ 221 ngày do sự kiện này. 1 phụ nữ khác cho biết con chị phải nghỉ học 1 ngày và 1 người nữa cho biết phải nghỉ 3 ngày. Như vậy tổng cộng là có 3 trường hợp phải nghỉ học đối với các vụ bạo lực diễn ra lần thứ ba.

Trong các vụ bạo lực xảy ra đến lần thứ tư, 1 phụ nữ cho biết con chị phải nghỉ học 1 ngày do ảnh hưởng từ vụ bạo lực gia đình này.

Do số lượng phụ nữ cho biết con cái phải nghỉ học do bị ảnh hưởng từ các vụ bạo lực gia đình xảy ra giữa cha mẹ chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, nên không thể ước tính thiệt hại liên quan đến yếu tố này ở cấp độ vĩ mô.

### 3.5.2 Chi phí trực tiếp

#### Chăm sóc y tế và các chi phí liên quan

Theo Bảng 3.10, phụ nữ bị nhiều loại chấn thương gây ra do các vụ bạo hành mà họ phải chịu. Tuy nhiên, tổng cộng chỉ có 81 trường hợp phụ nữ cho biết chi phí điều trị y tế, bao gồm chi phí cho dịch vụ y tế, chi phí thuốc men, đi lại, và những chi phí khác. Chi phí trung bình cho dịch vụ y tế của một vụ việc là 339 đồng. Chi phí trung bình để mua thuốc men là 301 đồng một vụ. Phụ nữ cũng cần sử dụng dịch vụ vận chuyển để đi đến các cơ sở y tế. Chi phí trung bình cho vận chuyển, đi lại là 164 đồng. Có 2 phụ nữ cho biết họ phải chi trả những chi phí khác tổng cộng là 200 đồng mỗi người. Không kể những chi phí khác, tổng chi phí bình quân phải trả cho việc tiếp cận dịch vụ y tế, bao gồm phí dịch vụ, đi lại, và thuốc men, bình quân theo vụ việc là 804 đồng. Dựa trên các giá trị trung bình và tổng số các vụ bạo hành, tổng chi phí mà phụ nữ trong nhóm mẫu này phải chi trả để được chăm sóc, điều trị y tế sau khi bị bạo hành là 65.124.000 đồng.

#### Chi phí thay thế tài sản bị hư hại

Tổng cộng có 137 trường hợp phải thay mới các vật dụng, tài sản bị hư hại. Chi phí trung bình cho việc thay mới tài sản là 355,5 đồng/vụ. Tổng chi phí tính theo mức trung bình này là 48.703.500VND cho nhóm phụ nữ cho biết phải thay thế tài sản bị hư hại do hậu quả trực tiếp từ các hành vi bạo lực gia đình mà họ phải trải qua trong thời gian 15 tháng trước khi tiến hành phỏng vấn.

#### Chi phí liên quan tới sự can thiệp của Công an

Tổng cộng có 45 trường hợp phải nhờ đến sự can thiệp của công an. Không phụ nữ nào cung cấp thông tin về chi phí đi lại khi đến gặp cảnh sát nhưng có 2 người khẳng định họ đã trả tiền cho cảnh sát. Một phụ nữ nói chị đã trả 500.000 đồng và người còn lại trả 300.000 đồng cho cảnh sát. Do đó tổng chi phí là 800.000 đồng.

### Chi phí liên quan đến việc người chồng bị bắt vì hành vi bạo lực gia đình

Những người được hỏi cho biết có 17 trường hợp người chồng/bạn tình bị bắt do hành vi bạo lực gia đình. 1 phụ nữ cho biết phải nộp phạt và phí hành chính 1.000.000 đồng, 2 phụ nữ khác phải nộp phạt và 1 người phải nộp phí hành chính. Khoản tiền mà những người này phải nộp lần lượt là 50.000, 80.000, và 500.000 đồng. Trong số 4 người phụ nữ này, chi phí trung bình phải nộp phạt và trả chi phí hành chính liên quan đến vụ bắt giữ là 407.500 đồng/vụ. Tổng cộng là 1.630.000 đồng. Việc trả tiền phạt cũng được tái khẳng định trong một cuộc phỏng vấn sâu với một phụ nữ:

Sau đó một người công an gọi tôi đến và bảo “Chúng tôi không có quyền cho anh ta vào tù. Chúng tôi chỉ có thể phạt tiền anh ta.” Rồi người công an đó hỏi tôi “Chị có sống được với anh ta khi anh ta được thả về không?” Tôi phải nộp tiền phạt mất 500.000 đồng. (PTH)

Biện pháp can thiệp này thay vì giúp ích cho phụ nữ lại làm tăng sự bất an và gánh nặng tài chính lên vai họ. Thông tư của Bộ VHTT&DL về xử phạt hành chính trên thực tế lại có thể khuyến khích công an áp dụng cách giải quyết nhanh gọn thông qua xử phạt hành chính. Biện pháp này chỉ càng làm tăng chi phí trực tiếp mà phụ nữ phải trả và có thể còn làm tăng nguy cơ mất an ninh đối với họ.

### Chi phí phát sinh do phải đi khỏi nhà sau khi bạo lực gia đình xảy ra

Có 66 trường hợp phụ nữ phải rời khỏi nhà sau khi bạo lực gia đình xảy ra: 1 phụ nữ phải tìm đến nhà tạm lánh, 45 người đến ở với gia đình mình, 15 người tìm đến bạn bè, 2 người đến các địa chỉ an toàn, 3 người ra khách sạn và 6 người tìm đến những địa điểm khác không đề cập trong bảng câu hỏi. Thời gian trung bình phụ nữ phải lưu trú ở bên ngoài sau mỗi vụ bạo lực là 17 đêm. 27 người cho biết họ chỉ tạm lánh khỏi nhà 1 đêm trong khi những người khác cho biết họ phải ở bên ngoài 90, 150, 155, thậm chí là 210 ngày. 10 phụ nữ đã phải trả chi phí ăn ở khi đi khỏi nhà. Trung bình mỗi người phải trả 2.495.000 cho mỗi lần ở. Tổng chi phí lưu trú khi phải đi khỏi nhà do bạo lực là 24.950.000 đồng.

### Chi phí khiếu nại tố cáo vụ việc bạo lực gia đình

Tổng cộng có 14 trường hợp phụ nữ có tố cáo chính thức. Không có trường hợp nào đề cập đến chi phí lập hồ sơ hoặc chi phí đi lại liên quan đến việc tố cáo. Có 2 vụ việc được đưa ra tòa xét xử và trong mỗi vụ, người phụ nữ phải trả 200.000 đồng. Không có trường hợp nào phản ánh khoản chi trả trực tiếp cho việc đi lại, hay thuê luật sư khi tố cáo vụ việc ra tòa án. Tổng chi phí liên quan là 400.000 đồng.

### Chi phí trình báo vụ việc với cơ quan có thẩm quyền khác

Có 59 trường hợp được trình báo cho cơ quan có thẩm quyền khác trong cộng đồng. Trong đó 36 trường hợp báo cho Hội liên hiệp phụ nữ, 26 trường hợp báo cho Trưởng thôn, 10 trường hợp báo cho cán bộ tư pháp và 12 trường hợp báo Ủy Ban Nhân Dân cấp xã. Hoà giải được thực hiện trong tổng số 35 vụ việc tại cộng đồng. Không có trường hợp nào cho biết về các chi phí trực tiếp cho việc chi phí đi lại, hoặc các khoản phí khác liên quan đến việc trình báo các vụ việc với cơ quan địa phương. Chỉ có một phụ nữ cho biết chị phải trả 100.000 đồng tiền đi lại trong quá trình hòa giải.

### Tổng chi phí trung bình của một vụ việc

Thông tin chi tiết do những người phụ nữ cung cấp về từng hạng mục chi phí cụ thể trong quá trình tìm kiếm những sự trợ giúp khác nhau được sử dụng để tính toán chi phí trung bình của mỗi vụ bạo lực gia đình. Những người phụ nữ đã cung cấp thông tin về chi phí trong 236 vụ việc. Để ước tính chi phí trung bình của việc tiếp cận dịch vụ trong tổng số 1041 vụ bạo lực gia đình được báo cáo, nghiên cứu đã sử dụng tỷ lệ của những vụ việc có báo cáo chi phí cụ thể trong tổng số 236 vụ để tính toán chi phí trung bình gia quyền. Theo đó, chi phí trực tiếp phải trả trung bình trong mỗi vụ việc là 600.000 đồng như được thể hiện trong bảng 3.13 dưới đây.

**Bảng 3.13:** Chi phí trực tiếp tính trung bình gia quyền (nghìn đồng)

Loại chi phí	Số vụ việc	Tỷ trọng	Chi phí trung bình một vụ	Chi phí đã gia quyền
Y tế	81	0,3432	804	275.9328
Thay thế tài sản bị hư hại	137	0,5805	355.5	206.36775
Cảnh sát	2	0,0085	400	3.4
Chống bị bắt	4	0,01695	407.5	6.907125
Rời khỏi gia đình	10	0,04237	2495	105.71315
Khiếu nại lên tòa án	2	0,0085	200	1.7
Tổng	236			600.02

Trong toàn bộ nhóm mẫu, tổng chi phí trực tiếp trong 236 vụ bạo lực gia đình là 141.600.000 đồng.

### 3.5.3 Tổng thiệt hại kinh tế gây ra do bạo lực gia đình đối với phụ nữ

Tổng thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra trong nhóm mẫu là 247.890.020 đồng. Trung bình, mỗi người trong tổng số 439 phụ nữ cho biết họ phải trải qua bạo lực gia đình trong vòng 15 tháng trước thời điểm khảo sát bị thiệt hại 564.669 đồng. Nếu xét về thu nhập trung bình hằng tháng của phụ nữ, chi phí cơ hội do bạo lực gia đình gây ra là 20%. Ở đây phải lưu ý rằng thu nhập của phụ nữ bị bạo hành thấp hơn đáng kể so với thu nhập trung bình của toàn bộ nhóm mẫu, có nghĩa là tác động của bạo lực có thể còn cao hơn nhiều.

**Bảng 3.14** Tổng thiệt hại gây ra do bạo lực gia đình trong toàn bộ nhóm mẫu

Loại chi phí/thiệt hại	Chi phí trung bình một vụ	Tổng thiệt hại/chi phí (đồng)
Chi phí trực tiếp	600.000	141.600.000
Phụ nữ phải nghỉ việc	328.234	56.570.632
Không làm được việc nhà	501.525	27.076.480
Nam giới phải nghỉ việc	305.985	22.642.908
Tổng cộng	564.669	247.890.020

### 3.6 Thiệt hại gây ra do bạo lực gia đình: chi phí cung cấp dịch vụ

Nghiên cứu đã đặt ra những câu hỏi chi tiết cho các cơ quan cung cấp dịch vụ về số vụ bạo lực gia đình đối với phụ nữ họ tiếp nhận mỗi năm, ngân sách hoạt động của họ, chi phí xử lý một vụ bạo lực gia đình phân tích chi tiết theo từng hạng mục bao gồm cả chi phí đào tạo tập huấn, các dịch vụ được cung cấp – từ đường dây nóng tới tư vấn, trợ giúp pháp lý, trợ cấp lương thực, và phí chuyển gửi tới dịch vụ khác. Các cơ quan cung cấp dịch vụ ở cấp xã, huyện, và tỉnh chỉ có thể cung cấp rất ít thông tin cụ thể về các chi phí liên quan tới việc cung cấp dịch vụ cho phụ nữ bị bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra. Hầu hết các cơ quan cung cấp dịch vụ cho biết họ giải quyết rất ít trường hợp bạo lực gia đình do người chồng/bạn tình gây ra (phần lớn trong số các cơ quan cung cấp dịch vụ ở cấp xã, huyện, và tỉnh cho biết họ chỉ giải quyết dưới 10 vụ một năm). Thực tế này phần nào phản ánh một quan điểm phổ biến là chỉ những vụ bạo hành thể chất nghiêm trọng mới được coi là “bạo lực”. Thêm vào đó, cả cơ quan công an và Hội Liên Hiệp Phụ Nữ đều chỉ coi là bạo lực gia đình đối với những trường hợp rất nghiêm trọng và khi người phụ nữ phải đối mặt với nguy hiểm trực tiếp. Với

hệ thống ghi chép thông tin hạn chế mà hầu hết các cơ quan cung cấp dịch vụ đang sử dụng, ngay cả phương pháp ước tính dựa trên tỷ lệ cũng rất khó áp dụng được. Rất hiếm cơ quan cung cấp dịch vụ có khả năng cung cấp thông tin chi tiết giúp ước tính đơn giá dịch vụ. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là trên thực tế, không có hệ thống lưu trữ để lưu giữ hồ sơ về các trường hợp bạo lực gia đình được báo cáo, đặc biệt trong ngành công an và y tế. Trong bối cảnh ở Việt Nam, chính quyền cung cấp rất nhiều dịch vụ miễn phí, việc thiếu ghi chép hồ sơ gây ra nhiều vấn đề, không có cách nào khác để ước tính chính xác các chi phí mà chính quyền phải chi trả để giải quyết bạo lực gia đình. Chi phí cung cấp dịch vụ có thể được tính từ việc phân tích ngân sách phân bổ của Chính phủ cho các ngành liên quan. Việc phân tích như vậy là một hoạt động nằm ngoài phạm vi của nghiên cứu này. Trong tổng số 79 cơ quan cung cấp dịch vụ được phỏng vấn, chỉ có khoảng 9 cơ quan cung cấp được thông tin chi tiết về chi phí trung bình và các con số ước tính này đã được báo cáo.<sup>17</sup>

Trong ngành y tế, Bệnh viện tỉnh Đak Lak cho biết chi phí trung bình đối với mỗi ca bạo lực gia đình là 2.150.000 đồng được phân tích chi tiết như sau:

- Chi phí thuốc men, khám, điều trị = 2.000.000 đồng
- Trả lương nhân viên y tế: 6 giờ x 25.000 đồng = 150.000 đồng

\* Tổng cộng: 1 ca = 2.150.000 đồng

Ngược lại, một trạm y tế cấp xã – Trạm Y tế phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, lại cho biết chi phí trung bình mỗi ca bạo lực gia đình là 114.000 đồng:

- 1 ca bạo hành thể chất tại phường Thành Nhất
- Thời gian khám và điều trị 1 giờ. Lương trung bình cho 1 giờ điều trị: 9000 đồng
- Chi phí khác: 105.000 đồng

<sup>17</sup> Ngôi Nhà Bình Yên và CSAGA dù có thông tin về tổng quan các loại dịch vụ họ cung cấp cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực chồng/bạn tình nhưng không cho biết thông tin chi tiết từng khoản chi phí liên quan đến cung cấp dịch vụ.

**Bảng 3.15: Chi phí cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực y tế**

Bệnh viện	Thời gian nhân viên y tế làm việc	Chi phí bổ sung (thuốc men, điều trị...)	Tổng chi phí (đồng)
Trạm Y Tế Phường Thành Nhất (TP Buôn Ma Thuột)	1 giờ giá 9000 đồng	105.000	114.000
Trạm Y Tế Huyện Giồng Trôm (Bến Tre)	Lần khám đầu 90.000,		390.000
	Lần khám bổ sung (hai lần)		150.000
Bệnh Viện Tỉnh Đak Lak	6 giờ giá 25.000= 150.000	2.000.000	2.150.000
CHI PHÍ y tế trung bình			252.000

Số liệu cho thấy chi phí bình quân để cung cấp dịch vụ y tế cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình ở các cơ sở y tế tại xã phường là 252.000 đồng. Ước tính này không phải là không hợp lý vì những trường hợp nghiêm trọng thường được chuyển lên bệnh viện tuyến huyện và tỉnh. Trong các cuộc phỏng vấn, Giám đốc Trung tâm tư vấn chăm sóc sức khỏe phụ nữ, Bệnh viện Đức Giang tại Hà Nội cho biết họ ghi nhận được 2.360 trường hợp trong năm 2011. Nếu áp dụng mức chi phí bình quân tính được từ các trạm xã/phường – mà mức này thực ra là thấp hơn chi phí thực tế ở một bệnh viện tuyến huyện tại Hà Nội – thì chi phí y tế hằng năm lên tới 594.724.000 đồng hay hơn nửa tỷ đồng.

Đối với cơ quan Công an, Công an thành phố Buôn Ma Thuột cho biết trung bình mỗi vụ bạo lực gia đình đòi hỏi thời gian giải quyết 45 giờ, tương đương 1.800.000 đồng. Trong khi đó, Công an phường Thành Nhất lại cho biết chi phí trung bình mỗi vụ là 2.400.000 đồng. Ở xã Văn An, Công an xã cho biết việc hòa giải tiêu tốn 150.000 mỗi vụ và khoảng 400.000 đồng để điều tra hoàn tất vụ việc. Tổng số vụ năm 2001 được trình báo với các cơ quan Công an trong nghiên cứu này là 8 trường hợp, với chi phí tổng cộng là 12.664.000 đồng.

**Bảng 3.16: Chi phí hoạt động của Công An**

	Thời gian làm việc của cán bộ nhân viên	Tổng chi phí trung bình một vụ (đồng)
Công An xã Văn An (Văn Quan, Lạng Sơn)	Chi phí trung bình để hoàn tất vụ việc – 400.000 Hòa giải – 150.000	550.000
Công an TP Buôn Ma Thuột	45 giờ, 40.000/giờ	1.800.000
Công an phường Thành Nhất (TP Buôn Ma Thuột)	60 giờ, 40.000/giờ	2.400.000
CHI PHÍ TRUNG BÌNH		1.583.000

Đối với Tòa án, các chi phí dao động từ 550.000 đến 1.275.000 tùy theo đó là tòa án cấp huyện hay cấp tỉnh. Phó Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh Đak Lak cho biết thông tin cụ thể được tổng hợp trong Khung 2 dưới đây.

## KHUNG 2: PHÂN TÍCH CHI PHÍ TÒA ÁN ĐỐI VỚI MỘT VỤ XỬ LÝ HÔN

Chi phí xử một vụ ly hôn:

Lưu ý: Mức lương trung bình của mỗi cán bộ trong mỗi vụ (mức lương trung bình của một cán bộ cấp trung là khoảng 5 triệu/tháng, tương đương 30.000/giờ).

Thời gian làm việc trong 1 vụ = 45giờ x 30.000 đồng = 1.125.000 đồng

Các khoản bổ sung chi trả theo từng vụ: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa được trả 50.000 đồng, hội thẩm: 70.000 đồng, thẩm phán tham gia tố tụng: 30.000 đồng = 150.000 đồng

Chi phí tiến hành phiên tòa: 150.000 đồng/vụ (tiền bồi dưỡng bổ sung theo từng vụ xử ly hôn, có thể do lý do liên quan đến vấn đề gia đình)

Tổng chi phí xử vụ ly hôn 1.425.000 đồng

Tổng hợp thông tin từ Tòa án cấp huyện và tỉnh khảo sát trong nghiên cứu này cho thấy có tổng cộng 572 vụ bạo lực gia đình trong năm 2011 chiếm 5,6% tổng số vụ ly hôn được đưa ra xét xử tại tòa. Nếu sử dụng mức chi phí như Tòa án nhân dân tỉnh Đak Lak làm như là chi phí trung bình cho một vụ việc, thì tổng chi phí năm 2011 là 815.100.000 VND.

*Tôi đưa cho thư ký tòa 1 triệu và luật sư 6 triệu. Tôi phải đến gặp Ông XX và luật sư khoảng 10 lần bằng xe ôm, mỗi lần mất 60.000. Tôi cũng mất mấy trăm nghìn tiền điện thoại gọi cho luật sư.*

*Một lần tôi tìm đến một công ty luật. Lúc đó tôi chưa biết về trung tâm tham vấn ở bệnh viện đa khoa. Tôi đến đó 3 lần mỗi lần mất 200.000. Lúc đầu, mấy người luật sư ở đó làm cho tôi hai, ba cái đơn từ gửi cho Tòa và lấy tôi 2.000.000 đồng. Rồi họ yêu cầu tôi ký một hợp đồng với họ có giá trị 20.000.000đ. Tôi không mang tiền theo mình nên hôm đó tôi đưa cho họ 3.000.000 đồng. Sau này tôi đến đòi họ trả lại số tiền đó nhưng họ từ chối không trả.*

*Khi còn sống, mẹ chồng tôi cho tôi 40.000.000 đồng. Tôi đã dùng hết số tiền đó và cả tiền tiết kiệm của tôi để chi trả những khoản trên.*

(ATL, 38 tuổi, ly hôn năm 2011).

Chi phí do Tòa án cung cấp không thể hiện đầy đủ toàn bộ chi phí thực tế mà phụ nữ phải chi trả vì họ thường phải nhờ sự giúp đỡ của luật sư tư nhân, chi phí đi lại tới hàng loạt các cuộc gặp gỡ và phiên xử, chi phí gọi điện thoại và thời gian phải nghỉ việc để tham gia quá trình tố tụng (xem Khung 3 để biết thông tin về các chi phí do phụ nữ cung cấp). Chi phí thực tế phụ nữ phải trả cao hơn nhiều so với chi phí của hệ thống Tòa án khi giải quyết một vụ ly hôn. Tổng cộng, phụ nữ phải tiêu tốn ít nhất cao hơn 40 lần chi phí trung bình các cán bộ tòa án cho biết.

Liên quan tới Hội Liên hiệp Phụ nữ, nơi hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực gia đình bao gồm tư vấn, hòa giải, và chuyển gửi, thông tin về chi phí thực tế rất khó tiếp cận. Trong các địa bàn đã khảo sát, đại diện Hội Phụ nữ cung cấp được một số thông tin chi tiết về chi phí trình bày trong Bảng 3.17 sau.

**Bảng 3.17: Chi phí nhân sự của Hội Phụ nữ**

Quận huyện/ Phường xã	Dịch vụ	Số giờ làm việc	Mức lương /giờ (vnd)	Chi phí trung bình	Số vụ	Tổng cộng
<b>Phường Thành Nhất, Buôn Ma Thuột</b>	Vụ sai phạm nhẹ Điều tra Hòa giải Vụ ly hôn Điều tra Hòa giải	1,5	5000	75000 70000 (các chi phí khác) 1500	1	145000
		0,3	5000	70000	1	71500
<b>Xã Tân Lợi Thanh (Giồng Trôm)</b>	Vụ sai phạm nhẹ Điều tra Hòa giải	1giờ +100.000 2giờ + 2.000.000	5000	5000 10.000		105.000 2.010.000
<b>Quận Đống Đa</b>	Vụ bạo hành thể chất	3,5 (1 lần thăm)	22.940	80.290	1	80.290
	Vụ bạo hành tâm lý	1,5 (1.5 lần)	22.940	80.290	1	80.290
	Hòa giải		22.940	34.140	2	68.820
	Can thiệp khủng hoảng	3,5	22.940	22.940	6	137.640
	Đường dây điện thoại nóng	1,5 (1.5 lần thăm)	22.940	34.140	2	68.820
	Tham vấn	1	22.940	34.140	8	273.170
	Trợ giúp pháp lý	1,5 (1,5 lần thăm)				
<b>Tổng cộng</b>						
<b>Thành phố Đà Nẵng</b>	Vụ bạo hành thể chất	3,75 (2 lần)	7400	27750	62	1.720.500
	Vụ bạo hành tâm lý	3,75 (2 lần)	7400	27750	62	355.200
	Bạo hành tâm lý	1,6 (1,6 lần/1h)	7400	11840	30	248.860
	Hòa giải	4,2	7400	31080	8	66.600
	Can thiệp khủng hoảng	1,5	7400	11100	6	40.700
	Đường dây điện thoại nóng	0,5	7400	3700	11	55.500
	Tham vấn	6	7400	44400	32	74.00
	Trợ giúp pháp lý	1,5	7400	11100	5	
	Nhóm hỗ trợ	2,5	7400	18500	4	
	<b>Tổng cộng</b>					

Tại 2 điểm (Đà Nẵng và Đồng Đa), nhóm nghiên cứu có thông tin rõ ràng về chi phí nhân sự trung bình hằng năm của Hội Phụ nữ ở mức 3.713.165 đồng/người. Số liệu này không bao gồm các chi phí khác như chi phí đi lại cũng như hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ khác. Hội Phụ nữ Bến Tre cho biết trung bình, chi phí cung cấp dịch vụ (không tính chi phí nhân sự) là 150.000 đồng/lần thăm. Nếu áp dụng chi phí này với những số liệu thu thập được tại hai điểm kia,<sup>18</sup> tổng chi phí khách hàng năm sẽ là 47.777.686 đồng hay 54.204.013 đồng nếu tính cả chi phí nhân sự.

### 3.7 Ước tính chi phí ở cấp vĩ mô

Để minh họa thiệt hại mà bạo lực gia đình có thể gây ra đối với nền kinh tế, ước tính vĩ mô đã được thực hiện dựa trên tỉ lệ vụ việc theo nghiên cứu này, và số liệu về tính phổ biến của bạo lực gia đình do TCTK công bố. TCTK không đưa ra số liệu về bạo lực hiện nay, cả bạo hành tâm lý, đối với phụ nữ trong lứa tuổi từ 18 đến 49. Tuy nhiên, cơ quan này chỉ đưa ra số liệu về tỷ lệ phổ biến của bạo lực thể chất và/hoặc tình dục trong 12 tháng vừa qua ở mức 10,9% trong nhóm phụ nữ từ 18 đến 49 tuổi. Tỷ lệ này được sử dụng để tính toán thiệt hại ở cấp độ vĩ mô như trình bày trong Bảng dưới đây.

Về các vụ bạo hành, số vụ do phụ nữ tham gia nghiên cứu này báo cáo tổng cộng là 9816 vụ. Trong số này bao gồm khoảng 31 phụ nữ cho biết họ phải trải qua hơn 100 vụ bạo lực gia đình trong vòng 15 tháng qua. Để đảm bảo tính chính xác, những phụ nữ này bị loại ra ngoài phạm vi tính toán, và tổng số vụ việc trong 15 tháng vừa qua còn 4612 vụ, hoặc 3690 vụ nếu tính trong khoảng thời gian 12 tháng. Số liệu này tương đương với 8,89 vụ/một phụ nữ, hay 889 vụ đối với mỗi 100 phụ nữ trải qua bạo lực trong vòng 12 tháng.<sup>19</sup> Cùng với tỷ lệ phổ biến do TCTK công bố có thể áp dụng trên tổng dân số cả nước là phụ nữ tuổi từ 20-49 để xác định tổng số vụ bạo lực gia đình có thể xảy ra hằng năm.

**Bảng 3.18:** Tính toán tổng số vụ bạo lực gia đình

Tổng số phụ nữ từ 20-49 <sup>a</sup> tuổi trên cả nước	20.445.8836
Tỷ lệ phổ biến của các loại bạo hành gia đình bất kỳ trong vòng 12 tháng	10,9%
Tổng số phụ nữ phải chịu bạo lực gia đình	2.228.602
Tỷ suất vụ/100 phụ nữ	889
Tổng số vụ bạo lực gia đình	19.812.268

<sup>a</sup> Trích từ TCTK 2011

<sup>18</sup> Chi phí mỗi lần thăm nhân với tổng số lần thăm 1 phụ nữ để tính ra số phụ nữ được cung cấp dịch vụ.

<sup>19</sup> Cơ quan CDC của Hoa Kỳ tính toán tỷ suất bạo lực là 3,4 vụ/phụ nữ trải qua bạo lực thể chất trong 12 tháng (CDC, 2003). Cho dù con số này thoạt nhìn có vẻ là thấp so với tỷ suất tính được trong khảo sát này, cần chú ý rằng các vụ bạo lực tình dục, thể chất và tinh thần đã được tính chung vào tỷ suất bạo lực ở Việt Nam.

**Bảng 3.19:** Ước tính vĩ mô về thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra

	Thiệt hại trung bình (đồng)	Tổng số vụ	Tổng thiệt hại (tỷ đồng)	% GDP (2010) <sup>a</sup>
Chi phí trực tiếp	600.000	19812268	11.887,3608	0,47
Thu nhập bị mất do phải nghỉ việc (tổng)	888.219	19812268	13.651,1793	0,54
Phụ nữ	382.234	19812268	7.572,9224	0,30
Nam giới	305.985	19812268	6.062,25688	0,24
Thiệt hại kinh tế do không làm được công việc nhà	501.525	19812268	10.051,59	0,40

<sup>a</sup> TCTK (2012) Thống kê quốc gia, Các đặc điểm chính

Tổng chi phí trực tiếp phải trả là 11.887,4 tỷ đồng, thu nhập bị mất do nghỉ việc là 13.651,2 tỷ đồng, và giá trị thiệt hại do không thực hiện được công việc nhà là 10.051,6 tỷ đồng. Những chi phí này cộng lại thể hiện mức chi phí cơ hội có thể bị thiệt hại do bạo lực gia đình là 1,41% GDP của Việt Nam trong năm 2010 với giá trị 2.536.000 tỷ đồng. Mức tổng chi phí này phụ thuộc vào tính chính xác của số liệu về tỷ lệ phổ biến bạo lực gia đình và số vụ bạo hành trung bình xảy ra với 1 phụ nữ. Ví dụ, nếu áp dụng tỷ lệ phổ biến bạo lực gia đình của TCTK là 27% cho mọi hình thức, bao gồm cả bạo hành tâm lý, thì tổng thiệt hại có thể tăng gần gấp đôi so với mức ước tính có phần thận trọng trên đây. Nghiên cứu này là nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam đưa ra tỷ lệ số vụ bạo lực trung bình xảy ra với mỗi phụ nữ. Do đó, số liệu này cần được kiểm chứng với những thông tin bổ sung từ các hệ thống thống kê chính thức. Tuy nhiên, tỷ lệ số vụ này là tương đối cao và cần được đưa vào khi tính toán nguồn lực phân bổ cho việc giải quyết bạo lực gia đình. Ước tính trong nghiên cứu này là ước tính sơ bộ đầu tiên những thiệt hại có thể gây ra. Việc tính toán chính xác những thiệt hại thực tế hằng năm đòi hỏi phải có thêm số liệu quốc gia về tỷ lệ các vụ bạo hành dẫn đến các chi phí trực tiếp, thiệt hại do phải nghỉ việc và không thể làm việc nhà đối với cả nam và nữ.

Một khía cạnh quan trọng của ước tính chi phí vĩ mô là thiệt hại về năng suất lao động do bạo lực gia đình của chồng/bạn tình gây ra. Như đã nêu ở phần trước, phụ nữ bị bạo lực gia đình cho biết tình trạng sức khỏe của họ kém hơn và gặp nhiều vấn đề về khả năng tập trung v.v. Nghiên cứu quốc gia của TCTK cũng cho thấy một phần ba số phụ nữ cho biết bạo hành gia đình làm gián đoạn công việc của họ, 16% cho biết họ không thể tập trung vào công việc, 6,6% cho biết họ

không thể làm việc được do ốm yếu, và 7% cho biết họ bị mất tự tin. Những số liệu này chứng minh một thực tế là thiệt hại về năng suất lao động do bạo lực gia đình gây ra là khá lớn. Để ước tính thiệt hại về năng suất lao động, nghiên cứu đã thực hiện hồi quy biến công cụ bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn đối với thu nhập của phụ nữ. Về cơ bản, mô hình hồi quy được xác định bao gồm mọi hành vi bạo hành đã trải qua trong suốt cuộc đời (các biến công cụ được sử dụng bao gồm số lần xảy ra cãi vã trong 12 tháng trước khảo sát và liệu người chồng có bao giờ chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ không). Các biến số trải nghiệm bạo lực của phụ nữ khi còn nhỏ, và các tập tục về giới được đưa vào phân tích hồi quy để tính thu nhập), địa bàn sinh sống ở thành thị/nông thôn, tình trạng sức khỏe bản thân, độ tuổi, trình độ giáo dục, và tài sản. Kết quả mô hình hồi quy được tính toán cho toàn bộ số phụ nữ trong nhóm mẫu cho biết họ có làm một loại công việc gì đó, trừ 65 người cho biết không làm việc gì cả.

**Bảng 3.20:** Ước tính thiệt hại năng suất lao động: Hồi quy biến công cụ bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn.

N=988	Hệ số	Trị số P
<b>Tất cả các vụ bạo lực đã trải qua trong đời</b>	-0.3459**	p=0.021
<b>Thành thị/nông thôn</b>	-0.0272	p=0.644
<b>Tình trạng sức khỏe bản thân</b>		
<b>Mức chuẩn: Rất tốt</b>		
Tốt	-0.12144	p=0.427
Trung bình	-0.01065	p=0.943
Kém	-0.16468	p=0.34
Rất kém	0.315348	p=0.507
<b>Độ tuổi</b>		
<b>Mức chuẩn: từ 15-19</b>		
Từ 20-24	0.0476	p=0.771
Từ 25-29	-0.10363	p=0.307
Từ 30-34	-0.0093	p=0.915
Từ 35-39	-0.03858	p=0.619
Từ 40-44	0.085802	p=0.267
<b>Thang bậc tài sản 5 cấp độ</b>		
<b>Mức chuẩn: Nghèo nhất</b>		
2	0.053813	p=0.521

3	0.148748*	p=0.086
4	0.359412***	p=.000
Giàu nhất	0.49815***	p=.000
<b>Trình độ giáo dục của phụ nữ</b>		
Mức chuẩn: Chưa hoàn thành tiểu học		
Hoàn thành tiểu học	0.281189**	p=0.002
Trung học cơ sở	0.319138***	p=0.007
Trung học phổ thông	0.289652**	p=0.022
Đại học	0.44295***	p=0.001
<b>Tập quán giới</b>	0.021786	p=0.402
<b>Phụ nữ phải chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ</b>	0.055457	p=0.537
<b>Phụ nữ phải trải qua bạo lực khi còn nhỏ</b>	0.071883	p=0.611
<b>Phụ nữ vừa phải chứng kiến vừa phải trải qua bạo lực khi còn nhỏ</b>	0.000775	p=0.992
<b>Hằng số</b>	9.921287***	p=0

\* = mức ý nghĩa 90%, \*\* = mức ý nghĩa 95%, \*\*\* = mức ý nghĩa 99%

Thu nhập tăng cùng với trình độ học vấn và tài sản theo đúng như dự đoán (cả hai đều đáng kể về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 99%). Đáng ngạc nhiên là không có mối liên hệ nào giữa độ tuổi và thu nhập. Điều này cho thấy phụ nữ lớn tuổi hơn có xu hướng không kiếm được nhiều tiền hơn dù có nhiều kinh nghiệm hơn. Đồng thời điều này cũng cho thấy thông thường những phụ nữ lớn tuổi thường làm việc trong những khu vực kinh tế không chính thức (lao động tự do phi nông nghiệp tại các khu vực nông thôn và làm nghề tự do dựa vào nông nghiệp ở các địa điểm nông thôn). Tình trạng sức khỏe rõ ràng không có tác động đến thu nhập; có lẽ là do một thực tế là trải nghiệm bạo lực và tình trạng sức khỏe có mối tương quan chặt chẽ với nhau và như vậy, biến số trải nghiệm bất kỳ bạo lực nào trong cuộc đời đều đã bao chứa tác động của tình trạng sức khỏe đến thu nhập.

Kết quả quan trọng nhất phát hiện được sau khi áp dụng mô hình hồi quy là thu nhập giảm 35% khi người phụ nữ phải trải qua một loại bạo lực bất kỳ trong đời, với mức ý nghĩa là 95%. Kết quả này thống nhất với kết quả nghiên cứu của Morrison và Orlando tại Chile và Nicaragua trong đó ước tính thiệt hại về thu nhập lần lượt là 34% và 46%. Họ cũng phát hiện ra rằng mức thiệt hại đó tương đương với 2% và 1,6% GDP của hai quốc gia vừa nêu. Trong nghiên cứu này, mức thiệt hại thu nhập cũng tương đối lớn. Theo phương pháp ngoại suy của Morrison và

Orlando, số phụ nữ trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) trong năm 2010 là 33.838.000 người, trong đó 73% có tham gia tích cực vào hoạt động kinh tế, tương đương với 24.701.740 phụ nữ (TCTK 2012). Nếu chúng ta giả thiết rằng 58,3% phụ nữ phải chịu bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra như số liệu do TCTK đưa ra về mức độ phổ biến của bạo lực, thì tổng cộng 14.401.114 phụ nữ đang làm việc phải chịu bạo lực gia đình. Mức chênh lệch về thu nhập hằng tháng giữa những người phải chịu bạo lực gia đình và những người không phải chịu bạo lực là 261.721 đồng mỗi tháng, hoặc 3.140.652 đồng mỗi năm.<sup>20</sup> Như vậy, tổng thu nhập của phụ nữ bị thiệt hại do bạo lực gia đình sẽ là 45.228,89 tỷ đồng, tương đương 1,78% GDP cả nước năm 2010. Tóm lại, tổng chi phí cơ hội và thiệt hại về năng suất lao động do bạo lực gia đình gây ra lên tới 3,19% GDP năm 2010.

Những ước tính sơ bộ về thiệt hại trên đây khẳng định nhu cầu cần phải giải quyết triệt để và khẩn trương nạn bạo lực gia đình. Đối với từng hộ gia đình đơn lẻ, thiệt hại do bạo lực gây ra cũng rất lớn với cả chi phí trực tiếp cũng như mức suy giảm thu nhập hộ gia đình do gián đoạn công việc. Đối với toàn bộ nền kinh tế, bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ cho thấy những thiệt hại rất lớn. Những tác động đối với tăng trưởng kinh tế cần phải lập mô hình tính toán cụ thể mới thấy hết được, nhưng tổng chi phí cơ hội tiềm năng và thiệt hại về năng suất lao động đã đủ để cho thấy việc giải quyết và phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ là vấn đề hết sức cấp bách.

<sup>20</sup> Phân bố thu nhập của phụ nữ đã từng trải qua bạo lực gia đình trong cuộc đời thể hiện sự khác biệt có hệ thống giữa các mức thu nhập so với phụ nữ chưa từng trải qua bạo lực gia đình. Xem Bảng 5 ở Phụ lục III.

## CHƯƠNG 4

### TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ KHUYẾN NGHỊ

Nghiên cứu này đã góp phần bổ sung kiến thức về phạm vi, những biến động, và hậu quả của bạo lực gia đình ở Việt Nam. Do một số hạn chế đã được đề cập ở phần mô tả phương pháp, nghiên cứu này nên được coi là khám phá ban đầu trong việc xác định mức độ thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình gây ra. Do thiếu số liệu có tính hệ thống từ các cơ quan cung cấp dịch vụ nên nghiên cứu không thể đưa ra một ước tính xác thực về chi phí cung cấp dịch vụ, mặc dù đây chính là một căn cứ hết sức quan trọng để đánh giá việc phân bổ nguồn lực ứng phó với bạo lực gia đình như hiện nay liệu đã phù hợp với quy mô vấn đề như được xác định trong nghiên cứu này.

### CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

#### Mức độ phổ biến và các yếu tố liên quan đến bạo lực gia đình

Nhìn chung nghiên cứu này một lần nữa khẳng định kết quả của các công trình trước đó về bạo lực gia đình đã thực hiện ở Việt Nam – rằng mức độ bạo lực mà phụ nữ phải chịu là cao và phổ biến, hiện diện trong tất cả các nhóm đối tượng với đặc điểm kinh tế xã hội, trình độ giáo dục, và vùng địa lý khác nhau.

Nghiên cứu tái khẳng định mô hình bạo lực ở nông thôn phổ biến hơn ở thành thị như đã được xác định trong nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình. Khoảng 48% phụ nữ nông thôn và 38% phụ nữ sống tại các đô thị cho biết từng phải trải qua bạo hành thể chất trong đời; hơn 20% ở nông thôn và 14% ở thành thị phải hứng chịu loại bạo hành này trong vòng 12 tháng vừa qua. Tất cả là hành vi bạo hành thể chất phổ biến nhất, ngoài ra còn có xô đẩy, đánh bằng tay, và một số hành vi bạo lực nghiêm trọng khác cũng có tần suất xảy ra rất cao đặc biệt ở nông thôn.

Bạo lực tình dục cũng rất phổ biến. Ở cả nông thôn và thành thị, cứ 4 phụ nữ thì có 1 người từng phải trải qua bạo lực tình dục trong đời. Tỷ lệ phổ biến của loại

bạo lực này trong vòng 12 tháng trở lại đây tuy có thấp hơn nhưng vẫn chiếm gần 1/5 trên tổng số mẫu (17,6% ở nông thôn và 15,2% ở thành thị). Hành vi phổ biến nhất là quan hệ tình dục khi người phụ nữ không muốn, thể hiện văn hóa gia trưởng và quyền kiểm soát thuộc về nam giới đối với tình dục trong hôn nhân. Một vấn đề khác không kém phần nghiêm trọng là tình dục cưỡng ép (do sợ hãi mà phải quan hệ, bị ép thực hiện hành vi kích dục khiến người phụ nữ thấy bị làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm, hoặc dùng bạo lực cưỡng bức quan hệ) với tỷ lệ 8,6% số phụ nữ được hỏi ít nhất một lần trong đời phải chịu và 4,7% phải chịu trong 12 tháng trở lại đây

Bạo hành tâm lý thường khiến phụ nữ cảm thấy mệt mỏi nhất lại là loại bạo lực xảy ra phổ biến hơn bạo hành thể chất và tình dục. Tỷ lệ bạo hành tâm lý xảy ra trong 12 tháng trước thời điểm khảo sát cũng ở mức cao - 38% ở địa bàn nông thôn và 27% ở thành thị. Kết quả khảo sát cho thấy xúc phạm và có những hành động gây sợ hãi là những hành vi bạo hành tâm lý phổ biến nhất.

Mức độ phổ biến của bạo lực gia đình không thay đổi nhiều giữa các nhóm có tài sản và trình độ học vấn khác nhau (của cả vợ và chồng/bạn tình). Trong nghiên cứu này, học vấn không phải là một nhân tố hạn chế bạo lực và tài sản chỉ có tác dụng hạn chế rất thấp. Thực tế này cho thấy ở Việt Nam, bạo lực gia đình mang tính đặc hữu. Đây là hành vi học được vì nguy cơ bạo lực gia đình xảy ra cao hơn trong nhóm những người phải trải qua hoặc chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ.

Vai trò của các tập quán mang tính gia trưởng trong việc làm trầm trọng thêm tình trạng bạo lực gia đình được thể hiện qua thực tế là việc chấp nhận các định kiến giới là một yếu tố nguy cơ dẫn đến bạo lực.

### Tác động của bạo lực gia đình

Một phát hiện chắc chắn trong nghiên cứu này phù hợp với các kết quả nghiên cứu trên toàn thế giới, là bạo lực gia đình gây ra tác động hết sức nghiêm trọng tới sức khỏe và sự thoải mái về tinh thần của phụ nữ. Trong thời gian 4 tuần trước cuộc khảo sát, những phụ nữ bị bạo hành gặp phải nhiều vấn đề hơn xét trên tất cả các thước đo tiêu chuẩn sử dụng của sức khỏe tinh thần. Chẳng hạn, phụ nữ bị bạo lực gia đình có tỷ lệ khóc lóc, cảm thấy bất hạnh, và nghĩ đến việc tự tử nhiều gấp đôi so với toàn bộ nhóm mẫu. Tương tự, họ cũng có nguy cơ không thực hiện được công việc hằng ngày của mình hoặc mất đi hứng thú với những hoạt động hằng ngày cao gấp 1,5 lần. Phụ nữ bị bạo hành có xu hướng tìm kiếm các hỗ trợ y tế cho bản thân và cho con cái mình cao hơn những người khác, thể hiện tình trạng sức khỏe kém hơn. Không chỉ là tỷ lệ tìm kiếm hỗ trợ y tế, mà những người

bị bạo hành cũng có xu hướng phải sử dụng các dịch vụ y tế nhiều lần hơn. 13,8% trong số họ phải đến bác sỹ từ 8-10 lần trong 12 tháng gần nhất trong khi tỷ lệ này của toàn bộ nhóm mẫu chỉ là 7,7%. Thực tế này cho thấy khả năng tiếp cận y tế có tầm quan trọng như thế nào, và cần phải tăng cường hệ thống thông tin, số liệu y tế để có thể tính toán chính xác hơn các chi phí, thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra.

### Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra

Nghiên cứu này khẳng định mức thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra đối với phụ nữ ở Việt Nam là rất lớn, bao gồm cả những chi phí họ phải trả trực tiếp và những khoản thu bị mất do gián đoạn công việc. Chỉ tính riêng chi phí y tế bao gồm việc tiếp cận y tế, chi phí đi lại, thuốc men trung bình đã lên đến 804.000 đồng một vụ, tương đương khoảng 28,2% thu nhập trung bình hàng tháng của phụ nữ. Kết quả này không đáng ngạc nhiên xét trên tần suất phải thăm khám và điều trị của những người bị bạo lực gia đình. Các chi phí khác tính toán được bao gồm phí thay mới đồ đạc và tài sản bị hư hại, chi phí chỗ ở, và chi phí khi nhờ sự giúp đỡ của cảnh sát, tòa án, hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác. Tổng cộng thiệt hại trung bình gia quyền một vụ của tất cả các khoản chi là 600.000 đồng, tương đương 21,0% thu nhập trung bình hàng tháng của phụ nữ. Đây là mức chi phí tương đối cao nếu xét trong bối cảnh rất nhiều phụ nữ bị bạo lực gia đình kiếm được ít hơn mức thu nhập trung bình hàng tháng.

Một thiệt hại không kém phần nghiêm trọng là thu nhập bị mất do phải nghỉ việc. Mức giảm sút thu nhập trung bình tương ứng với mỗi vụ bạo lực gia đình là 382.234 đồng, tương đương 13,4% thu nhập hằng tháng của phụ nữ. Mức thiệt hại về thu nhập của nam giới là 305.984 đồng, bằng 8,31% thu nhập trung bình hằng tháng của nam giới. Nếu cộng hai mức thiệt hại về thu nhập này với nhau, thì tổng thiệt hại về thu nhập hộ gia đình trong mỗi vụ bạo lực là tương đương với 10,5% thu nhập trung bình hằng tháng của hộ. Mức thù lao sử dụng để ước tính những chi phí này được lựa chọn thấp hơn mức lương trung bình vì phụ nữ phải chịu bạo lực và chồng/bạn tình của họ đều có thu nhập thấp hơn so với mức trung bình của toàn bộ nhóm mẫu. Điều này phản ánh tác động của bạo hành đối với năng suất lao động do nhiều phụ nữ bị bạo lực cho biết họ bị trầm cảm, ốm yếu, không có khả năng thực hiện những công việc hằng ngày của mình. Phụ nữ cũng cho biết trung bình sau mỗi vụ bạo hành, họ bị mất 33 giờ làm việc nhà, với giá trị kinh tế là 502.525 đồng, tương đương 17,8% thu nhập hằng tháng của họ.

Quan trọng hơn, chi phí cơ hội do bạo lực gia đình gây ra đối với phụ nữ, bao gồm chi phí trung bình gia quyền của các loại chi phí trực tiếp và thiệt hại về thu nhập, chiếm đến 34% thu nhập trung bình hàng tháng của các phụ nữ trong nhóm mẫu. Phát hiện này cho thấy phụ nữ bị bạo hành phải đối mặt với tình trạng thất thoát nghiêm trọng về tiền bạc. Tình trạng này cũng có tác động lan tỏa đến cả những người khác xung quanh người phụ nữ - những người thường phải hỗ trợ về tài chính cho họ để bù đắp những chi phí, thiệt hại này.

Một mục tiêu quan trọng của nghiên cứu này là ước tính thiệt hại ở mức vĩ mô do bạo lực gia đình đối với phụ nữ gây ra. Đối với toàn bộ nền kinh tế, ước tính chi phí cơ hội bao gồm cả chi phí trực tiếp lẫn thiệt hại về thu nhập và giá trị kinh tế của các công việc gia đình bị mất tương đương 1,41% GDP. Mặc dù không tương đồng về phương pháp hoặc các loại chi phí đưa vào tính toán, nhưng kết quả này lại phù hợp với kết quả của các nghiên cứu ước tính thiệt hại khác như Walby, trong đó chi phí dịch vụ, thiệt hại về sản lượng kinh tế, và chi phí con người và tinh thần được ước tính tương đương 1,91% GDP của Vương quốc Anh năm 2004. Một phát hiện quan trọng của nghiên cứu này là bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ có ảnh hưởng lớn đến thu nhập thể hiện qua tác động của nó lên năng suất lao động. Dựa trên số liệu khảo sát, phân tích hồi quy cho thấy khi các yếu tố giáo dục, tài sản, và độ tuổi là như nhau, thì bạo lực làm giảm sút tới 35% thu nhập. Khả năng thiệt hại về năng suất lao động được ước tính ở mức 1,78% GDP. Ước tính này phù hợp với các nghiên cứu cùng loại trên thế giới về thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra cũng như ước tính của Morrison và Orlando thực hiện tại Chile (2% GDP) và Nicaragua (1,6% GDP).

### Một số phát hiện khác

Tác động đối với trẻ em phải nghỉ học do bạo lực gia đình gây ra đối với phụ nữ trong gia đình không thể xác định được vì số lượng phụ nữ cho biết về tác động này chỉ chiếm phần rất nhỏ. Cần có một nghiên cứu riêng và chi tiết về vấn đề này để xác định ảnh hưởng đa thế hệ của bạo lực vì đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với vấn đề tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

Nghiên cứu này không đưa ra ước tính chi phí cung cấp dịch vụ hằng năm để giải quyết và phòng ngừa tình trạng bạo lực gia đình. Chi phí mà Chính phủ phải trả để cung cấp dịch vụ là một bộ phận quan trọng trong tổng thiệt hại đối với nền kinh tế do bạo lực gia đình với phụ nữ gây ra.

Có ba thách thức lớn nổi lên trong quá trình khảo sát các cơ quan cung cấp dịch

vụ. Thứ nhất là số liệu về các cơ quan cung cấp dịch vụ hết sức manh mún, khiến cho việc tính toán chính xác chi phí hằng năm là không khả thi. Các số liệu được cung cấp từ mỗi ngành có xu hướng cho thấy chi phí cung cấp các dịch vụ này là tương đối cao. Một vấn đề lớn khác nổi lên từ cuộc khảo sát là nhiều cơ quan cung cấp dịch vụ chưa ghi nhận, lưu giữ số liệu một cách có hệ thống. Thách thức nghiêm trọng nhất là cả hai cơ quan Công an và Y tế đều không ghi chép thông tin về các trường hợp bạo lực gia đình và không cung cấp được thông tin có hệ thống về các chi phí nảy sinh trong việc giải quyết mỗi trường hợp bạo lực gia đình. Thách thức cuối cùng là tình trạng gần như thiếu vắng toàn bộ thông tin về chuyển gửi giữa các cơ quan cung cấp dịch vụ (như giữa cơ quan Y tế và Công an), hoặc chuyển gửi tới các chương trình hỗ trợ tài chính, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, hoặc tư vấn. Những bất cập này được nhấn mạnh trong kết quả khảo sát các cơ quan cung cấp dịch vụ cho thấy việc phối hợp hành động của các cơ quan cung cấp dịch vụ để đáp ứng toàn diện các nhu cầu đa dạng của nạn nhân bạo lực gia đình vẫn là một ưu tiên cấp thiết cần được quan tâm thực hiện.

### KHUYẾN NGHỊ

Các khuyến nghị của nghiên cứu này tương đồng với những khuyến nghị do TCTK trong Nghiên cứu cấp quốc gia về bạo lực gia đình. Các khuyến nghị quan trọng của nghiên cứu này được trình bày dưới đây:

**Tăng cường cam kết nguồn lực cho một chiến lược ứng phó liên ngành thống nhất ở cấp quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ** - Nghiên cứu đã tiếp tục chỉ ra mức độ phổ biến của bạo lực do chồng/bạn tình và nguy cơ thiệt hại rất lớn mà vấn đề này có thể gây ra cho nền kinh tế. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã đẩy nhanh cam kết thực hiện chiến lược ứng phó cấp quốc gia thông qua chính sách và luật pháp, nhưng sự ứng phó này mới đang ở trong giai đoạn thử nghiệm. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tính cấp bách của việc mở rộng và nhân rộng những biện pháp ứng phó hiệu quả để xử lý và phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ.

**Các cơ quan cung cấp dịch vụ tăng cường ghi chép thông tin tại tất cả các cấp** - Một phát hiện quan trọng của nghiên cứu này là các cơ quan cung cấp dịch vụ trong các ngành, các cấp quản lý thiếu ghi nhận thông tin một cách có hệ thống và phù hợp. Mặc dù Bộ Y tế đã ban hành Thông tư 16 hướng dẫn việc ghi

chép và theo dõi các chi phí liên quan trong quá trình điều trị cho phụ nữ bị bạo lực gia đình, nhưng các cơ sở y tế phỏng vấn trong khuôn khổ nghiên cứu này chỉ có rất ít thông tin và không có dấu hiệu nào cho thấy việc ghi chép theo dõi chi phí được thực hiện. Chỉ có Tòa án các cấp là có một số thông tin chi tiết, ít nhất là hồ sơ các vụ xử lý hôn do bạo lực gia đình mà Tòa thụ lý trong vòng 1 năm trước thời điểm khảo sát. Tuy nhiên ngay trong hệ thống Tòa án thì thông tin về các vụ án hình sự có liên quan đến bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra cũng vẫn còn khá manh mún.

**Thực hiện nghiên cứu ước tính thiệt hại định kỳ xác lập các mốc thông tin nhằm đánh giá nguồn lực cần thiết để ứng phó toàn diện với bạo lực gia đình** – Do thiếu thông tin liên quan đến chi phí cung cấp dịch vụ, nên có rất ít căn cứ để đánh giá liệu ngân sách hiện tại được phân bổ cho công tác phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ có đủ để thực hiện một chiến lược ứng phó toàn diện hay chưa. Cần có một khảo sát cơ sở đối với các số liệu về chi phí của các cơ quan cung cấp dịch vụ nhằm đánh giá liệu ngân sách được phân bổ hiện nay đã đủ chưa, đồng thời dự báo các nguồn lực cần có trong tương lai khi mở rộng các dịch vụ này thông qua các chiến lược truyền thông hiệu quả.

**Xác định gói can thiệp tối thiểu có hiệu quả kinh tế để nhân rộng ra toàn quốc** – Do các nguồn lực khan hiếm, điều hết sức quan trọng là cần tính toán chi phí của các phương án chính sách đề xuất. Cần tiến hành nghiên cứu hiệu quả chi phí của gói dịch vụ tối thiểu nhằm xác định những cấu phần chính trong gói can thiệp đó để có thể nhân rộng ra phạm vi toàn quốc.

**Xây dựng và triển khai các biện pháp thông tin, truyền thông đại chúng để phòng ngừa sớm, thay đổi văn hóa chấp nhận bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ** - Một phát hiện quan trọng của nghiên cứu này là vẫn tồn tại phổ biến tình trạng phụ nữ mặc nhiên chấp nhận các định kiến giới mang tính gia trưởng làm tăng nguy cơ bạo lực gia đình. Mặc dù tăng cường nhận thức về Luật phòng chống bạo lực gia đình là bước đi ban đầu quan trọng, nhưng Việt Nam cũng cần gấp rút thực hiện những biện pháp can thiệp hiệu quả để thay đổi định kiến giới truyền thống nhằm phòng ngừa bạo lực gia đình, thay vì chỉ tập trung giảm thiểu tác động của bạo lực sau khi đã xảy ra. Một chiến dịch truyền thông quốc gia có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên những chuyển biến về định kiến giới.

**Tăng cường năng lực của các cơ quan cung cấp dịch vụ, trong đó có cán bộ chiến sỹ cảnh sát và nhân viên y tế cũng như các cơ quan quản lý hành chính khác như Ủy Ban Nhân Dân cấp xã trong việc ứng phó với bạo lực gia đình đối với phụ nữ** - Việc coi bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư cá nhân và chỉ biến thành vấn đề cộng đồng khi có những trường hợp bạo hành thể chất cực kỳ nghiêm trọng vẫn là một thực tế ở cơ sở. Trong các cuộc phỏng vấn sâu với những phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra, họ đều đề cập đến việc cơ quan cung cấp dịch vụ cấp cơ sở không có phản ứng gì, hoặc nhiều nhất cũng chỉ là khuyên giải nên tiếp tục chịu đựng hay nên ly thân. Các cấp chính quyền thường dựa vào việc hòa giải và coi đó là biện pháp ứng phó chính. Tuy nhiên, biện pháp này chỉ hiệu quả nếu thành viên trong các tổ hòa giải có đủ năng lực đánh giá các mối quan hệ quyền lực bên trong và nhu cầu buộc người gây bạo lực chịu trách nhiệm thích đáng với hành động của mình.

**Xây dựng văn hóa tham vấn/chuyển gửi và duy trì một hệ thống ghi chép theo dõi phù hợp** – Trừ một số trung tâm tham vấn cụ thể trong hệ thống y tế như tại Bệnh Viện Đức Giang, các cơ quan cung cấp dịch vụ không có thông tin gì về số ca chuyển gửi sang các cơ quan cung cấp dịch vụ khác. Chiến lược ứng phó thống nhất đòi hỏi phải có văn hóa tham vấn/chuyển gửi mạnh mẽ và ghi chép, theo dõi quá trình chuyển gửi phụ nữ tới những dịch vụ hỗ trợ mà họ cần, đảm bảo họ nhận được tất cả những hỗ trợ cần thiết nhằm giảm thiểu tác động của trải nghiệm bạo lực mà họ gặp phải. Việc ghi chép tài liệu đầy đủ về quá trình chuyển gửi và chi phí phát sinh trong quá trình đó cũng sẽ giúp cung cấp những thông tin cần thiết cho việc ước tính đầy đủ chi phí cung cấp dịch vụ, xác định tính hiệu quả của chiến lược ứng phó, và đánh giá hiệu quả kinh tế của từng biện pháp can thiệp cụ thể.

**Thực hiện đánh giá các biện pháp can thiệp hiện có nhằm xác định biện pháp nào là hiệu quả để nhân rộng** – Đánh giá các biện pháp can thiệp phòng chống bạo lực gia đình vẫn còn là một khoảng trống về thông tin cần lấp đầy tại Việt Nam. Theo nghiên cứu của TCTK trên toàn quốc, cần nhanh chóng xây dựng một khuôn khổ giám sát đánh giá nhằm tạo ra căn cứ thực tế cho việc ra quyết định biện pháp nào là hiệu quả để nhân rộng.

## Nghiên cứu tiếp theo

**Lập mô hình kinh tế phân tích các tác động của bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với tăng trưởng kinh tế** - Nghiên cứu này đã đưa ra ước tính chi phí cơ hội tiềm năng và thiệt hại về năng suất lao động đối với nền kinh tế quốc dân. Để đánh giá toàn diện tác động kinh tế của bạo lực gia đình, cần xây dựng những mô hình chặt chẽ hơn nhằm xác định tác động của bạo lực lên tăng trưởng kinh tế. Tỷ lệ số vụ bạo lực trung bình cũng cần được xác thực lại thông qua các thông tin bổ sung từ kết quả Nghiên cứu cấp quốc gia về bạo lực gia đình do TCTK thực hiện. Nghiên cứu này nên được giao cho một nhóm các nhà khoa học và nhà phân tích chính sách phối hợp thực hiện nhằm tạo ra nền móng vững chắc về tri thức để tác động tới các quyết định phân bổ ngân sách của Bộ Tài Chính.

**Tiến hành một nghiên cứu cấp quốc gia về tác động lan truyền giữa các thế hệ của bạo lực gia đình do chồng/bạn tình thực hiện đối với phụ nữ** - Nghiên cứu này khẳng định bạo lực gia đình là hành vi do học được mà có dựa trên những trải nghiệm của phụ nữ và chồng/bạn tình khi còn nhỏ. Kết luận này tương đồng với kết quả của nhiều công trình khác trên thế giới nghiên cứu về bạo lực do chồng/bạn tình gây ra. Tuy nhiên, do những hạn chế về số liệu nên nghiên cứu này chưa đủ cơ sở xác định cụ thể các tác động đối với những trẻ em đang phải chứng kiến hoặc/và trải qua bạo lực trong gia đình. Do đó cần có một nghiên cứu cụ thể về vấn đề này để bổ sung một cơ sở quan trọng nhằm xác định tổng thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế trong tương lai.

**Đánh giá tác động của khủng hoảng kinh tế đối với bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ** - Nghiên cứu này khẳng định thiệt hại tiềm năng về năng suất lao động do bạo lực gia đình gây ra là rất lớn. Việc tiến hành một nghiên cứu kỹ lưỡng về tác động của khủng hoảng kinh tế đối với bạo lực gia đình có ý nghĩa hết sức quan trọng để hiểu mối quan hệ tương hỗ giữa bạo lực gia đình và các biến động của nền kinh tế. Có cơ sở để dự đoán rằng trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, càng cần phải đảm bảo ngân sách phù hợp cho các dịch vụ để ứng phó và ngăn ngừa bạo lực gia đình do chồng/bạn tình gây ra nhằm tránh tình trạng trong tương lai, bạo lực gia đình sẽ kéo chậm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Đây là một vấn đề quan trọng trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay và xu thế cắt giảm ngân sách các dịch vụ ứng phó bạo lực gia đình ở nhiều quốc gia trên thế giới theo chính sách thắt lưng buộc bụng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abramsky, T., Watts, C., Garica-Moreno, C., Devries, K., Kiss, L., Ellesberg, M., Jansen, H. và Heise, L. 2011. Những nhân tố nào liên quan tới tình trạng bạo lực do chồng/bạn tình gây ra? Những phát hiện từ nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình. *BMC Public Health*, 11, 109.

Access Economics. 2004. *Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra với nền kinh tế Australia*. Quyển I. Australia: Tiếp cận kinh tế và hợp tác phòng chống bạo lực gia đình

Ackerson LV và Subramanian SV. 2008. “Bạo lực gia đình và suy dinh dưỡng mãn tính ở Ấn Độ”, *Tạp chí dịch tễ học Hoa Kỳ*, Đăng tải trực tuyến tại tài khoản truy cập cao cấp ngày 26/3/2008. *Tạp chí dịch tễ học Hoa Kỳ*, doi:10.1093/aje/kwn049.

Anda, R., Felitti, V., Bremner, J., Walker, J., Whitfield, C., Perry, B., Dube, S., và Giles, W. 2006. “Tác động lâu dài của xâm hại và các trải nghiệm tiêu cực khác khi còn nhỏ”, *Kho lưu trữ tài liệu tâm thần học và khoa học thần kinh lâm sàng Châu Âu*, 256, 174-186.

Bachman, R., Saltzman, L., Thompson, M. và Carmody, D. 2002. *Gỡ rối các ảnh hưởng của hành vi tự vệ đối với nguy cơ thương tích và tấn công đối với phụ nữ*, *Tạp chí tội phạm học định lượng*, 18, 135-157.

Bélanger, D., Tran Gian, L., *Tác động của di cư xuyên quốc gia đối với giới và hôn nhân tại các cộng đồng nguồn ở Việt Nam*, 2011.

Borgstrom, J. 2010. *Giới và tham nhũng: Tác động đối với ngành y tế ở Việt Nam*, Hà Nội: Đại sứ quán Thụy Điển.

Bourke-Martignoni J. 2001. *Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam: Báo cáo cho Ủy Ban về Xóa Bỏ Mọi Hình Thức Phân Biệt Đối Xử Đối Với Phụ Nữ*, Tổ chức chống tra tấn quốc tế (OMCT).

Burton, B., Duvvury, N. và Varia, N. 2000. *Tư pháp, thay đổi, và quyền con người: Nghiên cứu quốc tế và các biện pháp ứng phó với bạo lực gia đình*, Washington, DC: Trung tâm nghiên cứu phụ nữ quốc tế.

Buvinic M, Morrison AR, và cộng sự 1999. *Bạo lực ở Châu Mỹ: Khuôn khổ hành động đối với bạo lực gia đình ở Châu Mỹ*, Washington DC: Ngân hàng phát triển liên Mỹ, Morrison A.R. Biehl M. L. (eds.)

Caesar, P.L. 1988. “Tình trạng tiếp xúc với bạo lực trong gia đình ấu thơ của những người chồng có hành vi xâm hại và những người không có hành vi xâm hại trong hôn nhân”, *Bạo lực và nạn nhân* 3:49–63

Trung tâm kiểm soát dịch bệnh (CDC). 2003. *Thiệt hại do bạo lực gia đình đối với phụ nữ gây ra tại Hòa Kỳ*, Atlanta: CDC, Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh quốc gia [www.cdc.gov/ncipc/pub-res/ipv\\_cost/ipv.htm](http://www.cdc.gov/ncipc/pub-res/ipv_cost/ipv.htm).

Cling, J.P., Razafindrakoto, M. và Roubaud, F. 2010. Khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam: *Nghiên cứu cho ILO, Không xuất bản. Đăng tải tại <http://www.tamdaoconf.com/tamdao/wp-content/uploads/downloads/2010/08/DIAL-ILO-Study-Informal-Vietnam-20101.pdf>*

Coker, A.L. và D.L. Richter. 1998. Bạo lực đối với phụ nữ ở Sierra Leone: Tần suất và liên hệ giữa bạo lực gia đình với cưỡng bức quan hệ tình dục, *Tạp chí sức khỏe sinh sản Châu Phi* 2:61–72.

Cox, Marcus. 2008. *An ninh và tư pháp: đánh giá lợi ích phát triển: Đánh giá tri thức London*: Alguhas.

Distaff Associates. 1991. *Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra, Australia: Cơ quan điều phối về phụ nữ NSW*

Dunkle R, Jewkes H, và cộng sự 2004. Bạo lực giới, quan hệ quyền lực, và nguy cơ nhiễm HIV trong số phụ nữ đến thăm khám tại các cơ sở chăm sóc trước sinh ở Nam Phi *The Lancet*, Quyển số 363, Tập 9419, trang 1415 - 1421 K .

Duvvury, N. và cộng sự. 2000. *Bạo lực gia đình ở Ấn Độ 3: Báo cáo tóm tắt kết quả khảo sát hộ gia đình ở nhiều địa phương*, Washington, DC: ICRW và CEDPA.

Duvvury N, Grown C, và Redner, J. 2004. *Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra ở cấp độ hộ gia đình và cộng đồng: Khuôn khổ hoạt động cho các quốc gia đang phát triển Washington D.C.* Trung tâm nghiên cứu phụ nữ quốc tế.

Ellsberg, M., R. Pena, A. Herrera, J. Liljestrand, và A. Winkvist. 1999. Xâm hại người vợ trong độ tuổi sinh đẻ ở Nicaragua, *Tạp chí sức khỏe cộng đồng Mỹ* 89: 241–44.

Ellsberg M. và Heise L. 2005. *Nghiên cứu bạo lực đối với phụ nữ: Hướng dẫn thực tế cho các nhà nghiên cứu và các nhà hoạt động*, Washington DC, Mỹ: WHO, PATH

Fals-Stewart, W., Golden, J., và Schumacher, J.A. 2003. Bạo lực gia đình và tình trạng sử dụng chất gây nghiện: nghiên cứu theo dõi hằng ngày, *Các hành vi gây nghiện*, 28, 1555-1574.

García-Moreno C, Jansen HA, Ellsberg M, Heise L, Watts C. 2005. *WHO Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình đối với phụ nữ: Kết quả ban đầu về mức độ phổ biến, ảnh hưởng sức khỏe, và biện pháp đối phó của phụ nữ Geneva*, Thụy Sĩ, WHO.

Gardsbane, D., Ha, V. S., Taylor, K., Chanthavysouk, K. 2010. *Bạo lực trên cơ sở giới: Báo cáo chuyên đề Hà Nội*: UNFPA.

Gardsbane, D. May 2011. “*Gia đình hạnh phúc*”: Lý do của việc phòng chống bạo lực giới, *SfAA News*, Ấn phẩm của Hội nhân chủng học ứng dụng. <http://sfaanews.sfaa.net/2011/05/01/the-%E2%80%9Chappy-family%E2%80%9D-raison-detre-for-preventing-gender-based-violence/>.

Tổng cục Thống kê (TCTK). 2010. “*Chịu nhin là chết đuối*”: Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam.

TCTK. 2011. “*Cấu trúc tuổi-giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam*”. *Tổng điều tra dân số và nhà ở, 2009*. Hà Nội.

TCTK. 2012. “*Báo cáo điều tra lao động và việc làm Việt Nam năm 2011*”. Hà Nội.

TCTK 2012. *Kết quả khảo sát mức sống dân cư 2010*. Hà Nội.

Ghuman S. 2005. “*Thái độ về giới và hành vi tình dục trong hôn nhân tại Hải Dương, Việt Nam*”, *Nghiên cứu kế hoạch hóa gia đình*, 36(2):95-106.

Hien, Phan Thi Thu. 2008. “*Tình dục cưỡng ép trong hôn nhân ở Quảng Trị, Việt Nam*” *Văn hóa, sức khỏe, và tình dục*, 10:1, S177 - S187

Heise, L., Pitanguy, J. và Germain, A. 1994. Bạo lực đối với phụ nữ: *Gánh nặng tiềm ẩn về y tế, Tham luận của Ngân Hàng Thế Giới số 255*. Washington, DC: Ngân hàng thế giới.

Heise, L.L., A. Raikes, C.H. Watts, và A.B. Zwi. 1994. Bạo lực đối với phụ nữ: *Một vấn đề y tế công cộng bị xao nhãng tại các quốc gia kém phát triển*, *Khoa học xã hội và dược phẩm* 39:1165–79.

Heise L, Ellsberg M, và cộng sự 1999. *Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ*, Báo cáo dân số, Series L. No.11.

Hong, K.T. 2003. *Sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên Việt Nam [Trực tuyến].* Tại địa chỉ: [http://www.policyproject.com/pubs/countryreports/ARH\\_Vietnam.pdf](http://www.policyproject.com/pubs/countryreports/ARH_Vietnam.pdf).

Hotaling, G. và D. Sugarman. 1986. *Phân tích các chỉ dấu nguy cơ về bạo lực do chồng gây ra với vợ: Hiểu biết của chúng ta hiện nay Bạo lực và nạn nhân 1:101–24.*

Viện Gia đình và Giới (Chủ biên Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh). 2009. *“Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam - Thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân”*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội.

Jewkes, R., J. Levin, và L. Penn-Kekana. 2002. *Các yếu tố nguy cơ dẫn đến bạo lực gia đình: Kết quả nghiên cứu tổng quát ở Nam Phi, Khoa học xã hội và dược phẩm 55:1603–17.*

Jonzon, R., Nguyen Dan, V., Ringsberg, K. C., Krantz, 2007. *Bạo lực đối với phụ nữ trong quan hệ tình cảm: Lý giải và đề xuất các biện pháp can thiệp qua góc nhìn của nhân viên y tế, lãnh đạo địa phương, và những người có uy tín trong cộng đồng tại một huyện miền Bắc Việt Nam, 2007.*

Kalmus, D. 1984. *Tính lan truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác của bạo lực hôn nhân Tạp chí hôn nhân và gia đình 46:11–19.*

Koenig, M.A. T. Lutalo, F. Zhao, F. Nalugoda, F. Wabwire-Mangen, N. Kiwanuka, J. Wagman, D. Serwadda, M. Wawer, và R. Gray. 2003. *Bạo lực gia đình ở vùng nông thôn Uganda: Chứng cứ từ một cuộc khảo sát tại cộng đồng, Bản tin của WHO 81:53–60.*

Kelly, K. 2004. *Hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam) Không xuất bản. Tại địa chỉ files.pace.edu.vn/.../education...vietnam/the-higher-education-system...*

Krantz, G., Van Phuong, T., Larsson, V., Thi Bich Thuan, N., Ringsberg, K.C. 2005. *Bạo lực do chồng/bạn tình gây ra: hình thức, hậu quả, và mức độ sẵn sàng đối phó qua góc nhìn của các nhân viên y tế, lãnh đạo cấp huyện, và người đứng đầu cộng đồng tại một huyện phía Bắc Việt Nam, Y tế công cộng 40(20):1-8.*

Laurence L, và Spalter-Roth R. 1996. *Đánh giá thiệt hại do bạo lực gia đình đối*

*với phụ nữ gây ra và các phương pháp can thiệp có hiệu quả kinh tế: Đánh giá sơ bộ và đề xuất nghiên cứu tiếp theo* Washington, D.C.: Viện nghiên cứu chính sách phụ nữ.

Lee, S. 2008. *Phụ nữ thể hiện như thế nào trong giáo dục, việc làm, và y tế? Một phân tích giới từ khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2006.* Hà Nội: Ngân hàng thế giới.

Loi, V. M., Huy, V. T., Minh, N. H., Clement, J. 1999. *Bạo lực trên cơ sở giới: Trường hợp Việt Nam.* Hà Nội. Ngân hàng thế giới, 4/1999.

Lozano R. 1999. *Ảnh hưởng của bạo lực gia đình đến sức khỏe: Thành phố Mexico, trích từ Morrison và Biehl (eds.), Too Close to Home: Bạo lực gia đình ở Châu Mỹ.* Washington, D.C.: Ngân hàng phát triển Châu Mỹ.

Luke, N., Schuler, S. R., Mai, B. T. T., Thien, P. V., Minh, T. H. 2007 *Khảo sát đặc điểm và thái độ của vợ chồng và tình trạng bạo lực hôn nhân ở Việt Nam, Bạo lực đối với phụ nữ 13(1): 5-27.*

Mai, và cộng sự 2004. *Tại sao im lặng? Lý do tại sao phụ nữ bị bạo lực gia đình ở Việt Nam không tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài, Tư vấn đầu tư xúc tiến y tế tại Việt Nam.* Chương trình nghiên cứu tăng quyền cho phụ nữ, Học viện phát triển giáo dục, Hoa Kỳ.

Martin, S.L., K.E. Moracco, J. Garro, A.O. Tsui, L. Kupper, J.L. Chase, và J.C. Campbell. 2002. *Bạo lực gia đình giữa các thế hệ: Các phát hiện từ Bắc Ấn Độ, Tạp chí quốc tế 288 Nhân khẩu học, Quyển 40 – Số 2, 5/2003 Dịch tễ học 31:560–72*

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/TCTK/UNICEF/Viện Gia đình và Giới. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006.* Hà Nội. 6/2008.

Bộ LĐTB&XH. 2010. *Được trích dẫn trong Phân tích của ILO về Chiến lược quốc gia về bảo trợ xã hội của Việt Nam (2011-2020) trong bối cảnh các mục tiêu bảo trợ xã hội tối thiểu).*

Morrison A, và OrlandoMB. 1999. *Thiệt hại kinh tế và xã hội do bạo lực gia đình gây ra: Chile và Nicaragua) Too Close to Home. Morrison, A và ML Biehl, ed. Washington, DC: Ngân hàng phát triển Châu Mỹ: 51-80.*

Morrison A. và Orlando MB. 2004. *Thiệt hại và ảnh hưởng do bạo lực giới gây ra tại các nước đang phát triển: Xem xét phương pháp luận và các chứng cứ mới. Tài liệu làm việc) Washington, D.C.: Ngân hàng thế giới*

Morrison A. Orlando MB. và Pizzolitto G. 2008. *Tác động của bạo lực gia đình ở Peru: Ước tính sử dụng phương pháp đối xứng – Bài trình bày tại hội thảo. Bạo lực giới và cơ hội hành động cho Ngân hàng thế giới: Tác động đối với hoạt động phân tích, tư vấn, và thực hiện 30/9. Ngân hàng thế giới.*

Bộ KH&ĐT. 2008. *Việt Nam tiếp tục đạt các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, Bộ KH&ĐT*

Nguanbanchong, A. 2010 *Hơn cả khủng hoảng: tác động của khủng hoảng tài chính đối với phụ nữ Việt Nam, Bangkok: Oxfam*

New M, và Berliner L. 2000. *Việc sử dụng dịch vụ sức khỏe tâm thần trong các nạn nhân của tội phạm, Tạp chí nghiên cứu stress do sang chấn, 13:693-707.*

Bộ phận điều phối phụ nữ NSW. 1991. *Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra, Haymarket, NSW: Bộ phận điều phối phụ nữ New South Wales.*

OMCT 2001. *Thực hiện Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ ở Việt Nam\_ tại địa chỉ <http://www.unhcr.org/refworld/pdfid/46c191170.pdf>*

Oxfam và Action Aid. 2011. *Giám sát đói nghèo có sự tham gia tại các cộng đồng nông thôn Việt Nam, UKAID*

Rao, V. 1997. *Tình trạng đánh vợ ở vùng nông thôn miền Nam Ấn Độ: Phân tích định tính và kinh tế lượng, Khoa học xã hội và dục phẩm 44:1169–80.*

Roberts G. 1988. *Bạo lực gia đình: tính toán chi phí cung cấp dịch vụ cho nạn nhân là phụ nữ, Bên ngoài những bức tường: Báo cáo của Nhóm chuyên trách bạo lực gia đình Queensland cho Peter McKechnie*

Romero D. và cộng sự 2003. *Trải nghiệm của các bà mẹ thu nhập thấp về sức khỏe, khó khăn, việc làm, và bạo lực, Bạo lực đối với phụ nữ. 9: 1231-1244*

Rydström H. 2006. *Phái mạnh và trừng phạt: Nam giới nuôi con trai tại các vùng nông thôn Việt Nam) Childhood,13(3): 329-346.*

*Tại địa chỉ: <http://chd.sagepub.com/cgi/content/abstract/13/3/329>.*

Sánchez F. và cộng sự 2004. *Segunda Parte: Estudio de Mujeres, in Los costos de la violencia intrafamiliar en Colombia. Bogotá: Universidad de los Andes, Centro de Estudios sobre Desarrollo Económico*

Straus, M. và R. Gelles. 1990. *Bạo hành thể chất trong các gia đình Mỹ) New Brunswick: Transaction Press.*

Van der Straten, A., R. King, O. Grinstead, E. Vittinghoff, A. Serufilira, và S. Allen. 1998. *Cưỡng bức tình dục, bạo hành thể chất, và tình trạng nhiễm HIV trong số phụ nữ có quan hệ tình cảm ổn định tại Kigali, Rwanda, AIDS và hành vi 2:61–73.*

UNFPA và AIDOS. 2003. *Giải quyết bạo lực đối với phụ nữ: Thí điểm và xây dựng chương trình, GBVReport. Rome, Italy, 15/19-9-2003,*

*[http://web.unfpa.org/upload/lib\\_pub\\_file/361\\_filename\\_gbv\\_report.pdf](http://web.unfpa.org/upload/lib_pub_file/361_filename_gbv_report.pdf)*

Watts, C., E. Keough, M. Ndlovu, và R. Kwaramba. 1998. *Hạn chế tình dục và cưỡng bức tình dục: Các khía cạnh bạo lực đối với phụ nữ Zimbabwe, Các vấn đề sức khỏe sinh sản 6:57–65.*

Walby S. 2004. *Thiệt hại do bạo lực gia đình gây ra. Vương quốc Anh London: Cơ quan phụ nữ và bình đẳng, Bộ công thương.*

WHO. 1996. *Bạo lực đối với phụ nữ FRH/WHD/96.27. Geneva, 5–7/2.*

WHO. 2007. *Tài liệu hướng dẫn ước tính chi phí thương tích do hành vi bạo lực của người khác và của bản thân gây ra Geneva: WHO*

UN, Tổng thư ký. 2006. *Nghiên cứu sâu về tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ) A/61/122/Add.1. 61st Phiên họp Đại hội đồng*

UN, Tổng thư ký. 2010. *Tăng cường nỗ lực xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ, A/65/208, 65th Phiên họp Đại hội đồng.*

UN Viet Nam. 2010 *Tài liệu giới thiệu Việt Nam: Bảo trợ xã hội là động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội, Hà Nội.*

UN Viet Nam. 2010a. *Lây truyền HIV từ nam sang nữ trong quan hệ bạn tình ở Việt Nam, Hà Nội.*

UNICEF. 2010. *Quá trình chuyển tiếp của trẻ em gái dân tộc thiểu số từ giáo dục tiểu học sang trung học*

UNIFEM. 2010. *Tài liệu giới thiệu về các vấn đề bình đẳng giới hiện tại, Hà Nội: UN.*

UNODC. 2011. *Nghiên cứu hoạt động hành pháp và trợ giúp pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam, Tài liệu làm việc. Hà Nội: UNODC.*

USAID. 2010. *Sự tham gia của phụ nữ vào nền kinh tế Việt Nam: Chương trình hành động* [http://www.bizclir.com/galleries/country-assessments/Vietnam\\_GenderCLIR.pdf](http://www.bizclir.com/galleries/country-assessments/Vietnam_GenderCLIR.pdf)

Vasavakul, Thaveeporn .2009. *Tham nhũng trong ngành y tế: quản lý cung cấp dịch vụ và tác động đối với giảm nghèo ở Việt Nam*

Vu Song Ha .2002. *Hành vi tình dục trong nhóm phụ nữ có gia đình tại hai vùng nông thôn miền Bắc Việt Nam*, Không phát hành. Luận văn thạc sỹ, Đại học Columbia, New York.

Vu Song Ha, Hoang Tu Anh, Quach Thu Trang. 2009. *Can thiệp bạo hành tình dục: Bài học kinh nghiệm: Trình bày tại hội thảo giới thiệu dự án*, Hà Nội.

Vung, N. D., Ostergren, P. O., Krantz, G. 2008. *Bạo lực do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ nông thôn Việt Nam – Các nhân tố xã hội- nhân khẩu khác nhau liên quan đến các hình thức bạo lực khác nhau: cần những hướng dẫn can thiệp mới*, BMC Public Health 8: 55

Wells, M. 2005. *Việt Nam: Phân tích tình hình giới, Đánh giá chiến lược và chương trình. Ngân hàng phát triển Châu Á.*

Ngân hàng thế giới. 1993. *Báo cáo phát triển quốc tế 1993: Đầu tư vào y tế*, New York: Oxford University Press.

Ngân hàng thế giới. 2006. *Đánh giá quốc gia về giới của Việt Nam*, Washington: Ngân hàng thế giới. Tại địa chỉ

[http://web.worldbank.org/external/default/main?pagePK=51187349&piPK=51189435&theSitePK=387565&menuPK=64187510&searchMenuPK=387593&theSitePK=387565&entityID=000310607\\_20070124141846&searchMenuPK=387593&theSitePK=387565](http://web.worldbank.org/external/default/main?pagePK=51187349&piPK=51189435&theSitePK=387565&menuPK=64187510&searchMenuPK=387593&theSitePK=387565&entityID=000310607_20070124141846&searchMenuPK=387593&theSitePK=387565).

## PHỤ LỤC I: CÁC HÀNH VI BẠO HÀNH

Loại bạo hành	Các hành vi cụ thể cần đánh giá
Hành vi kiểm soát	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cố gắng hạn chế bạn gặp gỡ bạn bè</li> <li>b) Cố gắng hạn chế bạn liên lạc với gia đình mình</li> <li>c) Đòi lúc nào cũng phải được biết bạn ở đâu</li> <li>d) Lờ bạn đi và đối xử hờ hững</li> <li>e) Nổi giận nếu bạn nói chuyện với nam giới khác</li> <li>f) Thường xuyên nghi ngờ bạn không chung thủy</li> <li>g) Muốn bạn phải xin phép trước khi tìm sự trợ giúp y tế</li> </ul>
Bạo hành tình cảm	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Xúc phạm và khiến bạn cảm giác không tốt về bản thân</li> <li>b) Hạ thấp hoặc xúc phạm trước mặt người khác</li> <li>c) Làm những việc chủ ý gây sợ hãi (nhìn đe dọa, la hét, đập phá đồ vật)</li> <li>d) Dọa đánh bạn hoặc người mà bạn quan tâm</li> </ul>
Bạo hành thể chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tát bạn hoặc ném đồ vật có thể làm bạn đau?</li> <li>b) Xô đẩy hoặc túm tóc bạn?</li> <li>c) Đánh bạn bằng tay hoặc bằng đồ vật có thể gây đau?</li> <li>d) Đá, kéo lê, hoặc đánh đập bạn?</li> <li>e) Bóp cổ hoặc cố tình gây bồng cho bạn?</li> <li>f) Đe dọa hoặc thực sự sử dụng súng, dao, hoặc các vũ khí khác để làm hại bạn?</li> </ul>
Bạo hành tình dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Chồng/bạn tình hiện tại của bạn có dùng sức mạnh thể chất ép bạn quan hệ tình dục khi bạn không muốn hay không?</li> <li>b) Bạn có bao giờ phải quan hệ tình dục dù không mong muốn do sợ hãi những gì chồng/bạn tình có thể làm nếu bạn không đồng ý quan hệ không?</li> <li>c) Chồng/bạn tình của bạn có bao giờ cưỡng ép bạn thực hiện những hành vi tình dục bạn cho là hạ nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm hay không?</li> <li>d) Chồng/bạn tình có bao giờ cưỡng bức bạn quan hệ tình dục với người khác không?</li> </ul>

## PHỤ LỤC II: BẢNG HỎI ĐỐI VỚI NGƯỜI PHỤ NỮ

### Khảo sát về Sức khoẻ, Mối quan hệ gia đình và Cuộc sống của người Phụ nữ ở Việt Nam

Nghiên cứu được thực hiện bởi Trường Đại học Quốc gia Ireland, Galway và Viện Gia đình và Giới, 6 Đình Công Tráng, Hà Nội

Bộ công cụ nghiên cứu được sửa đổi từ các bộ câu hỏi của DHS, GSO và Trung tâm nghiên cứu Phụ nữ quốc tế

ĐẶC ĐIỂM CHUNG	
TỈNH/THÀNH PHỐ (VIẾT BẰNG CHỮ IN CÓ DẤU) .....	
QUẬN/HUYỆN (VIẾT BẰNG CHỮ IN CÓ DẤU) .....	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
XÃ/PHƯỜNG.....	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
MÃ SỐ NGƯỜI TRẢ LỜI .....	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
KHU VỰC.....	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
(NÔNG THÔN=1; THÀNH THỊ=2)	<input type="checkbox"/>

THÔNG TIN VỀ CUỘC PHỎNG VẤN		
NGÀY PV		THÔNG TIN ĐẶC TRƯNG QUỐC GIA:
HỌ TÊN ĐIỀU TRA VIÊN	.....	NGÔN NGỮ CỦA BẢNG HỎI
	.....	NGÔN NGỮ CHÍNH CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI
		SỬ DỤNG PHIÊN DỊCH
		1 = CÓ / 2 = KHÔNG

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI	GIÁM SÁT THỰC ĐỊA
HỌ TÊN.....	HỌ TÊN.....
NGÀY.....	NGÀY.....
<b>GIÁM SÁT HÀNH CHÍNH</b>	<b>THÔNG QUA</b>
KÝ TÊN.....	KÝ TÊN.....

## GIỚI THIỆU

Xin chào chị. Tôi tên là.....  
 công tác tại Viện Gia đình và Giới. Cơ quan chúng tôi đang thực hiện một cuộc khảo sát về sức khỏe, mối quan hệ gia đình và những trải nghiệm trong cuộc sống của người phụ nữ ở Việt Nam. Chị được lựa chọn ngẫu nhiên để tham gia vào nghiên cứu này của chúng tôi.

Tất cả những thông tin chị cung cấp sẽ được giữ kín hoàn toàn. Chị có quyền dừng trả lời phỏng vấn vào bất kỳ thời điểm nào hoặc có thể không trả lời những câu hỏi mà chị không muốn. Không có câu trả lời nào là đúng hay sai. Một số chủ đề mà chúng tôi sẽ hỏi sau đây có thể khó nói nhưng rất nhiều người phụ nữ đã cho biết đây là một cơ hội để họ được tâm sự và nói ra những điều này.

Chị hoàn toàn tự nguyện tham gia vào nghiên cứu này và những trải nghiệm và câu chuyện mà chị chia sẻ sẽ giúp ích cho nhiều phụ nữ ở Việt Nam.

(Cuộc phỏng vấn có thể kéo dài khoảng.....phút)

Chị có muốn hỏi gì không?

Chị đồng ý tham gia trả lời phỏng vấn chứ?

KHÔNG ĐỒNG Ý                      →                      CẢM ƠN

ĐỒNG Ý



Chúng ta có thể thực hiện phỏng vấn ngay lúc này không?

CÓ                      KHÔNG                      →                      CẢM ƠN VÀ HẸN THỜI GIAN TRỞ LẠI

1                      2



Cuộc phỏng vấn sẽ cần một nơi riêng tư, cách biệt. Chúng ta có thể thực hiện phỏng vấn ngay tại đây hoặc một nơi nào khác?

## PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM HỘ GIA ĐÌNH

Câu hỏi số	CÂU HỎI	MÃ	BƯỚC CHUYỂN
101	Chị đã sống ở ngôi nhà hiện nay bao lâu? (TRONG BAO NHIÊU NĂM, THÁNG)	SỐ NĂM..... SỐ THÁNG.....	
102	Chị sở hữu hay thuê căn nhà này?	SỞ HỮU MUA.....11 ĐƯỢC HƯỞNG THỪA KẾ.....12 NHÀ NƯỚC CẤP.....13 Ở NHỜ .....14 THUÊ.....21 CHIẾM DỤNG.....31 Ở NHÀ BỐ MẸ/BỐ MẸ CHỒNG.....41 KHÁC.....96 (GHI RÕ)	
103	Gia đình chị hiện có bao nhiêu người? (ăn chung, ở chung ít nhất 6 tháng trở lên, chung ngân quỹ)	SỐ NGƯỜI:.....	
104	Gia đình chị sử dụng nguồn nước ăn uống chủ yếu nào?	NƯỚC MÁY NƯỚC MÁY RIÊNG TRONG NHÀ.....11 NƯỚC MÁY RIÊNG NGOÀI NHÀ.....12 BỂ NƯỚC CÔNG CỘNG.....13 GIẾNG KHOAN.....21 GIẾNG ĐÀO ĐƯỢC BẢO VỆ.....31 KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ.....32 NƯỚC KHE/SUỐI ĐƯỢC BẢO VỆ.....41 KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ.....42 NƯỚC MƯA.....51 BỂ CHỨA/XÔ, THÙNG.....61 ĐI LẤY BẰNG CÁC THÙNG NHỎ.....71 NƯỚC BỀ MẶT (SÔNG/ĐÀM/HỒ /AO/SUỐI/KÊNH/KÊNH TƯƠI TIÊU.....81 NƯỚC ĐÓNG CHAI.....91 NGUỒN KHÁC.....96 (GHI RÕ)	

105	Loại nhà vệ sinh gia đình chị đang sử dụng là gì?	HỒ XÍ TỰ HOẠI/BÁN TỰ HOẠI.....1 HỒ XÍ THẨM DỘI NƯỚC.....2 HỒ XÍ HAI NGĂN.....3 HỒ XÍ MỘT NGĂN.....4 CẦU CÁ/CẦU TỖM.....5 KHÔNG CÓ NHÀ VỆ SINH.....8 KHÁC .....96 (GHI RÕ) TỪ CHỐI/KHÔNG TRẢ LỜI.....9	8 - 107
106	Gia đình chị có dùng chung nhà vệ sinh với các gia đình khác không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2	
107	Gia đình chị có sử dụng điện và những thiết bị sau không?		
		CÓ      KHÔNG      KB	
	a) Sử dụng điện	SỬ DỤNG ĐIỆN.....1      2      3	
	b) Đài	ĐÀI.....1      2      3	
	c) TV	TV.....1      2      3	
	d) Điện thoại di động	ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG...1      2      3	
	e) Điện thoại cố định	ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH...1      2      3	
	f) Tủ lạnh	TỦ LẠNH.....1      2      3	
	g) Máy vi tính	MÁY VI TÍNH.....1      2      3	
	h) Xe đạp	XE ĐẠP.....1      2      3	
	i) Xe máy	XE MÁY.....1      2      3	
	j) Xe chở do súc vật kéo	XE CHỞ DO SÚC VẬT KÉO.....1      2      3	
	k) Ô tô	ÔTÔ.....1      2      3	
	l) Thuyền máy	THUYỀN MÁY.....1      2      3	
	m) Bếp ga	BẾP GA.....1      2      3	
	n) Lò sưởi/nướng dùng điện	LÒ SƯỜI/NUỚNG DÙNG ĐIỆN.....1      2      3	
	o) Điều hòa	ĐIỀU HÒA.....1      2      3	
	p) Quạt điện	QUẠT ĐIỆN.....1      2      3	
	q) Lò vi sóng	LÒ VI SÓN.....1      2      3	
	r) Máy giặt	MÁY GIẶT.....1      2      3	

108	Ngoài ngôi nhà hiện nay, những người trong hộ gia đình chị có sở hữu mảnh đất/nhà hoặc căn hộ nào khác không? (TẤT CẢ CÁC LOẠI NHÀ/ĐẤT)	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
109	Gia đình chị sử dụng CHỦ YẾU loại nhiên liệu nào để nấu ăn? (tối đa 2 phương án)	ĐIỆN.....1 GAS HOÁ LỎNG.....2 GAS TỰ NHIÊN.....3 BIOGAS.....4 DẦU HOẢ.....5 THAN NON.....6 THAN ĐÁ.....7 CỦI.....8 ROM RẠ/LÁ KHÔ.....9 PHẾ LIỆU NÔNG NGHIỆP (cây đay/ngô).10 PHÂN SÚC VẬT.....11 KHÔNG NẤU ĂN TẠI HỘ GIA ĐÌNH.....95 KHÁC .....96 (GHI RÕ)	
110	a) Nhà chị có bao nhiêu phòng? (có tường ngăn hoặc cửa) b) Có bao nhiêu phòng ngủ/chỗ dùng để ngủ?	TỔNG SỐ PHÒNG..... SỐ PHÒNG/NƠI SỬ DỤNG ĐỂ NGỦ.....	
111	Loại nhà ở chính hiện nay của gia đình chị là gì?	NHÀ BIỆT THỰ .....1 NHÀ KIÊN CỐ KHÉP KÍN (BẾP VÀ PHÒNG TẮM TRONG NHÀ), GỒM CẢ NHÀ CHUNG CƯ CAO TẦNG.....2 NHÀ KIÊN CỐ KHÔNG KHÉP KÍN.....3 NHÀ BÁN KIÊN CỐ (NHÀ CẤP 4).....4 NHÀ ĐƠN SƠ VÀ NHÀ KHÁC.....5	

## PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI VÀ CỘNG ĐỒNG

	CÂU HỎI	MÃ	BƯỚC CHUYỂN
<b>Tôi xin bắt đầu bằng những câu hỏi về cộng đồng nơi chị đang sinh sống</b>			
201	Những người hàng xóm của chị có thường biết rõ về nhau không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
202	Nếu có vụ đánh nhau ở cộng đồng, mọi người có thường làm gì đó để ngăn lại không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
203	Nếu có vụ đánh nhau ở một nhà nào đó trong tổ/xóm, mọi người có thường làm gì đó để ngăn lại không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
204	Trong khu vực sinh sống của chị, mọi người có tin tưởng lẫn nhau trong việc vay, mượn (trang thiết bị/ đồ đạc) của nhau không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
205	Nếu có ai trong gia đình chị bị ốm hoặc tai nạn thì hàng xóm của chị có giúp đỡ không (thăm hỏi, hỗ trợ chi phí, v.v.)?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
<b>Bây giờ tôi xin hỏi chị một số câu hỏi về cá nhân chị</b>			
206	Chị sinh năm nào?	NĂM.....19..... KHÔNG BIẾT NĂM NÀO.....9998 KHÔNG TRẢ LỜI.....9999	
207	Năm nay chị bao nhiêu tuổi?	TUỔI.....	
208	Chị đã sống ở xã/ phường này liên tục trong bao lâu?	SỐ NĂM..... DƯỚI 1 NĂM.....00 SỐNG Ở ĐÂY TỪ NHỎ.....95 ĐẾN CHOI.....96 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....98 KHÔNG TRẢ LỜI.....99	

209	Chị theo tôn giáo nào?	KHÔNG TÔN GIÁO.....00 HỒI GIÁO.....01 THIÊN CHÚA GIÁO.....02 TIN LÀNH.....03 PHẬT GIÁO.....04 ẤN ĐỘ GIÁO.....05 CAO ĐÀI.....06 HOÀ HẢO.....07 KHÁC.....96 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....98 KHÔNG TRẢ LỜI.....99	
210	Chị là người dân tộc nào?	KINH.....01 TÀY.....02 ĐẠO.....03 H'MONG.....04 MƯỜNG.....05 HOA.....06 NÙNG.....07 THÁI.....08 KHÁC (GHI RÕ).....96 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....98 KHÔNG TRẢ LỜI.....99	
211	Chị có biết đọc, biết viết không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
212	Chị đã từng đi học (đến trường) chưa?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	2 -> 215a
213	Cấp học cao nhất mà chị đã hoàn thành là gì?	CHƯA XONG TIỂU HỌC.....0 TIỂU HỌC.....1 THCS.....2 THPT.....3 TRUNG CẤP NGHỀ.....4 CAO ĐẲNG.....5 ĐẠI HỌC.....6 THẠC SĨ.....7 TIẾN SĨ.....8 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....98 KHÔNG TRẢ LỜI.....99	

214	Số năm đi học của chị	SỐ NĂM ĐI HỌC..... KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ .....98 KHÔNG TRẢ LỜI.....99	
215a	Bố, mẹ của chị có sống ở gần nhà chị (trong cùng thôn/xóm hoặc tổ dân phố) không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 <b>CHỊ SỐNG CÙNG GIA ĐÌNH BỐ MẸ.....3</b> KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
215b	Có bất kỳ anh, chị, em ruột nào của chị sống gần nhà chị (trong cùng thôn/xóm hoặc tổ dân phố) không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 <b>CHỊ SỐNG CÙNG TOÀN BỘ ANH CHỊ EM.....3</b> KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
<b>Điều tra viên: Nếu cả hai câu 215a và 215b đều có phương án 3 thì chuyển sang câu 217</b>			
216	Chị có thường xuyên nói chuyện với những người thân nói trên của chị không? (Người trong gia đình: Bố, Mẹ, Anh, Chị, Em ruột)	MỘT /VÀI LẦN/TUẦN .....1 MỘT /VÀI LẦN/THÁNG.....2 MỘT /VÀI LẦN/NĂM.....3 (HẦU NHU) KHÔNG BAO GIỜ.....4 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ .....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	
217	Khi cần sự giúp đỡ hoặc có khó khăn, chị có thường dựa vào sự trợ giúp của những người thân trong gia đình nói trên (như 216) không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	
218a	Chị có tham gia các nhóm, tổ chức hoặc hiệp hội không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	2-> 219 8-> 219 9-> 219

218b	<b>NẾU CÓ:</b> Đó là tổ chức, nhóm, hội nào? <b>Gợi ý:</b> Các tổ chức như hội phụ nữ, hội nông dân, các nhóm trong cộng đồng, các CLB.	ĐẢNG CS/ĐOÀN THANH NIÊN/CÔNG ĐOÀN..... B TỔ CHỨC PHÚC LỢI..... C CÂU LẠC BỘ THỂ THAO/NGHỆ THUẬT/ CÁC TỔ CHỨC NGHỀ NGHIỆP..... .....D HỘI NÔNG DÂN/NHÓM TIẾT KIỆM/TÍN DỤNG.....E HỘI PHỤ NỮ .....F TỔ CHỨC TÔN GIÁO.....G HỘI CỰU CHIẾN BINH..... H BAN PHỤ HUYNH.....I KHÁC:.....X																																																			
218c	Đối với mỗi tổ chức, chị tham gia sinh hoạt ở mức độ nào?	<table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>1 lần /Tuần</th> <th>1-2lần /tháng</th> <th>1-vài lần /năm</th> <th>Không /hiếm khi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>B</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>C</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>D</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>E</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>F</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>G</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>H</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>I</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> <tr><td>X</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr> </tbody> </table>		1 lần /Tuần	1-2lần /tháng	1-vài lần /năm	Không /hiếm khi	B	1	2	3	4	C	1	2	3	4	D	1	2	3	4	E	1	2	3	4	F	1	2	3	4	G	1	2	3	4	H	1	2	3	4	I	1	2	3	4	X	1	2	3	4	
	1 lần /Tuần	1-2lần /tháng	1-vài lần /năm	Không /hiếm khi																																																	
B	1	2	3	4																																																	
C	1	2	3	4																																																	
D	1	2	3	4																																																	
E	1	2	3	4																																																	
F	1	2	3	4																																																	
G	1	2	3	4																																																	
H	1	2	3	4																																																	
I	1	2	3	4																																																	
X	1	2	3	4																																																	
218d	Trong nhóm/tổ chức mà chị tham gia, có nhóm/tổ chức nào chỉ có toàn phụ nữ tham gia?	CÓ ..... 1 KHÔNG .....2 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ..... 8 KHÔNG TRẢ LỜI ..... 9																																																			
219	Trong 12 tháng qua, có người nào ngăn cản chị tham gia họp hoặc hoạt động ở các tổ chức, đoàn thể không?	KHÔNG BỊ CẢN TRỞ .....A CHỒNG/BẠN TÌNH..... B CHA MẸ RUỘT..... C CHA MẸ CHỒNG/BẠN TÌNH.....D NGƯỜI KHÁC:.....X																																																			

### PHẦN 3: QUAN HỆ HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

	CÂU HỎI	MÃ	BƯỚC CHUYỂN
<b>Phần dưới đây tôi xin hỏi một số câu hỏi về quan hệ hôn nhân của chị</b>			
301	Tình trạng hôn nhân hiện tại của chị? NẾU NTL CÓ BẠN TRAI, HỎI: Chị và bạn trai có chung sống với nhau không?	ĐANG CÓ CHỒNG..... 1 CHUNG SỐNG VỚI BẠN TRAI KHÔNG KẾT HÔN ..... 2 ĐANG CÓ BẠN TRAI NHƯNG KHÔNG SỐNG CÙNG..... 3 KHÔNG CÓ CHỒNG/BẠN TRAI HƠN 15 THÁNG.....4 KHÔNG CÓ CHỒNG/BẠN TRAI 15 THÁNG TRỞ XUỐNG.....5 (Kể cả góa, ly hôn, ly thân)	1 -> 305 2 -> 305 3 -> 305
302a	Chị đã bao giờ kết hôn hoặc chung sống với bạn trai chưa?	CÓ ĐÃ TỪNG KẾT HÔN..... 1 CÓ, SỐNG CHUNG NHƯNG CHƯA TỪNG KẾT HÔN .....2 CHƯA TỪNG.....3	1 -> 303 2 -> 303
302b	Nếu chưa hề sống chung, chị đã từng có bạn tình thường xuyên (quan hệ ổn định) không?	CÓ..... 1 KHÔNG.....2 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	2 -> Phần 4 9 -> Phần 4
303	Vì sao mối quan hệ giữa chị và chồng/ bạn trai (người gần đây nhất) chấm dứt?	LY HÔN.....1 LY THÂN/CHIA TAY.....2 GÓA/BẠN TRAI MẤT.....3 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	3 -> 305 8 -> 305 9 -> 305
304a	Ai đề nghị ly hôn/ly thân/chia tay?	NTL.....1 NGƯỜI CHỒNG/BẠN TRAI..... 2 CẢ HAI .....3 NGƯỜI KHÁC:..... 6 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
304b	Nguyên nhân nào dẫn đến ly hôn/ly thân/chia tay?(hơn 1 p/án)	VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH.....1 BẠO LỰC CỦA NGƯỜI CHỒNG/BẠN TRAI.....2 KHÔNG CÓ CON/KHÔNG CÓ CON TRAI ..3 KHÁC: .....6 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	

305	Khi kết hôn lần đầu/ lần đầu tiên chung sống với bạn trai, chị bao nhiêu tuổi?	TUỔI: ..... KHÔNG ÁP DỤNG .....77 (Nếu rơi vào phương án 1, câu 302b)	7 -> Phần 4
<b>Tiếp theo tôi xin hỏi chị về mối quan hệ hiện nay hoặc mối quan hệ gần đây nhất của chị</b>			
306	Chị đã kết hôn/sống chung được bao lâu rồi?	SỐ NĂM..... SỐ THÁNG.....	
307a	Chị hiện /khi đó có sống cùng với bố mẹ chồng/bạn trai hoặc người thân (anh chị em ruột) bên chồng/bạn trai?	CÓ .....1 KHÔNG .....2 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
307b	Chị hiện có sống cùng bố mẹ ruột hoặc người thân bên chị không?	CÓ ..... 1 KHÔNG .....2 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ..... 8 KHÔNG TRẢ LỜI..... 9	
308	Ai quyết định việc hôn nhân này của chị?	CẢ HAI NGƯỜI .....1 NTL ..... 2 GIA ĐÌNH NTL..... 3 CHỒNG/BẠN TRAI..... 4 GIA ĐÌNH CHỒNG/BẠN TRAI..... 5 KHÁC:.....6 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
<b>Tôi muốn hỏi về người chồng/bạn trai hiện tại hoặc người quan hệ gần đây nhất của chị</b>			
309	Anh ấy bao nhiêu tuổi?	TUỔI.....	
310	Anh ấy sinh năm nào?	NĂM .....19..... KHÔNG BIẾT .....98	
311	Anh ấy bao nhiêu tuổi vào năm anh chị kết hôn/bắt đầu chung sống	TUỔI ..... KHÔNG BIẾT..... 98	
312	Chị bao nhiêu tuổi vào năm anh chị kết hôn/bắt đầu chung sống?	Tuổi .....	
313	Anh ấy có biết đọc biết viết không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8	2, 8-> 317a

314	Anh ấy có đi học không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT.....8	2,8 -> 317a																												
315	Cấp học cao nhất đã hoàn thành của người chồng/bạn trai?	CHƯA XONG TIỂU HỌC.....0 TIỂU HỌC.....1 THCS.....2 THPT.....3 TRUNG CẤP NGHỀ .....4 CAO ĐẲNG.....5 ĐẠI HỌC.....6 THẠC SỸ.....7 TIẾN SỸ.....8 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ .....98 KHÔNG TRẢ LỜI.....99																													
316	Số năm đi học của chồng/bạn trai	SỐ NĂM ĐI HỌC..... KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ .....98 KHÔNG TRẢ LỜI.....99																													
317a	Anh ấy có/đã từng có trong 12 tháng qua những hành vi sau đây không? (KAD cho những người đã góa, ly dị, ly thân hơn 12 tháng) Uống rượu/Bia Cờ bạc Sử dụng chất gây nghiện/ma túy	<table border="0"> <tr> <td></td> <td></td> <td colspan="4">CÓ KHÔNG KB KAD</td> </tr> <tr> <td>A. UỐNG RƯỢU/BIA</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> <td></td> </tr> <tr> <td>B. CỜ BẠC</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> <td></td> </tr> <tr> <td>C. SỬ DỤNG MA TÚY</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> <td></td> </tr> </table>			CÓ KHÔNG KB KAD				A. UỐNG RƯỢU/BIA	1	2	8	7		B. CỜ BẠC	1	2	8	7		C. SỬ DỤNG MA TÚY	1	2	8	7		Nếu toàn bộ mã 2, 7 hoặc 8 -> 318a				
		CÓ KHÔNG KB KAD																													
A. UỐNG RƯỢU/BIA	1	2	8	7																											
B. CỜ BẠC	1	2	8	7																											
C. SỬ DỤNG MA TÚY	1	2	8	7																											
317b	Nếu có, mức độ thế nào trong 12 tháng qua?	<table border="0"> <tr> <td></td> <td></td> <td colspan="5">HN TVL TVL NVL KB KDA</td> </tr> <tr> <td>A. UỐNG RƯỢU/BIA</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>B. CỜ BẠC</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>C. SỬ DỤNG MA TÚY</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> </table>			HN TVL TVL NVL KB KDA					A. UỐNG RƯỢU/BIA	1	2	3	4	8	7	B. CỜ BẠC	1	2	3	4	8	7	C. SỬ DỤNG MA TÚY	1	2	3	4	8	7	
		HN TVL TVL NVL KB KDA																													
A. UỐNG RƯỢU/BIA	1	2	3	4	8	7																									
B. CỜ BẠC	1	2	3	4	8	7																									
C. SỬ DỤNG MA TÚY	1	2	3	4	8	7																									
318	Anh ấy đã từng chứng kiến hoặc từng bị bạo lực/ ngược đãi trong gia đình mình khi còn nhỏ không?	TỪNG CHỨNG KIẾN.....1 TRÁI QUA.....2 CHỨNG KIẾN VÀ TRÁI QUA.....3 CHƯA TỪNG .....4 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9																													
319	Chị đã bao giờ chứng kiến hoặc trải qua các hành vi bạo lực/ngược đãi trong gia đình mình khi còn nhỏ không?	TỪNG CHỨNG KIẾN.....1 TRÁI QUA.....2 CHỨNG KIẾN VÀ TRÁI QUA.....3 CHƯA TỪNG .....4 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9																													

## PHẦN 4: TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE

	CÂU HỎI	MÃ	BƯỚC CHUYỂN
<b>Bây giờ tôi xin hỏi chị về sức khỏe của chị và việc sử dụng các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe</b>			
401	Xin chị cho biết đánh giá chung về tình trạng sức khỏe của bản thân thuộc loại nào?	RẤT TỐT.....1 TỐT.....2 TRUNG BÌNH .....3 YẾU.....4 RẤT YẾU.....5 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	
402	Xin hỏi chị về tình trạng sức khỏe bản thân trong <b>4 tuần vừa qua</b> . Chị có gặp khó khăn gì về khả năng đi lại của mình không? Có 5 phương án, chị thấy phương án nào mô tả đúng nhất tình trạng của chị?	KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ GÌ.....1 CÓ RẤT ÍT KHÓ KHĂN.....2 CÓ MỘT VÀI KHÓ KHĂN.....3 CÓ NHIỀU KHÓ KHĂN .....4 KHÔNG THỂ ĐI ĐƯỢC.....5 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ .....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	
403	Trong <b>4 tuần vừa qua</b> , chị có gặp khó khăn trong hoạt động thông thường hàng ngày như lao động, học tập, làm việc nhà, tham gia các hoạt động xã hội hoặc của gia đình không?	KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ GÌ.....1 CÓ RẤT ÍT KHÓ KHĂN.....2 CÓ MỘT VÀI KHÓ KHĂN.....3 CÓ NHIỀU KHÓ KHĂN .....4 KHÔNG THỂ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG THÔNG THƯỜNG.....5 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ .....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	
404	<b>Trong 4 tuần qua</b> , chị có bị đau hoặc cảm thấy khó chịu không? Nếu có, thử mức độ như thế nào?	KHÔNG ĐAU/KHÔNG KHÓ CHỊU...1 HƠI ĐAU/HƠI KHÓ CHỊU .....2 ĐAU/KHÓ CHỊU VỪA PHẢI .....3 KHÁ ĐAU/KHÁ KHÓ CHỊU .....4 RẤT ĐAU HOẶC KHÓ CHỊU.....5 KHÔNG NHỚ/KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9	



411	Bây giờ tôi xin hỏi, trong cuộc đời, đã bao giờ chị từng nghĩ đến việc chấm dứt cuộc sống không?	CÓ.....1 KHÔNG..... 2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	2 -> 413
412	Chị đã bao giờ cố gắng để làm điều đó chưa? (tự tử)	CÓ..... 1 KHÔNG..... 2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	
413	Trong 12 tháng qua, chị có bị phẫu thuật lần nào không?(trừ mổ đẻ)	CÓ..... 1 KHÔNG..... 2 KHÔNG BIẾT.....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9	
414	Trong 12 tháng qua, chị đã phải vào viện/trạm xá/phòng khám... bao nhiêu lần vì bị ốm?	SỐ LẦN KHÔNG.....00 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....98 KHÔNG TRẢ LỜI..... 99	
415	Trong 12 tháng qua, chị có phải nằm lại qua đêm tại bệnh viện/trạm y tế vì ốm (không tính trường hợp sinh đẻ) không?	SỐ ĐÊM KHÔNG.....00 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....98 KHÔNG TRẢ LỜI..... 99	

## PHẦN 5: SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ CON CÁI

	CÂU HỎI	MÃ	BƯỚC CHUYỂN
501	Bây giờ tôi xin hỏi chị về những lần mang thai và sinh nở của chị. Chị đã từng mang thai chưa? (kể cả lần hiện tại)	CÓ .....1 KHÔNG.....2 KHÔNG CHẮC CHẮN.....3	2 -> 508 3 -> 508
502	Chị mang thai bao nhiêu lần rồi, kể cả những lần mang thai nhưng bị sảy?	TỔNG SỐ LẦN.....	
503	Chị có bao giờ mang thai rồi bị sảy hoặc chết lưu không? Bao nhiêu lần chị bị sảy thai, bao nhiêu lần sinh con bị chết ngay khi sinh, bao nhiêu lần nạo/hút thai?	A. SẢY THAI..... B. CHẾT LƯU..... C. NẠO HÚT/PHÁ THAI..... D KHÔNG LẦN NÀO..... 00	
504	Chị đã sinh bao nhiêu con (con sinh sống)?	SỐ CON SINH SỐNG..... KHÔNG LẦN NÀO.....00	00 -> 508
505	Chị có bao nhiêu con trai, bao nhiêu con gái? (Con đẻ)	SỐ CON GÁI ..... SỐ CON TRAI .....	
506	Chị có bao nhiêu con đẻ đang sống cùng?	SỐ CON ĐẸ ĐANG SỐNG CÙNG .....	
507	Bao nhiêu con đẻ đang sống ở nơi khác?	SỐ CON ĐANG SỐNG Ở NƠI KHÁC .....	
508	Ngoài con đẻ, hiện nay chị còn nuôi dưỡng bao nhiêu người con khác sống cùng trong nhà?	SỐ NGƯỜI CON KHÁC.....	
<b>Điều tra viên: Nếu người được hỏi không có con đẻ (Số 0 ở câu 504) và không có con nào khác phải nuôi (số 0 ở câu 508) thì chuyển sang phần 6.</b>			

509	Chị có bao nhiêu người con sống cùng chị đi học trong năm học 2010-2011 và 2011-2012?	<b>Năm học 2010 - 2011</b> SỐ CON TRAI..... SỐ CON GÁI..... KHÔNG ĐI HỌC..... 00  <b>Năm học 2011 -2012</b> SỐ CON TRAI..... SỐ CON GÁI..... KHÔNG ĐI HỌC..... 00	
<b>Điều tra viên:</b> <b>1. Nếu NTL không có con đi học trong cả hai năm học 2010-2011 và 2011 2012 -&gt; Phần 6</b> <b>2. Nếu NTL có con đi học trong năm học 2010-2011 nhưng không có con đi học trong năm học 2011-2012 -&gt; 514.</b> <b>3. Nếu NTL có con đi học trong năm học 2011-2012, hỏi tiếp 510.</b>			
510	XIN CHỊ CHO BIẾT LỚP HỌC CỦA CÁC CON CỦA CHỊ (Cho năm học 2011-2012) LỚP HỌC 00 = MẪU GIÁO 01-> 12 = TỪ 1-12 13 = TRUNG CẤP 14 = CAO ĐẲNG /ĐẠI HỌC TRỞ LÊN 98 = KHÔNG BIẾT/ KHÔNG NHỚ	<b>Lớp</b> A. CON THỨ 1..... B. CON THỨ 2..... C. CON THỨ 3..... D. CON THỨ 4..... E. CON THỨ 5..... F. CON THỨ 6.....	
511	Trong 12 tháng qua (năm học 2011-2012), chị đã trả bao nhiêu tiền học phí /XÂY DỰNG/CÁC LOẠI QUỸ... cho từng người con?  BẰNG TIỀN VIỆT . NẾU KHÔNG GHI SỐ 0.	<b>HỌC PHÍ (nghìn đồng)</b> A. CON THỨ 1..... B. CON THỨ 2..... C. CON THỨ 3..... D. CON THỨ 4..... E. CON THỨ 5..... F. CON THỨ 6.....	

512	Trong 12 tháng qua (năm học 2011-2012), chị đã trả bao nhiêu tiền chi phí đi lại cho con đến trường?  BẰNG TIỀN VIỆT. NẾU KHÔNG GHI SỐ 0.	<b>CHI PHÍ ĐI LẠI (nghìn đồng)</b> A. CON THỨ 1..... B. CON THỨ 2..... C. CON THỨ 3..... D. CON THỨ 4..... E. CON THỨ 5..... F. CON THỨ 6.....																																				
513	Những chi phí nào khác liên quan đến học tập của con cái mà chị phải trả trong năm học 2011-2012? ƯỚC TÍNH CHI PHÍ MUA SÁCH VỎ/DỤNG CỤ HỌC TẬP, ĐỒNG PHỤC/ HỌC THÊM/CÁC CHI PHÍ KHÁC (lễ, tết...)	<b>CHI PHÍ KHÁC (nghìn đồng)</b> A. CON THỨ 1..... B. CON THỨ 2..... C. CON THỨ 3..... D. CON THỨ 4..... E. CON THỨ 5..... F. CON THỨ 6.....																																				
514	Có người con nào của chị phải học đúp hoặc học kém trong năm học 2010-2011 không? Nếu có, là những người con nào (ghi theo câu 510) KAD đối với những trường hợp con học mẫu giáo và các con không bị học đúp, học kém.	<table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>HỌC ĐÚP</th> <th>HỌC KÉM</th> <th>K. BIẾT</th> <th>KAD</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A. CON THỨ 1</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>B. CON THỨ 2</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>C. CON THỨ 3</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>D. CON THỨ 4</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>E. CON THỨ 5</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>F. CON THỨ 6</td> <td>1</td> <td>2</td> <td>8</td> <td>7</td> </tr> </tbody> </table>		HỌC ĐÚP	HỌC KÉM	K. BIẾT	KAD	A. CON THỨ 1	1	2	8	7	B. CON THỨ 2	1	2	8	7	C. CON THỨ 3	1	2	8	7	D. CON THỨ 4	1	2	8	7	E. CON THỨ 5	1	2	8	7	F. CON THỨ 6	1	2	8	7	
	HỌC ĐÚP	HỌC KÉM	K. BIẾT	KAD																																		
A. CON THỨ 1	1	2	8	7																																		
B. CON THỨ 2	1	2	8	7																																		
C. CON THỨ 3	1	2	8	7																																		
D. CON THỨ 4	1	2	8	7																																		
E. CON THỨ 5	1	2	8	7																																		
F. CON THỨ 6	1	2	8	7																																		

## PHẦN 6: VIỆC LÀM VÀ SỬ DỤNG THỜI GIAN

	CÂU HỎI	MÃ	BƯỚC CHUYỂN
601	Một số phụ nữ đi làm để có thu nhập bằng tiền hoặc hiện vật. Có người buôn bán, kinh doanh nhỏ lẻ hoặc làm việc cho gia đình. Còn chị, hiện nay chị có việc làm không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2	2 -> 609
602	Trong những việc làm dưới đây, hiện nay chị đang tham gia những công việc gì? HỎI TỪNG VIỆC: - Việc làm hưởng lương hàng tháng? - Việc làm hưởng lương theo ngày? - Tự làm việc phi nông nghiệp? - Việc làm cho gia đình nhưng không được trả công, phi nông nghiệp? - Tự làm việc, thuần nông nghiệp? - Làm việc cho gia đình không được trả công, thuần nông nghiệp? - Khác?	VIỆC LÀM ĐƯỢC HƯỞNG LƯƠNG HÀNG THÁNG.....A VIỆC LÀM ĐƯỢC HƯỞNG LƯƠNG THEO NGÀY .....B TỰ LÀM VIỆC, PHI NÔNG NGHIỆP .....C LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, PHI NÔNG NGHIỆP .....D TỰ LÀM VIỆC, NÔNG NGHIỆP .....E LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, NÔNG NGHIỆP.....F KHÁC.....X (GHI RÕ)	
603	Loại việc nào chiếm nhiều thời gian nhất của chị? (việc chính)	VIỆC LÀM ĐƯỢC HƯỞNG LƯƠNG HÀNG THÁNG .....1 VIỆC LÀM ĐƯỢC HƯỞNG LƯƠNG THEO NGÀY .....2 TỰ LÀM VIỆC, PHI NÔNG NGHIỆP .....3 LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, PHI NÔNG NGHIỆP .....4 TỰ LÀM VIỆC, NÔNG NGHIỆP .....5 LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, NÔNG NGHIỆP .....6 KHÁC .....96 (GHI RÕ)	

604	Với công việc chính nêu trên, chị làm theo thời gian như thế nào? Làm suốt cả năm. Chỉ làm theo mùa/vào thời điểm nhất định trong năm. Chỉ khi nào tìm được việc thì làm	CẢ NĂM .....1 THEO MÙA HOẶC THỜI ĐIỂM NHẤT ĐỊNH TRONG NĂM .....2 KHI NÀO TÌM ĐƯỢC VIỆC.....3	
605	Trong 12 tháng qua, chị làm công việc chính trong bao nhiêu tháng? (TỔNG) Thu nhập từ công việc chính nêu trên là bao nhiêu?	SỐ THÁNG ..... THU NHẬP (nghìn đồng) ..... KHÔNG CÓ THU NHẬP 00	00->608
606	Thu nhập này được tính theo giờ, ngày, tuần, nửa tháng, tháng, hay cả năm?	THEO GIỜ.....1 THEO NGÀY.....2 THEO TUẦN.....3 NỬA THÁNG.....4 THEO THÁNG.....5 THEO NĂM.....6	
607	Chị sử dụng thu nhập này như thế nào? (Nhấn mạnh quyền kiểm soát đối với thu nhập)	SỬ DỤNG THEO Ý MÌNH.....1 TỰ NGUYỆN ĐƯA MỘT PHẦN CHO CHỒNG/ BẠN TRAI.....2 ĐƯA MỘT PHẦN CHO CHỒNG/ BẠN TRAI NHƯNG KHÔNG MUỐN.....3 TỰ NGUYỆN ĐƯA HẾT CHO CHỒNG/ BẠN .....4 ĐƯA HẾT CHO CHỒNG/BẠN TRAI NHƯNG KHÔNG MUỐN.....5 KHÁC .....6	
608	Chồng/bạn trai của chị có bao giờ sử dụng hay lấy một phần thu nhập/khoản tiết kiệm của chị mà không được chị đồng ý/ ưng thuận không? NẾU CÓ, mức độ thường xuyên anh ấy làm như vậy.	KHÔNG BAO GIỜ .....1 MỘT VÀI LẦN.....2 NHIỀU LẦN.....3 HẦU HẾT/TẤT CẢ MỌI LẦN.....4 KHÔNG BIẾT.....8	

609	Hằng ngày, chị đã dành bao nhiêu thời gian để làm việc nhà trong 7 ngày qua (Hỏi từng công việc)?		CÓ .....1 KHÔNG...2	THỜI GIAN TRUNG BÌNH / NGÀY TRONG 7 NGÀY QUA  GIỜ - PHÚT	
		Đi lấy nước			
		Lấy củi			
		Chăm sóc con cái			
		Là/ủ quần áo			
		Giặt quần áo			
		Quét dọn			
		Rửa bát			
		Rửa xe			
		Đổ rác			
		Nấu ăn			
		Chăm sóc người ốm			
		Mua sắm cho gđinh			
		Những việc khác			
610	Chồng/bạn trai của chị có đi làm không?	CÓ.....1 KHÔNG.....2 KHÔNG BIẾT/KTL.....8	2-> 616 8->Phần 7		
		KAD (trường hợp góa/ly hôn/chia tay trên 12 tháng, hiện không có bạn tình.....7	7->Phần 8		

611	Loại công việc nào sau đây mà anh ấy đang/đã từng làm (đối với người hiện tại góa, ly hôn)? HỎI TẤT CẢ CÁC VIỆC - Việc làm hưởng lương hàng tháng? - Việc làm hưởng lương theo ngày? - Tự làm việc phi nông nghiệp? - Việc làm cho gia đình nhưng không được trả công, phi nông nghiệp? - Tự làm việc, thuần nông nghiệp? - Làm việc cho gia đình không được trả công, thuần nông nghiệp? - Khác?	VIỆC LÀM ĐƯỢC TRẢ LƯƠNG HÀNG THÁNG.....A VIỆC LÀM ĐƯỢC TRẢ LƯƠNG THEO NGÀY .....B TỰ LÀM VIỆC, PHI NÔNG NGHIỆP.....C LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, PHI NÔNG NGHIỆP .....D TỰ LÀM VIỆC, NÔNG NGHIỆP.....E LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, NÔNG NGHIỆP.....F KHÁC.....X (GHI RÕ)	
612	Việc nào là việc làm chính của chồng/bạn trai chị? (việc anh ấy dành nhiều thời gian nhất)	VIỆC LÀM ĐƯỢC TRẢ LƯƠNG HÀNG THÁNG.....1 VIỆC LÀM ĐƯỢC TRẢ LƯƠNG THEO NGÀY .....2 TỰ LÀM VIỆC, PHI NÔNG NGHIỆP .....3 LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, PHI NÔNG NGHIỆP .....4 TỰ LÀM VIỆC, NÔNG NGHIỆP.....5 LÀM CHO GIA ĐÌNH KHÔNG ĐƯỢC TRẢ CÔNG, NÔNG NGHIỆP.....6 KHÁC .....96 (GHI RÕ)	
613	Với công việc chính nêu trên, anh ấy làm theo thời gian như thế nào? Làm suốt cả năm. Chỉ làm theo mùa/vào thời điểm nhất định trong năm. Chỉ khi nào tìm được việc thì làm.	CẢ NĂM.....1 THEO MÙA HOẶC THỜI ĐIỂM NHẤT ĐỊNH TRONG NĂM .....2 KHI NÀO TÌM ĐƯỢC VIỆC.....3 KHÔNG BIẾT .....8	

614	Trong 12 tháng qua, chồng/bạn trai của chị làm công việc chính trong bao nhiêu tháng?  (TỔNG) Thu nhập từ công việc chính nêu trên là bao nhiêu?	SỐ THÁNG ..... _ _ THU NHẬP ..... _ _ (nghìn đồng)  KHÔNG CÓ THU NHẬP.....00 KHÔNG BIẾT .....88	Nếu không biết hoặc không có thu nhập ->617
615	Thu nhập này được tính theo giờ, ngày, tuần, nửa tháng, tháng, hay cả năm?	THEO GIỜ.....1 THEO NGÀY.....2 THEO TUẦN.....3 NỬA THÁNG.....4 THEO THÁNG.....5 THEO NĂM .....6 KHÔNG BIẾT .....8	
616	Chồng/bạn trai của chị có sử dụng một phần thu nhập của anh ấy để chi tiêu cho gia đình không?	KHÔNG.....1 MỘT PHẦN.....2 TẤT CẢ.....3	
617	Chồng hoặc bạn trai của chị có tham gia làm việc nhà với chị không?  Mức độ anh ấy tham gia các công việc nhà sau đây trong 7 ngày qua như thế nào?	KAD.....7  CÓ.....1 KHÔNG.....2	BAO NHIÊU LẦN LÀM TRONG 7 NGÀY QUA? <i>Số lần</i>
		LẤY NƯỚC	
		LẤY CỬ	
		CHĂM SÓC CON CÁI	
		LÀ/UÌ QUẦN ÁO	
		GIẶT QUẦN ÁO	
		QUÉT DỌN	
		RỬA BÁT Đĩa	
		RỬA XE	
		ĐỔ RÁC	
		NẤU ĂN	
		CHĂM SÓC NGƯỜI ỐM	
		MUA SẴM CHO GIA ĐÌNH	
		NHỮNG VIỆC KHÁC	

## PHẦN 7: VAI TRÒ TRONG VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

Lưu ý: Không hỏi những phụ nữ góa/ly hôn/chia tay bạn trai trên 15 tháng

	CÂU HỎI	MÃ	
		CÓ	KHÔNG
701	Nhìn chung, chị và chồng/bạn trai hiện tại/gần đây nhất, có trò chuyện về những chủ đề sau đây không? Cụ thể  - Những chuyện xảy ra với anh trong ngày.  - Những chuyện xảy ra với chị trong ngày.  - Nỗi lo hoặc cảm xúc của chị.  - Nỗi lo hoặc cảm xúc của anh ấy.	CHUYỆN CỦA ANH ..... 1 CHUYỆN CỦA CHỊ.....1 LO LẮNG CỦA CHỊ..... 1 LO LẮNG CỦA ANH.....1	2 2 2 2
702	Trong gia đình chị, ai thường có tiếng nói quyết định với những việc sau:  - Việc chi tiêu của gia đình - Sử dụng biện pháp tránh thai - Về học hành của con cái - Chăm sóc khi con bị ốm - Hôn nhân của con cái	NTL = 1 CHỒNG/BẠN TRAI =2 NLT VÀ CHỒNG/BẠN TRAI CÙNG QUYẾT ĐỊNH = 3 NGƯỜI KHÁC (cả chồng hoặc bạn trai và người khác) = 4 NLT VÀ NGƯỜI KHÁC CÙNG QUYẾT ĐỊNH = 5 KHÔNG ÁP DỤNG = 7 A. CHI TIÊU VẬT TRONG GIA ĐÌNH..... ..... B. CHI VÀO VIỆC LỚN TRONG GIA ĐÌNH..... ..... C. TRÁNH THAI..... ..... D. HỌC HÀNH CỦA CON CÁI..... ..... E. SỨC KHỎE CỦA CON CÁI..... ..... F. HÔN NHÂN CỦA CON CÁI.....	

703	<b>Bây giờ tôi muốn hỏi chị về một số tình huống thường xảy ra với rất nhiều phụ nữ.</b> Hãy nghĩ đối với chồng/bạn trai hiện tại (hoặc gần đây nhất) của chị, những điều sau có thường đúng với anh ấy không?	LUÔN THỈNH KHÔNG LUÔN THỎANG BAO GIỜ			
	Ngăn cản chị gặp gỡ bạn bè (nam và nữ)	A. GẶP GỠ BẠN NỮ B. GẶP GỠ BẠN NAM	1 2 3 1 2 3		
	Hạn chế chị liên hệ với gia đình chị	C. LIÊN HỆ VỚI GIA ĐÌNH	1 2 3		
	Tra hỏi, lục vấn chị đi đâu mỗi khi chị ra ngoài	D. HỎI MỖI KHI RA NGOÀI	1 2 3		
	Bỏ bê hoặc đối xử khác biệt với chị	E. BỎ BÊ	1 2 3		
	Giận dữ nếu chị nói chuyện với người khác giới	F. GIẬN DỮ	1 2 3		
	Nghi ngờ chị không chung thủy	G. NGHI NGỜ	1 2 3		
	Muốn chị phải hỏi ý kiến trước khi chữa trị bệnh cho bản thân chị	H. CHỮA BỆNH	1 2 3		
	704	Trong 12 tháng qua chị có cãi nhau với chồng/bạn trai hiện tại hoặc gần đây nhất không? ở mức độ như thế nào?	KHÔNG BAO GIỜ.....1 VÀI LẦN TRONG NĂM.....2 HÀNG THÁNG.....3 HÀNG TUẦN/NGÀY ..... 4 KHÔNG BIẾT/KHÔNG NHỚ.....8 KHÔNG TRẢ LỜI .....9		

## PHẦN 8: THÁI ĐỘ/QUAN NIỆM ĐỐI VỚI VAI TRÒ GIỚI

Trong cộng đồng, mọi người có quan niệm khác nhau về gia đình và các hành vi được coi là phù hợp đối với nam giới và phụ nữ trong gia đình. Xin chị cho biết ý kiến của mình (đồng ý hay không đồng ý) với các quan niệm dưới đây. Không có câu trả lời nào là đúng và không có câu trả lời nào là sai.

CÂU HỎI SỐ	CÂU HỎI	MÃ
801	Một người vợ tốt phải luôn nghe lời chồng ngay cả khi không đồng ý	ĐỒNG Ý.....1 KHÔNG ĐỒNG Ý.....2 KHÔNG BIẾT/tùy trường hợp.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9
802	Những vấn đề của gia đình chỉ nên được thảo luận trong nội bộ gia đình	ĐỒNG Ý.....1 KHÔNG ĐỒNG Ý.....2 KHÔNG BIẾT/tùy trường hợp.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9
803	Người chồng cần thể hiện cho vợ biết ai là chủ trong gia đình	ĐỒNG Ý.....1 KHÔNG ĐỒNG Ý.....2 KHÔNG BIẾT/tùy trường hợp.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9
804	Người vợ có thể tự lựa chọn bạn bè ngay cả khi chồng không đồng ý	ĐỒNG Ý.....1 KHÔNG ĐỒNG Ý.....2 KHÔNG BIẾT/tùy trường hợp.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9
805	Nghĩa vụ của người vợ là phải quan hệ tình dục với chồng ngay cả khi không muốn	ĐỒNG Ý.....1 KHÔNG ĐỒNG Ý.....2 KHÔNG BIẾT/tùy trường hợp.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9
806	Nếu người chồng đối xử tệ bạc với vợ, những người ngoài [gia đình] nên can thiệp	ĐỒNG Ý.....1 KHÔNG ĐỒNG Ý.....2 KHÔNG BIẾT/tùy trường hợp.....8 KHÔNG TRẢ LỜI.....9

807	Theo chị, người chồng có thể đánh vợ trong những trường hợp sau không: a. Người vợ không làm tốt việc nhà theo quan điểm của chồng b. Vợ không nghe lời chồng c. Vợ từ chối quan hệ tình dục với chồng d. Người vợ hỏi chồng liệu anh ấy có bạn gái e. Nghi ngờ vợ không chung thủy f. Biết được người vợ không chung thủy	KB: KHÔNG BIẾT			
			CÓ	KHÔNG	KB
		A. VIỆC NHÀ	1	2	8
		B. KHÔNG NGHE LỜI	1	2	8
		C. KHÔNG QUAN HỆ TD	1	2	8
		D. CHỒNG CÓ BẠN GÁI	1	2	8
E. NGHI NGỜ	1	2	8		
	F. KHÔNG CHUNG THỦY	1	2	8	
808	Theo chị, một người phụ nữ đã lập gia đình có thể từ chối quan hệ tình dục với chồng trong các tình huống sau không? a. Khi cô ấy không muốn b. Khi chồng say rượu c. Khi cô ấy ốm/mệt mỏi d. Khi chồng đối xử tệ bạc		CÓ	KHÔNG	KB
		A. KHÔNG MUỐN	1	2	8
		B. SAY RƯỢU	1	2	8
		C. ỐM	1	2	8
		D. ĐỐI XỬ TỆ BẠC	1	2	8
809	Theo chị, người chồng có thể từ chối quan hệ tình dục với vợ trong các tình huống sau không? a. Khi anh ta không muốn b. Khi anh ta bị ốm/mệt mỏi c. Khi vợ đối xử tệ bạc		CÓ	KHÔNG	KB
		A. KHÔNG MUỐN	1	2	8
		B. ỐM	1	2	8
		C. ĐỐI XỬ TỆ BẠC	1	2	8

## PHẦN 9: QUÁ TRÌNH BẠO LỰC GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

Khi hai người kết hôn hoặc chung sống với nhau, họ thường chia sẻ cùng nhau những niềm vui và nỗi buồn. Tôi muốn hỏi chị một số câu hỏi về mối quan hệ hiện tại/ hoặc gần nhất của chị và muốn biết người chồng hoặc bạn trai của chị đối xử với chị thế nào. Nếu có ai xen vào giữa câu chuyện của chúng ta, tôi sẽ chuyển sang các câu hỏi khác. Tôi muốn nhắc lại là các câu trả lời của chị sẽ được giữ kín và chị không cần trả lời các câu hỏi nào mà chị không muốn.

Câu hỏi dưới đây sẽ hỏi về những chuyện xảy ra đối với nhiều phụ nữ và người chồng/ bạn trai của chị có thể cũng từng làm thế với chị.

		a) (NẾU CÓ hỏi tiếp cột b)		b) Điều này có xảy ra trong 12 tháng qua không (NẾU CÓ, hỏi c và d, nếu KHÔNG hỏi cột d)			c) trong 12 tháng qua, mức độ xảy ra như thế nào?			d) Trước 12 tháng qua, mức độ xảy ra như thế nào?			
		CÓ	KHÔNG	CÓ	KHÔNG	MỘT LẦN	VÀI LẦN	NHIỀU LẦN	MỘT LẦN	VÀI LẦN	NHIỀU LẦN	KHÔNG -> hỏi đồng tiếp theo	
901	Chị có thể cho biết người chồng/ bạn trai hiện nay (hoặc gần đây nhất) của chị đã bao giờ từng												
	A. Sĩ nhục chị/lãng mạ chị hoặc làm cho chị cảm thấy rất tồi tệ	1	2	1	2	1	2	3	1	2	3	4	
	B. Coi thường hoặc làm chị bẽ mặt trước những người khác	1	2	1	2	1	2	3	1	2	3	4	
	C. Đe dọa, dọa nạt bằng bất cứ cách nào (như quắc mắt, quát mắng, đập phá đồ đạc)	1	2	1	2	1	2	3	1	2	3	4	
	D. Đe dọa đánh đập chị hoặc người chị yêu quý (như người thân trong gia đình ruột của chị)	1	2	1	2	1	2	3	1	2	3	4	

902	Chồng/bạn trai chị từng có những hành vi sau đây với chị không?				
	A. Tát	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	B. Ném đồ vật làm chị bị đau/CÓ THỂ bị thương	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	C. Đẩy hoặc xô thứ gì vào chị, kéo tóc chị	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	D. Đấm hoặc đánh bằng vật gì đó làm chị bị đau/CÓ THỂ bị thương	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	E. Đá và kéo lê, đánh đập tàn nhẫn	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	F. Bóp cổ, làm nghẹt thở, làm bỏng chị bằng cách nào đó	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
903	Chồng/bạn trai của chị có các hành vi sau đây với chị không?				
	A. Quan hệ tình dục khi chị không muốn	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	B. Ép buộc chị phải có hành vi kích dục mà chị thấy nhục nhã, hạ thấp nhân phẩm	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	C. Buộc phải QHTD khi chị không muốn bởi vì sợ những gì anh ấy đe dọa	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4
	D. Dùng vũ lực cưỡng ép chị phải QHTD khi chị không muốn	1 2	1 2	1 2 3	1 2 3 4

Trường hợp cột a ở các câu 901 -> 903 toàn bộ là mã 2 -> phần 10

Những trường hợp phụ nữ góa, ly dị, ly thân/chia tay bạn trai trên 15 tháng -> phần 10

904 Chị có nhớ những hành vi chị nêu trên đã xảy ra bao nhiêu lần trong 15 tháng qua? — lần				
NẾU SỐ LẦN = 0 - PHẦN 10				
LẦN BAO LỊCH 1				
a) Chị hãy kể về lần xảy ra gần đây nhất. Đó là khi nào?	3 Tháng qua..1 6 Tháng qua..2 12 Tháng qua..3 15 Tháng qua..4 KHÔNG NHỚ/ KHÔNG BIẾT..8			
b) Điều gì đã xảy ra trong lần gần đây nhất? KHÔNG ĐỌC MÀ CHỈ GHI CẦU TRẢ LỜI PHÙ HỢP VỚI TẤT CẢ CÁC PHƯƠNG ÁN DƯỚI ĐÂY	Bị sỉ nhục/lãng mạ.....A Coi thường/làm bé mặt/hạ nhục chị trước mặt người khác.....B Các hành vi đe dọa hoặc hăm dọa có chủ đích.....C Đe dọa đánh đập chị hoặc những người mà chị yêu quý.....D Bị tát.....E Ném một vật gì đó có thể làm chị bị thương/đau.....F Đẩy hoặc xô.....G Đấm hoặc đánh bằng vật gì đó có thể làm chị bị thương/đau.....H Đá, kéo lê hoặc đánh đập.....I Bóp cổ hoặc làm bị bỏng có chủ đích.....J Đe dọa sử dụng hoặc thực tế đã sử dụng súng, dao hoặc các vũ khí khác.....K Quan hệ tình dục khi không muốn.....L Bị ép thực hiện các hành vi kích dục gây cảm giác nhục nhã hoặc hạ thấp nhân phẩm.....M Quan hệ tình dục vì lo sợ người chồng có thể làm điều gì đó.....N Bị cưỡng ép bằng vũ lực để quan hệ tình dục khi không muốn.....O	c) Chị có bị thương DO lần xô xát/bạo lực này không? Đánh dấu những phương án phù hợp KHÔNG ĐỌC MÀ CHỈ GHI CẦU TRẢ LỜI PHÙ HỢP VỚI TẤT CẢ CÁC PHƯƠNG ÁN DƯỚI ĐÂY CÓ 1 KHÔNG 2 →	d) Chị có khám và điều trị y tế sau lần bị xô xát/bạo lực này không? CÓ 1 KHÔNG 2 →	e) Chị có phải nghỉ làm sau lần bị bạo lực này không? CÓ 1 KHÔNG 2 →
	Nếu có, chị đã phải chịu đựng những thương tích nào? CÓ KHÔNG A. ĐÚT (CHÂN, TAY), BỊ RẠCH/ĐÁM THÚNG 1 2 B. XƯỚC DA, TRẦY DA, BỊ THÂM TÌM 1 2 C. BONG GÁN, TẼO XƯƠNG 1 2 D. BỊ BÔNG 1 2 E- BỊ THƯƠNG NẶNG, VẾT ĐÚT SÂU, VẾT THƯƠNG DÀI VÀ SÂU 1 2 F. THÙNG MÀNG NHÍ, BỊ THƯƠNG Ở MẮT 1 2 G. RẠN, GẤY XƯƠNG 1 2 H. GẤY RĂNG 1 2 I. KHÁC.....96 (CỤ THỂ)	NẾU CÓ, A)Chị có tới BỆNH VIỆN 1 2 TRUNG TÂM Y TẾ 1 2 TRẠM Y TẾ 1 2 NHA KHOA 1 2 THẦY LANG/ ĐÔNG Y 1 2 KHÁC.....96 (CỤ THỂ) B) Chị đã phải chi phí bao nhiêu tiền?(nghe in đóng) A. PHÍ DỊCH VỤ B. ĐI LẠI..... C. THUỐC MEN D. KHÁC(GHI RÕ).....	A) NẾU CÓ, chị đã nghỉ bao nhiêu ngày cho lần bị bạo lực này? □ □ B) Chị có được trả lương cho những ngày nghỉ này không? □ □ C) Chị được trả bao nhiêu ngày lương trong tổng số những ngày chị đã nghỉ? .....ngày	

904 (tiếp tục)	f) Chị có phải dừng làm các công việc nội trợ sau lần bị bạo lực này không?  NẾU PHƯƠNG ÁN C (DƯỚI ĐÂY) ĐƯỢC ĐỂ CẤP THÌ CHUYỂN SANG HỎI CỘT g (ở cột bên) NẾU NGƯỜI TRẢ LỜI CHỌN PHƯƠNG ÁN KHÔNG HOẶC KHÔNG CHỌN PHƯƠNG ÁN C THÌ CHUYỂN SANG HỎI CỘT h	g) Chị nói rằng chị không thể chăm sóc con, vậy ai đã cho con của chị ăn, hay chúng phải tự lo ăn? – NẾU CÓ CON DƯỚI 5 TUỔI	h) Có bất cứ đứa con nào của chị phải nghỉ học sau vụ bạo lực này không? NẾU CÓ CON ĐANG LÀ HỌC SINH	i) Chống của chị có phải nghỉ làm sau khi bạo lực xảy ra không?
	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2
LẦN BẠO LỰC 1	NẾU CÓ, thì những công việc nào chị đã phải dừng không làm? (Khoanh các phương án thích hợp) A. LẤY/XÁCH NƯỚC B. LẤY CỬI C. CHĂM SÓC CON CÁI → cột g D. LÀ/ÙI QUẦN ÁO E. GIẶT QUẦN ÁO F. QUÉT DỌN G. RỬA BÁT ĐĨA H. RỬA XE I. ĐỔ RÁC J. NẤU ĂN K. CHĂM SÓC NGƯỜI ỐM L. MUA SẮM CHO GIA ĐÌNH M. CÁC VIỆC NỘI TRỢ KHÁC	CON ĐƯỢC NGƯỜI KHÁC CHO ĂN.....1 CON PHẢI TỰ ĂN.....2 BỊ BỎ ĐÓI.....3	NẾU CÓ, A. Số ngày phải nghỉ học? -- ngày	NẾU CÓ, A. Chống chị nghỉ làm bao nhiêu ngày vì vụ bạo lực này? .....ngày B. Chống của chị có được trả lương cho những ngày đã nghỉ không? CÓ.....1 KHÔNG.....2 → CỘT j KHÔNG BIẾT.....9 → CỘT j C. Số ngày được trả lương trong tổng số ngày đã nghỉ của chống chị? .....ngày

904 (tiếp tục)	j) Chống của chị có thôi hoặc bớt làm các công việc mà anh ấy thường làm trong gia đình không?	l) Chị / người nhà chị có đến báo công an sau khi xảy ra bạo lực không?	m) Chị có phải trả cho họ bất cứ khoản tiền nào không?	n) Chống/ban trai của chị có bị bắt không?	o) Chị có rời/bỏ nhà sau khi bị bạo lực không?	p) Chị có đệ đơn kiện sau khi bạo lực xảy ra không?
	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	CÓ 1 ↓ KHÔNG 2
LẦN BẠO LỰC 1	NẾU CÓ, những việc gì anh ấy đã không làm? (Khoanh các phương án thích hợp) A. LẤY/XÁCH NƯỚC B. LẤY CỬI C. CHĂM SÓC CON CÁI D. LÀ/ÙI QUẦN ÁO E. GIẶT QUẦN ÁO F. QUÉT DỌN G. RỬA BÁT ĐĨA H. RỬA XE I. ĐỔ RÁC J. NẤU ĂN K. CHĂM SÓC NGƯỜI ỐM L. MUA SẮM CHO GIA ĐÌNH M. CÁC VIỆC NỘI TRỢ KHÁC	l) Chị / người nhà chị có đến báo công an sau khi xảy ra bạo lực không? CÓ 1 ↓ KHÔNG 2 → o	m) Chị có phải trả cho họ bất cứ khoản tiền nào không? CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	n) Chống/ban trai của chị có bị bắt không? CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	o) Chị có rời/bỏ nhà sau khi bị bạo lực không? CÓ 1 ↓ KHÔNG 2	p) Chị có đệ đơn kiện sau khi bạo lực xảy ra không? CÓ 1 ↓ KHÔNG 2 → r
	A. NẾU CÓ, những đồ dùng nào? Chọn hơn 1 BÁT ĐĨA XOONG NỒI.....A ĐỒ DÙNG.....B TV, RADIO.....C XE CỘ.....D SỮA NHÀ.....E KB/KHÔNG NHỚ.....F B. CHỊ PHẢI CHI TRẢ HẾT BAO NHIÊU TIỀN? (TỔNG SỐ) ..... (Ngàn đồng)	NẾU CÓ, A. Chị có phải chi trả cho việc đi lại không? CÓ.....1 KHÔNG.....2 B. NẾU CÓ, chị đã phải trả bao nhiêu tiền? ĐI LẠI ..... ngàn đồng (KHÔNG TÍNH TỰ ĐI, KHÔNG PHẢI TRẢ TIỀN)	NẾU CÓ, Chị đã phải trả bao nhiêu? (Ngàn đồng)	NẾU CÓ, A. Chị có phải trả phí/nộp phạt không? Nộp phạt.....A Phí hành chính.... B Không trả gì..... C → Cột o B. Chị phải nộp tổng số bao nhiêu tiền? ..... (ngàn đồng)	NẾU CÓ, A. Chị đã đến đâu để ở? Nhà tạm lánh 1 2 Gia đình/ người thân 1 2 Bạn bè 1 2 Địa chỉ an toàn 1 2 (nhà trường thôn/ phụ nữ...) Nhà nghỉ/ khách sạn 1 2 KHÁC .....96 (CỤ THỂ) B. Chị phải ở đây trong bao nhiêu lâu? SỐ NGÀY..... C. Chị có phải chi trả bất cứ khoản nào cho những ngày ở đây không? 1. Có 2. Không D. NẾU CÓ, TỔNG CHI PHÍ.....	NẾU CÓ, A. Chị có phải trả bất cứ khoản gì không? CÓ.....1 KHÔNG.....2 B. Chị phải trả bao nhiêu? B1) Chi phí kiện tụng ..... B2) Chi phí đi lại ..... (chi phí kiện tụng bao gồm tất cả các phí nộp đơn, phí cho luật sư/ khoản không chính thức khác...)

904 (tiếp tục)	q) Đơn kiện có được đưa ra xét xử ở tòa án không? CÓ KHÔNG 1 2 ↓	r) Chị có phải gặp giải quyết vụ việc với bất kỳ các cán bộ quản lý ở địa phương khác nữa sau khi bạo lực xảy ra không? (kể cả việc hòa giải) CÓ KHÔNG 1 2	s) Chúng ta đã trò chuyện về các loại chi phí mà chị đã phải chi trả. Chị đã dùng tiền cá nhân để trang trải những khoản này? Chồng chị có trả phần nào không? Gia đình của chị (bên ngoài) có hỗ trợ chi trả một phần nào đó không? HỎI THÔNG TIN DƯỚI NẾU CÓ BẤT CỬ CHI PHÍ NÀO ĐƯỢC ĐỀ CẬP	t) Tôi hiểu rằng, những sự việc xảy ra vừa qua thật khó khăn để vượt qua. Chị có trải qua/cảm nhận bất cứ tâm trạng nào dưới đây xuất phát từ việc bị bạo lực?
LẦN BẠO LỰC 1	NẾU CÓ, chị có phải trả bất cứ chi phí nào cho tòa án, luật sư và các chi phí khác không? A. TÒA ÁN..... B. LUẬT SƯ..... C. ĐI LẠI .....	904rA Chị đã đến đâu? HỘI PHỤ NỮ.....A TRƯỞNG THÔN.....B NHÂN VIÊN TƯ PHÁP.....C UBND.....D 904rB Chị có phải chi phí không? Bao nhiêu tiền? A Đi lại.....B Lệ phí..... 904rC Có cuộc họp hòa giải nào được tiến hành không? CÓ.....1 KHÔNG.....2 904rD Chị có phải chịu chi phí nào không? Bao nhiêu tiền? A Đi lại..... B Lệ phí.....	BẢN THÂN .....A CHỒNG.....B GIA ĐÌNH (BÊN NGOÀI).....C BẢN THÂN VÀ CHỒNG.....D BẢN THÂN VÀ GIA ĐÌNH BÊN NGOÀI.....E BẢN THÂN/GIA ĐÌNH BÊN NGOÀI/CHỒNG.....F KHÁC (GHI RÕ).....G KHÔNG AI CHI TRẢ .....H (Trong số nêu trên) KHÔNG CÓ CHI PHÍ.....7	CÓ KHÔNG A. CÔNG VIỆC HÀNG NGÀY BỊ ẢNH HƯỞNG ..... 1 2 B. CẢM GIÁC KHÔNG THỂ THAM GIA NHỮNG HOẠT ĐỘNG HỮU ÍCH CỦA CUỘC SỐNG .....1 2 C. CẢM THẤY KHÓ THỰC HIỆN NHỮNG HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY .....1 2 D. CÓ Ý ĐỊNH CHẤM DỨT CUỘC SỐNG/TỰ TỬ... .....1 2

## PHẦN 10: HỖ TRỢ XÃ HỘI VÀ MONG ĐỢI

1001	Trong những năm chị sống ở đây, chị có bao giờ nhận được sự giúp đỡ hay hỗ trợ của các tổ chức, đoàn thể về: Chăm sóc sức khỏe cho người lớn? Giáo dục dành cho người lớn? Thực phẩm, nhà tạm lánh hoặc những vật dụng thiết yếu cho cuộc sống? Việc làm Chăm sóc và phát triển dành cho trẻ em Khác	KHÔNG CÓ
	A. CHĂM SÓC SỨC KHỎE B. GIÁO DỤC C. THỰC PHẨM/ NHÀ TẠM LÁNH D. VIỆC LÀM E. CHĂM SÓC TRẺ EM F. KHÁC..... (GHI RÕ)	1 2 1 2 1 2 1 2 1 2 96
1002	CHO ĐẾN NAY, CHỊ THẤY ĐIỀU GÌ ĐEM LẠI HẠNH PHÚC CHO CHỊ TRONG CUỘC SỐNG?	..... ..... .....
1003	ĐIỀU GÌ MANG LẠI HY VỌNG CHO TƯƠNG LAI CỦA CHỊ?	..... ..... .....

Với những người từng bị bạo lực: Tôi biết rằng cuộc trò chuyện này đối với chị rất khó khăn và có thể gợi lại nhiều nỗi niềm tâm sự. Nếu chị lo lắng, chị hãy nói chuyện với các cán bộ phụ nữ địa phương, họ sẵn sàng giúp chị và giới thiệu chị tới các tổ chức giúp đỡ.

**Cảm ơn chị đã dành thời gian trò chuyện!**

## PHỤ LỤC III: CÁC BẢNG CHI TIẾT

**Bảng 1: Bạo lực gia đình phân tích theo thang tài sản 5 nấc**

**Bảng 1.1: Bạo lực gia đình phải trải qua trong quá khứ phân tích theo thang tài sản 5 nấc**

Loại hành vi bạo hành phải trải qua trong đời	Giàu nhất	2	3	4	Nghèo nhất
<b>Bạo hành tâm lý</b>					
Sỉ nhục, lăng mạ hoặc làm cho người phụ nữ cảm thấy rất tồi tệ	32	38,6	42,4	41,4	47
Coi thường hoặc làm người phụ nữ bẽ mặt trước người khác	19,7	22,8	23,6	25,1	28,2
Đe dọa, dọa nạt (la hét, ném, đập phá đồ vật)	26,6	34,7	39,4	36,9	38,1
Đe dọa đánh đập người phụ nữ hoặc những người mà người phụ nữ yêu quý	12,8	16,3	17,2	27,1	26,2
<b>Bạo hành thể chất</b>					
Tát	33,5	36,1	37,4	39,9	42,6
Ném đồ vật có thể gây thương tích	10,8	13,9	15,3	16,7	17,8
Xô hoặc đẩy	10,8	16,8	16,7	21,7	19,3
Đánh bằng tay hoặc vật khác có thể gây thương tích	9,9	15,3	17,7	20,7	20,8
Đá, kéo lê, hoặc đánh đập người phụ nữ	6,9	7,9	11,8	10,8	12,4
Bóp cổ hoặc đốt có chủ ý	4,4	5,4	3	4,4	5,9
Đe dọa hoặc thực sự sử dụng súng, dao, hoặc vũ khí khác	4,4	6,9	6,9	5,4	6,9
<b>Bạo hành tình dục</b>					
Quan hệ tình dục khi phụ nữ không muốn	28,1	26,7	27,6	25,1	26,7
Cưỡng ép phụ nữ thực hiện hành vi kích dục mang tính làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm	4,4	4	3,9	2	3
Phải quan hệ tình dục mặc dù không muốn vì sợ	4,4	3,5	3,9	6,4	7,9
Dùng bạo lực để cưỡng ép quan hệ tình dục	3,9	5	3	4,4	4

**Bảng 1.2: Bạo lực gia đình phải trải qua trong hiện tại phân tích theo thang tài sản 5 nấc**

Loại hành vi bạo hành phải trải qua trong vòng 12 tháng gần đây	Giàu nhất	2	3	4	Nghèo nhất
<b>Bạo hành tâm lý</b>					
Sỉ nhục, lăng mạ hoặc làm cho người phụ nữ cảm thấy rất tồi tệ	16,7	21,8	24,1	30	31,2
Coi thường hoặc làm người phụ nữ bẽ mặt trước người khác	11,3	16,8	13,3	18,2	17,3
Đe dọa, dọa nạt (la hét, ném, đập phá đồ vật)	11,8	18,3	22,2	23,6	25,7
Đe dọa đánh đập người phụ nữ hoặc những người mà người phụ nữ yêu quý	6,9	11,9	11,8	18,2	16,3
<b>Bạo hành thể chất</b>					
Tát	12,3	11,9	10,8	16,7	17,8
Ném đồ vật có thể gây thương tích	5,4	6,4	5,4	8,9	11,4
Xô hoặc đẩy	5,9	8,4	5,9	11,8	10,9
Đánh bằng tay hoặc vật khác có thể gây thương tích	3,9	6,9	6,9	11,3	11,4
Đá, kéo lê, hoặc đánh đập người phụ nữ	3	5,9	4,4	6,4	8,4
Bóp cổ hoặc đốt có chủ ý	2,5	3	1,5	2,5	2,5
Đe dọa hoặc thực sự sử dụng súng, dao, hoặc vũ khí khác	2	3	3	3	4
<b>Bạo hành tình dục</b>					
Quan hệ tình dục khi phụ nữ không muốn	14,8	15,8	16,7	15,8	15,3
Cưỡng ép phụ nữ thực hiện hành vi kích dục mang tính làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm	2	2,5	1,5	0,5	1
Phải quan hệ tình dục mặc dù không muốn vì sợ	2,5	2,5	1,5	3,9	4,5
Dùng bạo lực để cưỡng ép quan hệ tình dục	1,5	3,5	1	3,4	2,5

**Bảng 2: Bạo lực gia đình phân tích theo trình độ giáo dục của phụ nữ**

**Bảng 2.1: Trình độ giáo dục của phụ nữ và Bạo hành tâm lý**

Trình độ giáo dục của phụ nữ	Sỉ nhục, lăng mạ hoặc làm cho người phụ nữ cảm thấy rất tồi tệ		Coi thường hoặc làm người phụ nữ bẽ mặt trước người khác		Đe dọa, dọa nạt (la hét, ném, đập phá đồ vật)		Đe dọa đánh đập người phụ nữ hoặc những người mà người phụ nữ yêu quý	
	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko
Chưa hoàn thành tiểu học (n=78)	51,3	48,7	37,2	62,8	44,9	55,1	26,9	73,1
Tiểu học (n=248)	47,2	52,8	29,8	70,2	40,7	59,3	26,2	73,8
Trung học cơ sở (n=324)	43,5	56,5	24,7	75,3	41,7	58,3	22,8	77,2
Trung học phổ thông (n=218)	35,3	64,7	18,3	81,7	30,3	69,7	14,2	85,8
Sơ cấp/trung cấp nghề (n=91)	30,8	69,2	19,8	80,2	25,3	74,7	14,3	85,7
Cao đẳng (n=16)	18,8	81,3	12,5	87,5	6,3	93,8	0	100
Đại học (n=56)	17,9	82,1	16,1	83,9	17,9	82,1	7,1	92,9

**Bảng 2.2: Trình độ giáo dục của phụ nữ và Bạo hành thể chất**

Trình độ giáo dục của phụ nữ	Tát		Ném đồ vật có thể gây thương tích		Xô hoặc đẩy		Đánh bằng tay hoặc vật khác có thể gây thương tích		Đá, kéo lê, hoặc đánh đập người phụ nữ		Bóp cổ hoặc đốt có chủ ý		Đe dọa hoặc thực sự sử dụng súng, dao, hoặc vũ khí khác	
	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko
Chưa hoàn thành tiểu học (n=78)	53,8	46,2	23,1	76,9	33,3	66,7	29,5	70,5	19,2	80,8	9	91	12,8	87,2
Tiểu học (n=248)	42,7	57,3	19	81	23,4	76,6	23,4	76,6	14,5	85,5	7,7	92,3	9,7	90,3
Trung học cơ sở (n=324)	40,4	59,6	18,5	81,5	17	83	18,5	81,5	10,8	89,2	4	96	6,8	93,2
Trung học phổ thông (n=218)	32,1	67,9	10,1	89,9	12,8	87,2	13,3	86,7	6	94	3,7	96,3	4,6	95,4
Sơ cấp/trung cấp nghề (n=91)	33	67	11	89	11	89	9,9	90,1	6,6	93,4	2,2	97,8	2,2	97,8
Cao đẳng (n=16)	12,5	87,5	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100
Đại học (n=56)	12,5	87,5	5,4	94,6	7,1	92,9	0	100	1,8	98,2	4	96	6,8	93,2

**Bảng 2.3:** Trình độ giáo dục của phụ nữ và Bạo hành tình dục

Trình độ giáo dục của phụ nữ	Quan hệ tình dục khi phụ nữ không muốn		Cưỡng ép thực hiện hành vi kích dục mang tính làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm		Phải quan hệ tình dục mặc dù không muốn vì sợ		Dùng bạo lực để cưỡng ép quan hệ tình dục	
	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko
Chưa hoàn thành tiểu học (n=78)	28,2	71,8	2,6	97,4	7,7	92,3	7,7	92,3
Tiểu học (n=248)	25	75	2	98	4,4	95,6	5,6	94,4
Trung học cơ sở (n=324)	29,3	70,7	5,2	94,8	6,8	93,2	3,7	96,3
Trung học phổ thông (n=218)	26,6	73,4	4,6	95,4	4,1	95,9	3,7	96,3
Sơ cấp/trung cấp nghề (n=91)	28,6	71,4	3,3	96,7	3,3	96,7	3,3	96,7
Cao đẳng (n=16)	37,5	62,5	0	100	0	100	0	100
Đại học (n=56)	16,1	83,9	0	100	1,8	98,2	1,8	98,2

**Bảng 3.2:** Trình độ giáo dục của chồng/bạn tình và Bạo hành thể chất (%)

Trình độ giáo dục của phụ nữ	Tát		Ném đồ vật có thể gây thương tích		Xô hoặc đẩy		Đánh bằng tay hoặc vật khác có thể gây thương tích		Đá, kéo lê, hoặc đánh đập người phụ nữ		Bóp cổ hoặc đốt có chủ ý		Đe dọa hoặc thực sự sử dụng súng, dao, hoặc vũ khí khác	
	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko
Chưa hoàn thành tiểu học (n=68)	52,9	47,1	23,5	76,5	26,5	73,5	27,9	72,1	16,2	83,8	5,9	94,1	13,2	86,8
Tiểu học (n=228)	46,1	53,9	22,8	77,2	26,8	73,2	26,3	73,7	16,2	83,8	8,8	91,2	11,8	88,2
Trung học cơ sở (n=303)	41,6	58,4	15,8	84,2	16,5	83,5	16,2	83,8	9,6	90,4	3,6	96,4	5,9	94,1
Trung học phổ thông (n=203)	36	64	13,3	86,7	14,8	85,2	15,8	84,2	9,4	90,6	4,9	95,1	5,4	94,6
Sơ cấp/trung cấp nghề (n=75)	20	80	2,7	97,3	1,3	98,7	4	96	1,3	98,7	2,7	97,3	1,3	98,7
Cao đẳng (n=35)	11,4	88,6	8,6	91,4	8,6	91,4	5,7	94,3	5,7	94,3	2,9	97,1	5,7	94,3
Đại học (n=85)	21,2	78,8	4,7	95,3	9,4	90,6	4,7	95,3	3,5	96,5	2,4	97,6	0	100
Tiến sỹ (n=5)	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100	0	100

**Bảng 3:** Bạo lực gia đình phân tích theo trình độ giáo dục của chồng/bạn tình

**Bảng 3.1:** Trình độ giáo dục của chồng/bạn tình và Bạo hành tâm lý (%)

Trình độ giáo dục của phụ nữ	Sỉ nhục, lăng mạ hoặc làm cho người phụ nữ cảm thấy rất tồi tệ		Coi thường hoặc làm người phụ nữ bé mặt trước người khác		Đe dọa, dọa nạt (la hét, ném, đập phá đồ vật)		Đe dọa đánh đập người phụ nữ hoặc những người phụ nữ yêu quý	
	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko
Chưa hoàn thành tiểu học (n=68)	58,8	41,2	36,8	63,2	48,5	51,5	44,1	55,9
Tiểu học (n=228)	52,2	47,8	33,3	66,7	47,4	52,6	25,9	74,1
Trung học cơ sở (n=303)	43,2	56,8	22,4	77,6	35	65	20,1	79,9
Trung học phổ thông (n=203)	36,5	63,5	21,2	78,8	38,4	61,6	16,7	83,3
Sơ cấp/trung cấp nghề (n=75)	24	76	14,7	85,3	21,3	78,7	12	88
Cao đẳng (n=35)	22,9	77,1	17,1	82,9	17,1	82,9	8,6	91,4
Đại học (n=85)	22,4	77,6	20	80	18,8	81,2	5,9	94,1
Tiến sỹ (n=5)	0	100	0	100	0	100	0	100

**Bảng 3.3:** Trình độ giáo dục của phụ nữ và Bạo hành tình dục

Trình độ giáo dục của phụ nữ	Quan hệ tình dục khi phụ nữ không muốn		Cưỡng ép thực hiện hành vi kích dục mang tính làm nhục hoặc hạ thấp nhân phẩm		Phải quan hệ tình dục mặc dù không muốn vì sợ		Dùng bạo lực để cưỡng ép quan hệ tình dục	
	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko	Có	Ko
Chưa hoàn thành tiểu học (n=68)	36,8	63,2	5,9	94,1	17,6	82,4	7,4	92,6
Tiểu học (n=228)	33,8	66,2	4,8	95,2	7	93	7	93
Trung học cơ sở (n=304)	24,1	75,9	2,6	97,4	3,6	96,4	4,3	95,7
Trung học phổ thông (n=203)	25,6	74,4	3,9	96,1	5,9	94,1	3	97
Sơ cấp/trung cấp nghề (n=75)	22,7	77,3	1,3	98,7	0	100	2,7	97,3
Cao đẳng (n=35)	25,7	74,3	2,9	97,1	2,9	97,1	0	100
Đại học (n=85)	23,5	76,5	3,5	96,5	2,4	97,6	1,2	98,8
Tiến sĩ (n=5)	20	80	0	100	0	100	0	100

**Bảng 4:** Mô hình hồi quy logistic xác định trải nghiệm bạo lực gia đình

	Phải trải qua bạo lực gia đình trong 12 tháng gần đây	Từng trải qua bạo lực gia đình trong cuộc đời
<b>Tài sản</b>	<b>Xác suất</b>	<b>Xác suất</b>
Mức cơ bản: Nghèo nhất		
2	0.717 (p= 0.313)	0.753 (p= 0.386)
3	0.673 (p= 0.211)	0.89 (p= 0.706)
4	0.619 (p= 0.118)	0.937 (p= 0.822)
Giàu nhất	0.507* (p= 0.069)	0.507* (p= 0.053)
<b>Số người trong gia đình</b>	0.962 (p= 0.57)	0.954 (p= 0.491)
<b>Tuổi của phụ nữ</b>	0.978 (p= 0.789)	0.943 (p= 0.587)

<b>Tuổi của nam giới</b>	1.045 (p= 0.460)	1.186* (p= 0.068)
<b>Tuổi phụ nữ khi kết hôn</b>	0.899 (p= 0.247)	0.965 (p= 0.692)
<b>Tuổi người chồng/bạn tình khi kết hôn</b>	1.016 (p= 0.889)	0.907 (p= 0.42)
<b>Dân tộc</b>		
Mức cơ bản: Kinh		
Tày	1.062 (p= 0.892)	0.476* (p= 0.083)
Nùng	0.847 (p= 0.704)	1.131 (p= 0.782)
Khác	0.92 (p= 0.909)	1.433 (p= 0.579)
<b>Thường xuyên tham gia một hội, nhóm hoặc tổ chức</b>	1.128 (p= 0.707)	1.293 (p= 0.386)
<b>Phụ nữ giữ liên lạc với gia đình mình bao lâu một lần</b>		
Mức cơ bản: không bao giờ		
Một/vài lần một tuần	0.411 (p= 0.486)	0.824 (p= 0.891)
Một/vài lần một tháng	0.597 (p= 0.687)	1.062 (p= 0.966)
Một/vài lần một năm	0.829 (p= 0.886)	1.094 (p= 0.951)
<b>Chồng/bạn tình có thường xuyên uống rượu không</b>		
Mức chuẩn: không bao giờ		
Hằng ngày	2.29** (p= 0.033)	1.944* (p= 0.086)
Vài lần một tuần	1.583 (p= 0.205)	1.355 (p= 0.36)
Vài lần một tháng	1.179 (p= 0.649)	1.195 (p= 0.582)
Vài lần một năm	0.962 (p= 0.923)	0.833 (p= 0.607)
<b>Chồng/bạn tình có thường xuyên đánh bạc không</b>		
Mức chuẩn: không bao giờ		
Hằng ngày	4.6 (p= 0.211)	
Vài lần một tuần	4.93** (p= 0.037)	2.219 (p= 0.358)
Vài lần một tháng	2.71* (p= 0.073)	4.534 (p= 0.108)
Vài lần một năm	3.127*** (p= 0.003)	3.078*** (p= 0.009)
<b>Chồng/bạn tình có phải trải qua bạo hành khi còn nhỏ không</b>		
Mức chuẩn: không bao giờ		
Phải chứng kiến	1.928 (p= 0.1)	1.854 (p= 0.147)
	2.056 (p= 0.246)	0.615 (p= 0.443)
Trực tiếp trải qua	1.169 (p= 0.662)	1.643 (p= 0.18)
Vừa chứng kiến vừa trải qua	1.061 (p= 0.814)	1.183 (p= 0.487)
Không biết		

<b>Phụ nữ có phải trải qua bạo hành trong gia đình khi còn nhỏ không</b>		
Mức chuẩn: không bao giờ		
Phải chứng kiến	1.188 (p= 0.585)	1.889* (p= 0.054)
Trực tiếp trải qua	3.139** (p= 0.025)	2.878* (p= 0.074)
Vừa chứng kiến vừa trải qua	1.163 (p= 0.652)	0.765 (p= 0.436)
<b>Số lần cãi vã trong mối quan hệ hiện tại</b>	4.802*** (p= 0.000)	3.754*** (p= 0.000)
<b>Thời gian cuộc hôn nhân</b>	0.998 (p= 0.736)	0.993 (p= 0.375)
<b>Thu nhập hằng ngày của chồng</b>	0.999 (p= 0.206)	0.998*** (p= 0.002)
<b>Thu nhập hằng ngày của vợ</b>	0.999 (p= 0.679)	0.998** (p= 0.011)
<b>Mức chênh tuổi khi kết hôn</b>	0.887 (p= 0.280)	0.909 (p= 0.442)
<b>Tập quán giới</b>	1.277** (p= 0.011)	1.21** (p= 0.034)
<b>Trình độ giáo dục của phụ nữ</b>		
Mức chuẩn: Chưa hoàn thành tiểu học		
Tiểu học	1.308 (p= 0.576)	0.748 (p= 0.556)
Trung học cơ sở	1.221 (p= 0.675)	1.005 (p= 0.993)
Trung học phổ thông	1.199 (p= 0.723)	0.676 (p= 0.453)
Đại học	0.912 (p= 0.873)	0.796 (p= 0.696)
<b>Trình độ giáo dục của chồng/bạn tình</b>		
Mức chuẩn: Chưa hoàn thành tiểu học		
Tiểu học	1.27 (p= 0.644)	1.534 (p= 0.4)
Trung học cơ sở	0.864 (p= 0.778)	1.209 (p= 0.710)
Trung học phổ thông	0.9048 (p= 0.852)	1.057 (p= 0.916)
Đại học	1.05 (p= 0.932)	1.086 (p= 0.881)

\*P<10%, \*\*P< 5% and \*\*\*P< 1%

**Bảng 5: Phân bố thu nhập của phụ nữ cho biết đã từng trải qua bạo lực gia đình trong cuộc đời**

<b>Thu nhập hàng tháng</b>	<b>Phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình (%)</b>	<b>Phụ nữ không phải là nạn nhân bạo lực gia đình (%)</b>
0	7	1
Ít hơn 1 triệu	21	7
Từ 1 triệu đến dưới 2,6 triệu	39	35
Từ 2,6 triệu đến dưới 4 triệu	17	28
Từ 4 triệu đến dưới 7 triệu	11	23
Từ 7 triệu đến 50 triệu	5	6



**UN Women**

UN Women Viet Nam Country Office  
72 Ly Thuong Kiet Street, Hanoi, Vietnam  
Tel: +84 4 39421495  
Fax: +84 4 38223579  
Website: [www.unwomen.org](http://www.unwomen.org)